A. GRIN

CÁNH BUỒM ĐỎ THẮM

A-LÊCH-XAN-ĐRƠ GRIN

CÁNH BUỒM ĐỎ THẮM



NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG
MÁT-XCƠ-VA 1984

АЛЕКСАНДР ГРИН

АЛЫЕ ПАРУСА

Феерия
На вьетнамском языке

In theo bản dịch của Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội
Người dịch: *Phan Hồng Giang*
Người biên tập: *Thu Hằng, Hoàng Như Tiến*

Minh họa của Mi-kha-in Đô-rô-khốp

94
—— 415-84

In tại Liên Xô

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến. Chắc nhiều em đã xem cuốn phim Liên Xô «Cánh buồm đỏ thắm» rồi. Cuốn phim ấy chính là tác phẩm chuyển thể điện ảnh từ thiên truyện cùng tên nổi tiếng của nhà văn Nga A-lếch-xan-đrơ Grin.

A. Grin đã sống một cuộc đời đầy vất vả, gian truân. Ông đã từng phải lang thang kiếm sống khắp nước Nga, từng phải đi lính cho Nga hoàng, phải chịu tù đày. Nhưng mặc cho hoàn cảnh bên ngoài nghiệt ngã, Grin vẫn giữ trọn trong lòng mình niềm tin ở tương lai, khát vọng về một cuộc đời hạnh phúc của con người.

Thiên truyện «Cánh buồm đỏ thắm» chan hòa ánh mặt trời và tình người, đã được Grin viết vào năm 1920 - 1921, chính là năm ông vừa thoát khỏi cơn bệnh hiểm nghèo, đói ăn, thiếu mặc, không nhà, không cửa...

Grin đã trở thành người bạn tinh thần của những ai giàu lòng mơ ước, thèm được sống một cuộc đời đẹp đẽ bởi chính bàn tay mình xây đắp.

Ở Liên Xô, tên ông đã được đặt cho tàu đi biển. Và thật là một điều tình cờ tốt đẹp cho bạn đọc trẻ chúng ta, con tàu Liên Xô «A-lếch-xan-đrơ Grin» đã luôn gắn bó với cuộc kháng chiến chống Mỹ thần thánh của nhân dân ta. Tháng Năm năm 1972, khi Ních-xơn đánh phá trở lại miền Bắc, con tàu «A-lếch-xan-đrơ Grin» đã vượt biển xa cập bến cảng Hải Phòng, mang hàng hóa cần thiết cho nhân dân ta, và có thủy thủ Liên Xô đã hi sinh khi máy bay Mỹ bắn phá. Tháng 5 năm 1975, khi Sài Gòn giải phóng, con tàu «A-lếch-xan-đrơ Grin» cũng

lại là một trong những con tàu đầu tiên cập bến cảng Nhà Rồng chở hàng giúp chúng ta xây dựng lại đất nước...

Chúng tôi hi vọng «Cánh buồm đỏ thắm» được dịch ra tiếng Việt sẽ càng gắn bó tên tuổi của A-lếch-xan-đrơ Grin với bạn đọc trẻ chúng ta.

Người dịch

CUỘC ĐỜI A-LÊCH-XAN-ĐRƠ GRIN

Nhà văn Grin — A-lếch-xan-đrơ Xchê-pa-nô-vích Grin-nhép-xki — mất tháng Bảy năm 1932 ở Xta-rưi Crưm — thành phố nhỏ sum suê những hàng cây dẻ cổ thụ.

Grin đã sống qua một cuộc đời vất vả. Hoàn cảnh sống ấy dường như đã cố ý nhằm biến Grin thành kẻ tội phạm hoặc một gã phàm tục độc ác. Thật khó hiểu là bằng cách nào mà con người u uất ấy không những đã không làm hoen ố, mà còn có thể giữ gìn được trí tưởng tượng mạnh mẽ, sự trong trắng của tâm hồn, giữ được nụ cười ngượng ngùng qua suốt cả cuộc đời đầy dằn vặt của mình.

Tiểu sử của Grin là bản cáo trạng nghiêm khắc đối với thể chế của những mối quan hệ giữa người với người trước cách mạng. Nước Nga ngày trước đã đối xử với Grin một cách tàn nhẫn — nó đã tước đi của ông từ tuổi ấu thơ tình yêu đối với thực tại. Thực tại quanh ông thật đáng ghê sợ, còn cuộc sống thì quá là không thể chịu nổi. Nó giống như một thứ tòa án độc đoán đến man rợ. Grin đã sống được, nhưng sự hoài nghi thì vẫn còn lưu mãi trong suốt cuộc đời ông. Ông luôn luôn tìm cách thoát ra khỏi thực tại đó, và cho rằng, thà sống với những giấc mơ vô hình, còn hơn là phải chịu đựng «những cặn bã và rác rưởi» hết ngày nọ đến ngày kia.

Grin bắt đầu viết và đã tạo ra trong sách của mình một thế giới của những con người biết vui vẻ và dũng cảm, tạo ra một miền đất đầy hoa thơm cỏ lạ, tràn ngập ánh mặt trời, miền đất không hề có trên bản đồ, tạo ra những sự kiện đáng kinh ngạc khiến tâm trí ngất ngây như vừa nhấp những hớp rượu nồng.

«Tôi luôn luôn nhận thấy rằng, — Mắc-xim Goóc-ki viết trong cuốn «Trường đại học của tôi», — con người ta ưa thích những truyện ngắn hấp dẫn chỉ vì chúng cho phép họ được lãng quên đi trong khoảnh khắc cuộc sống vốn nặng nề, nhưng đã quá ư quen thuộc».

Câu nói này hoàn toàn thích ứng với Grin.

Cuộc sống Nga đối với ông chỉ giới hạn ở vùng Vi-át-ca nhàm tẻ với trường dạy nghề thủ công bẩn thỉu và những quán trọ đêm, với công việc lao động quá sức chịu đựng, với nhà tù và nạn đói triền miên. Nhưng đâu đó sau cái đường chân trời màu xám ấy đang rạng ngời những miền đất tràn đầy ánh sáng, gió biển và cỏ hoa. Ở đó có những con người da nâu rám nắng đang sống — họ là những người đi tìm vàng, những thợ săn và họa sĩ, những kẻ giang hồ vui vẻ và những phụ nữ đầy đức hy sinh, yêu đời và hiền như con trẻ, nhưng trước tiên — họ là những người đi biển.

Đối với Grin thì thật là quá ư nặng nề, có khi còn không thể chịu đựng nổi, nếu sống mà lại thiếu mất lòng tin rằng có những miền đất như vậy đang nở hoa rì rào đâu đó trên những hòn đảo giữa đại dương.

Cách mạng đến. Nó làm đảo lộn rất nhiều những gì đã đè nén Grin: thể chế thú dữ của những mối quan hệ cũ giữa người với người, sự bóc lột, sự ngăn cách — tất cả những gì đã làm Grin phải trốn chạy cuộc sống để đi vào thế giới của những giấc mơ và sách vở.

Grin chân thành vui đón cách mạng đến, nhưng những chân trời xa đẹp đẽ của tương lai mà cách mạng sẽ đem lại còn chưa hiện rõ, mà Grin thì lại thuộc số người luôn bị sự nôn nóng giày vò.

Cách mạng đến không phải trong tấm áo ngày hội, mà đến như một chiến binh đầy bụi đất, như một nhà phẫu thuật. Cách mạng lật xới những lớp đất nghìn năm của nếp sống cũ kỹ.

Tương lai xán lạn hiện ra với Grin rất xa, mà ông thì lại muốn được sờ nó ngay lập tức, không chậm trễ. Ông muốn được thở hít khí trời trong lành của những thành phố tương lai, rì rào cây xanh và ríu rít tiếng cười con trẻ, được đi vào nhà những con người của tương lai, cùng họ tham gia vào những cuộc khảo sát đầy bí ẩn, sống bên họ trong một cuộc đời đầy ý nghĩa và vui tươi.

Thực tại đã không thể đem lại cho Grin điều đó ngay tức khắc.

Chỉ có sự tưởng tượng mới có thể đưa ông đến với hoàn cảnh như mơ ước, đến với những hiện tượng và con người khác thường nhất.

Từ thuở nhỏ Grin đã có một trí tưởng tượng rất chính xác. Khi ông đã trở thành nhà văn, ông đã tự hình dung ra những miền đất không tồn tại thực, nơi diễn ra hành động các truyện ngắn của ông, không phải như những phong cảnh mờ ảo, mà như những miền đất đã được nghiên cứu kỹ càng, đã trăm lần đi qua.

Ông đã có thể vẽ ra bản đồ chi tiết của những miền đất ấy, có thể đánh dấu từng chỗ ngoặt của con đường và đặc tính của loài thảo mộc, từng đoạn dòng sông uốn khúc và sự bố trí của các ngôi nhà; cuối cùng, ông còn có thể liệt kê tất cả những con tàu đậu ở những bến cảng không tồn tại, với tất cả những đặc điểm hàng hải của chúng và những tính chất của đội tàu đầy vô tư và yêu đời.

Đây là thí dụ cho phong cảnh chính xác không tồn tại đó. Trong truyện «Miền đất Lan-phi-e-rơ» Grin viết:

«Phía bắc là một khu rừng bất động màu xanh sẫm, ôm gọn cho đến tận chân trời những vách đá trắng lộ những đường nứt nẻ và lác đác điểm xuyết những bụi cây gầy gò.

Phía đông, bên kia hồ là dải đường màu trắng dẫn ra ngoài thành phố. Bên đường đôi chỗ có cây mọc trơ trọi nhỏ nhắn như những chồi rau non.

Phía tây, men theo đồng bằng nhấp nhô những lũng đất và ngọn đồi là biển xanh rực rỡ lấp loáng ánh bạc.

Còn về phía nam, từ trung tâm của miền đất trũng thoai thoải, nơi có những nếp nhà và trang trại sặc sỡ, ẩn trong những lùm cây xanh bề bộn, là những vạt ruộng hình chữ nhật xiên xẹo của những đồn điền và những cánh đồng đã cày xới của miền «Lan-phi-e-rơ».

Grin mất đi để lại cho chúng ta câu hỏi phải trả lời là liệu thời đại của chúng ta có cần đến những người mơ tưởng đầy nhiệt thành như ông không.

Quả thật là chúng ta cần những nhà mơ tưởng. Đã đến lúc phải dứt bỏ thái độ cười giễu đối với chữ đó. Nhiều người vẫn còn chưa

biết mơ tưởng, và, có lẽ vì thế mà họ không thể nào tự nâng lên ngang tầm thời đại.

Nếu tước đi ở con người khả năng mơ ước, thì sẽ làm mất đi một trong những nguyên nhân kích thích mạnh mẽ nhất làm nảy sinh văn hóa, nghệ thuật, khoa học và khát vọng đấu tranh cho một tương lai tươi đẹp. Nhưng mơ ước không được tách khỏi thực tại. Mơ ước cần tiên đoán trước tương lai và tạo ra trong chúng ta cảm giác rằng chúng ta đang được sống trong tương lai đó và tự mình trở nên khác đi.

Người ta thường cho rằng mơ ước của Grin là tách khỏi cuộc sống, là trò chơi kỳ dị, vô nghĩa của trí tuệ. Người ta thường cho rằng Grin là một nhà văn phiêu lưu — nói cho đúng thì ông có tài dựng truyện nhưng là một người đã viết ra các cuốn sách không có ý nghĩa xã hội.

Ý nghĩa của mỗi nhà văn được xác định ở chỗ nhà văn đó đã tác động đến chúng ta thế nào, sách của nhà văn đó đã gợi ra những cảm xúc, suy nghĩ và hành động như thế nào, có làm giàu sự hiểu biết của chúng ta hay chỉ được đọc như là sự sưu tập thú vị của từ ngữ mà thôi.

Grin đã đưa vào sách của mình những con người dũng cảm, hồn nhiên như con trẻ, những con người kiêu hãnh, phúc hậu và giàu đức hy sinh.

Những con người trọn vẹn, đầy hấp dẫn đó được bao bọc bởi khí trời trong lành đầy hương thơm của thiên nhiên Grin — một thiên nhiên đầy hiện thực, đáng yêu, làm xúc động trái tim chúng ta. Thế giới mà trong đó các nhân vật của Grin đã sống chỉ có thể gây cảm giác không thực với những ai nghèo nàn về tinh thần. Nhưng ai cảm thấy tâm trí mình hơi choáng váng ngay từ lần hít thở đầu tiên khí trời ấm áp mằn mặn của những miền ven biển, người đó sẽ cảm thấy ngay tính chân thực của phong cảnh Grin, hơi thở khoáng đạt của những miền đất Grin.

Những truyện của Grin gợi ra trong con người khát vọng về một cuộc đời đa dạng đầy những mạo hiểm, dũng cảm và «cảm giác cao cả» thường thấy ở các nhà thám hiểm, những nhà đi biển và

những nhà du hành. Đọc xong truyện của Grin ta thấy muốn được nhìn cả thế giới — không phải là những miền đất do Grin tưởng tượng ra, mà là những miền đất có thực, chan chứa ánh sáng, đầy rừng cây, tiếng rì rào muôn vẻ của các bến bờ, tình yêu và niềm say mê của con người.

«Trái đất này luôn kích thích tôi, — Grin viết. — Đại dương của nó bao la, đảo thì hằng hà sa số, và biết bao nhiêu miền đất bí ẩn, hấp dẫn vô cùng».

Truyện hoang đường không phải chỉ cần cho con trẻ, mà cần cho cả người lớn nữa. Nó gợi sự xúc động bồi hồi — nguồn gốc của những niềm say mê cao cả của con người. Nó không cho phép chúng ta bình yên mà luôn luôn chỉ ra những khoảng trời xa, một cuộc sống khác, nó làm chúng ta nôn nao và bắt phải khát khao mơ ước có cuộc sống đó. Đó chính là giá trị của truyện thần thoại, hoang đường, và đó cũng chính là giá trị của sự hấp dẫn, vẻ đẹp rõ ràng, mãnh liệt đôi lúc khó diễn thành lời trong những truyện của Grin.

Người ta thường nói đến tính mạo hiểm phiêu lưu trong những cốt truyện của Grin. Điều đó đúng, nhưng cốt truyện phiêu lưu của ông chỉ là cái vỏ bọc của một nội dung sâu sắc hơn nhiều. Phải là người mù mới không thấy được tình yêu con người trong các cuốn sách của Grin.

Grin không phải chỉ là một nhà tả cảnh tuyệt vời mà là người khéo dựng các cốt truyện, ông còn là một nhà tâm lý rất tinh tế. Ông viết về đức hy sinh, về lòng dũng cảm — những nét anh hùng chứa đựng trong những con người bình thường nhất. Ông viết về tình yêu lao động, yêu nghề nghiệp của mình, về sự nguyên sơ và hùng vĩ của thiên nhiên. Cuối cùng là thật ít có nhà văn viết về tình yêu đối với người phụ nữ một cách trong sáng, đầy nâng niu trân trọng và xúc động như Grin đã viết.

Tôi có thể dẫn ra đây hàng trăm đoạn trích từ các sách của Grin, những cuốn sách làm xúc động những ai chưa mất đi khả năng xúc động trước cái đẹp, nhưng chắc chắn là bạn đọc sẽ tự mình tìm ra những đoạn đó.

Grin nói rằng «cả trái đất này với tất cả những gì mà nó có đều

là dành cho cuộc sống của chúng ta, và để cho cuộc sống đó được trân trọng ở tất cả những nơi nó tồn tại».

Grin là nhà văn cần cho thời đại chúng ta, bởi vì ông đã đóng góp phần mình vào sự nghiệp nuôi dưỡng những tình cảm cao đẹp, thiếu đi cái đó không thể nào xây dựng được xã hội xã hội chủ nghĩa.

C. Pau-xtốp-xki

I
LỜI TIÊN ĐOÁN

Lông-gren là thủy của con tàu «Ô-ri-on» chở được ba trăm tấn. Anh đã làm việc trên con tàu đó mười năm và gắn bó với nó có lẽ còn thân thiết hơn là con với mẹ. Nhưng cuối cùng thì anh đã phải rời bỏ con tàu.

Chuyện xảy ra như thế này. Vào một trong những chuyến về thăm nhà hiếm hoi, anh không thấy chị Mê-ri, vợ anh, từ xa đứng trên ngưỡng cửa vẫy vẫy tay, rồi sau đó chạy tới đón anh, thở hổn hển chừng như đứt hơi. Bên chiếc giường trẻ con — đồ vật mới trong căn nhà nhỏ của Lông-gren — anh chỉ thấy bà hàng xóm với dáng vẻ đầy xúc động.

— Đã ba tháng rồi tôi phải chăm sóc nó đấy, — bà hàng xóm nói, — anh hãy nhìn con gái anh đi!

Lông-gren lặng người, cúi xuống đứa trẻ tám tháng đang chăm chăm nhìn bộ râu dài của anh, rồi anh ngồi xuống, đầu cúi, tay vân vê bộ râu. Râu anh ướt đẫm vì mưa.

— Mê-ri chết bao giờ hở bác? — anh hỏi.

Người đàn bà kể lại câu chuyện buồn thảm, chốc chốc dừng lại nựng đứa bé và quả quyết rằng Mê-ri đã được lên thiên đường. Khi Lông-gren biết rõ câu chuyện thì thiên đường đối với anh chẳng sáng sủa hơn nhà chứa củi là bao nhiêu, và anh nghĩ rằng nếu như bây giờ có cả vợ anh thì ánh lửa của chiếc đèn nhỏ có thể là một niềm vui không gì thay thế được đối với người phụ nữ đã đi vào xứ sở huyền bí.

Chừng ba tháng trước, người mẹ trẻ gặp phải chuyện không may. Hơn nửa số tiền Lông-gren để lại, Mê-ri đã tiêu tốn vào việc chữa chạy sau lần đẻ khó, vào việc chăm sóc sức khỏe cho đứa trẻ sơ sinh. Thêm nữa, Mê-ri lại đánh mất một số tiền tuy không nhiều nhưng rất cần cho cuộc sống của hai mẹ con. Hoàn cảnh khó khăn đó đã buộc Mê-ri phải đến nhà Mê-néc vay tiền. Mê-néc là chủ quán rượu, có một cửa hàng tạp hóa nhỏ. Y được coi là kẻ giàu có.

Mê-ri đến nhà y vào lúc sáu giờ tối. Gần bảy giờ, bà hàng xóm gặp chị trên đường đến thị trấn Li-xơ. Mê-ri vừa khóc vừa buồn bã kể rằng chị phải đi lên phố để cầm chiếc nhẫn cưới. Chị nói thêm rằng Mê-néc đồng ý đưa tiền cho chị, nhưng đòi chị phải yêu hắn. Mê-ri đành về không.

— Nhà cháu không còn gì ăn, bác ạ, — chị nói với bà hàng xóm. — Cháu phải đi lên phố cố kiếm về ít tiền, rồi hai mẹ con gắng lần hồi cho đến khi nhà cháu về.

Tối hôm đó trời vừa rét vừa có gió thổi, bà hàng xóm đã không ngăn được Mê-ri đi lên phố vào ban đêm. «Cháu sẽ bị ướt, Mê-ri ạ, trời đang lất phất mưa, cứ cái điệu gió này thì trời sắp mưa to đấy!»

Từ làng ven biển lên thị trấn Li-xơ cả đi lẫn về nhanh cũng mất ít nhất ba giờ, nhưng Mê-ri không nghe theo lời khuyên của bà hàng xóm. «Thôi, cháu không muốn quấy quả các bác nữa, — Mê-ri nói, — gần như nhà nào cháu cũng từng vay bánh mì, chè hay bột. Đem cầm chiếc nhẫn này là xong thôi bác ạ». Mê-ri đi lên phố về, đến hôm sau thì lên cơn sốt cao, mê sảng. Trời đêm lạnh giá đã làm chị bị viêm phổi nặng — theo lời ông bác sĩ trên phố được bà già tốt bụng mời về cho biết. Một tuần sau, chiếc giường đôi của Lông-gren đã trống không, bà hàng xóm đã dọn sang nhà anh ở để chăm sóc trẻ. Đối với một người đàn bà góa bụa cô đơn như bà thì việc đó không khó. «Thêm nữa, — bà nói tiếp, — không có đứa bé ấy thì cũng buồn».

Lông-gren đi lên phố, thôi việc, từ biệt bạn bè rồi trở về nhà nuôi nấng bé A-xôn. Khi đứa bé đi chưa vững thì bà hàng xóm còn ở lại trong nhà Lông-gren, thay thế người mẹ quá cố chăm sóc nó. Nhưng khi A-xôn đi vững, bước qua được ngưỡng cửa, thì Lông-gren quyết định sẽ tự mình nuôi dạy đứa trẻ. Anh cám ơn bà hàng xóm đã tận tình giúp đỡ anh. Rồi từ đấy, anh sống cuộc đời cô đơn của người góa vợ, tập trung tất cả ý nghĩ, hi vọng, tình cảm và kỷ niệm của mình vào đứa trẻ.

Mười năm sống nay đây mai đó chỉ đem lại cho anh một số tiền rất nhỏ. Anh bắt đầu làm việc. Ít lâu sau, trong những cửa hiệu trên phố đã thấy bày bán những đồ chơi do chính tay anh khéo léo làm ra — những chiếc thuyền nhỏ, xuồng máy, thuyền buồm một boong,

hai boong, tàu thủy, tàu tuần dương, tóm lại tất cả những gì anh đã gần gũi, những gì trong khi làm việc đã phần nào thay thế cho anh cuộc sống ồn ào ngoài cảng, thay thế được lao động đầy thơ mộng của những chuyến đi biển. Bằng công việc đó, Lông-gren đã kiếm tiền để hai bố con có thể sống một cách tằn tiện. Vốn là người ít giao du, sau khi vợ mất, Lông-gren lại càng trở nên kín đáo, ít cởi mở hơn. Vào những ngày lễ, thỉnh thoảng người ta thấy anh trong quán rượu, nhưng anh không bao giờ ngồi mà chỉ vội vàng uống một cốc rượu ngay tại quầy rồi ra về, đáp lại lời thăm hỏi của mọi người một cách vắn tắt: «xin chào», «tôi đi nhé», «vâng», «không», «cũng thường thôi». Anh không thích tiếp khách. Khi có khách, anh khéo léo tỏ ý muốn họ về bằng những lời nói bóng gió xa xôi hay những cớ do anh tưởng tượng ra. Những lúc ấy, khách chỉ còn cách là nghĩ ra một lý do nào đó để cáo từ. Phần anh cũng không thăm ai, vậy là giữa anh và dân làng có cái gì đó lạnh lùng ngăn cách. Nếu như việc làm đồ chơi của anh phụ thuộc nhiều vào công việc của dân làng thì quan hệ như thế có thể đem lại cho anh nhiều khó khăn. Thức ăn dự trữ và các thứ hàng cần thiết anh mua trên thị trấn — Mê-néc không thể khoe khoang được rằng Lông-gren đã mua hàng ở cửa hiệu của y, dù chỉ là một bao diêm. Anh tự mình làm mọi việc trong nhà và tỏ ra rất chịu khó nuôi dạy con gái, một việc vốn phức tạp, không phải của đàn ông.

A-xôn đã lên năm tuổi. Khi em ngồi trên đùi Lông-gren, chăm chú mân mê chiếc cúc áo gi-lê hay ngộ nghĩnh hát những bài ca thủy thủ, Lông-gren thường dịu dàng cười với con, ngắm nghía gương mặt hiền lành, lanh lợi của con. Qua giọng hát con trẻ, những bài hát ấy gợi nhớ đến con gấu thắt đai xanh đang vụng về nhảy múa. Vào thời gian đó có một chuyện xảy ra bao trùm bóng đen lên cả hai bố con.

Dạo ấy là đầu mùa xuân, thời tiết còn khắc nghiệt như mùa đông, nhưng theo một kiểu khác. Khoảng ba tuần liền, gió bấc từ phía biển thổi mạnh về miền đất lạnh.

Thuyền đánh cá được kéo lên bờ, xếp thành dãy dài trên bãi cát trắng tựa như vây lưng những con cá khổng lồ. Không ai dám đi biển lúc tiết trời như thế. Trên con đường duy nhất ở làng chẳng mấy khi

gặp người nào rời khỏi nhà. Cơn lốc lạnh lẽo từ những ngọn đồi ven biển thổi thốc vào chân trời trống trải, biến không trung thành một trò tra tấn khắc nghiệt. Suốt từ sáng đến tối, khói tỏa trên những mái nhà dốc đứng trong làng Ca-péc-na.

Nhưng những ngày gió bấc ấy lại làm Lông-gren thích ra khỏi căn nhà nhỏ ấm cúng hơn là vào những ngày mặt trời tỏa ánh vàng xuống mặt biển và làng Ca-péc-na. Lông-gren đi đến chiếc cầu nhỏ dựng trên những hàng cọc dài, rồi đứng ở tận cuối cầu mà ngậm tẩu hút thuốc dưới trời gió rét. Anh nhìn những con sóng bạc đầu nối tiếp nhau đang dữ dội tràn vào bờ tung bọt trắng xóa, những đợt sóng chạy ầm ầm lan khắp vùng chân trời dông bão đen ngòm hệt như một đàn quái vật hung dữ đang lồng lộn trong cơn tuyệt vọng tìm đến một niềm an ủi xa xôi. Những tiếng ầm ào, từng loạt cột nước dựng lên và cả những luồng gió tưởng như thấy được đang vầm nát xung quanh — từng đợt một thật đều, thật mạnh, — làm dịu lại tâm hồn đau đớn của Lông-gren, giảm đi nỗi buồn da diết, như đưa anh vào giấc ngủ thật say.

Có lần, vào một trong những ngày ấy, đứa con trai mười hai tuổi của Mê-néc tên là Khin trông thấy chiếc thuyền của bố buộc dưới cầu bị sóng xô vào chân cầu chực làm vỡ mạn thuyền, bèn về nói lại với bố. Trước lúc cơn bão kéo đến, Mê-néc quên kéo thuyền lên bờ cát. Y lập tức chạy ra ngoài biển và nhìn thấy Lông-gren đang đứng hút thuốc tận cuối cầu, lưng quay về phía y. Ngoài bờ biển, ngoài họ ra, không còn ai. Mê-néc ra đến giữa cầu, bước xuống con nước như đang sôi sục và tháo dây buộc thuyền. Y đứng trên thuyền, tay lần những chiếc cọc đỡ cầu mà đưa thuyền vào bờ. Y không mang theo mái chèo. Bỗng y lỡ đà không kịp bíu vào cái cọc tiếp theo. Cùng lúc đó, một cơn gió mạnh ập đến quay ngược mũi thuyền ra phía biển. Bây giờ thì dù có vươn cả người, y cũng không thể với tới chiếc cọc gần nhất nữa. Sóng gió chao đảo chiếc thuyền, cuốn nó vào không gian chết chóc. Thấy thế, Mê-néc định nhảy xuống nước để bơi vào bờ, nhưng quyết định của y đã quá muộn, bởi vì con thuyền đã trôi ra một quãng xa ngoài phía cuối cầu, nơi nước sâu sóng to chắc chắn sẽ dìm y chết. Khoảng cách giữa Lông-gren và Mê-néc đang bị cuốn

ra ngoài xa lúc ấy chỉ chừng mười xa-giên[1]. Có thể cứu được Mê-néc, bởi vì ngay chỗ Lông-gren đứng có một cuộn dây to treo ở đấy. Người ta để sẵn cuộn dây ở đó để phòng khi thuyền về bến gặp sóng gió khó vào bờ thì ném nó xuống thuyền.

— Lông-gren! — Mê-néc kinh hoàng kêu lên. — Sao anh cứ đứng yên như phỗng thế kia? Ta đang bị cuốn đi đây này! Ném dây xuống đi!

Lông-gren im lặng, thản nhiên nhìn Mê-néc đang luống cuống trong thuyền. Chỉ có khói thuốc lá tỏa ra nhiều hơn trên chiếc tẩu của anh. Anh chậm rãi bỏ chiếc tẩu, như để nhìn rõ hơn điều đang xảy ra.

— Lông-gren! — Mê-néc kêu cứu. — Nghe thấy ta gọi chứ? Ta sắp chết đến nơi rồi, cứu ta với!

Nhưng Lông-gren không nói với hắn một lời nào, dường như anh không nghe thấy tiếng gào tuyệt vọng của hắn. Chừng nào chiếc thuyền chưa bị cuốn ra xa đến mức tiếng kêu cứu của Mê-néc không còn nghe thấy nữa, chừng ấy Lông-gren còn đứng yên không nhúc nhích. Mê-néc khóc rống lên vì sợ, van nài Lông-gren chạy về báo với dân chài, nhờ họ ra cứu, hứa cho tiền, rồi lại đe dọa, chửi rủa, nhưng Lông-gren chỉ bước ra thêm mấy bước đến tận sát mép cầu để không mất hút con thuyền đang bị sóng dồn lên đập xuống.

— Lông-gren, — anh nghe thấy tiếng gọi mơ hồ như người trong nhà nghe người gọi từ trên mái, — cứu tôi với!

Lúc ấy, Lông-gren hít thật sâu rồi gào lên thật to cho không một lời nào của anh bị mất hút đi trong tiếng gió:

— Vợ tao cũng đã từng kêu cứu với mày như thế! Hãy nhớ lại điều đó đi, chừng nào mày còn sống, đừng quên, Mê-néc ạ!

Lúc đó tiếng gào im bặt, và Lông-gren trở về nhà. Khi tỉnh dậy, A-xôn thấy bố đang ngồi bên ngọn đèn gần tắt, vẻ mặt hết sức đăm chiêu. Nghe thấy tiếng con gái gọi, anh đến bên con, ôm chặt con mà hôn rồi kéo chăn đắp lại cho con.

— Ngủ đi, con yêu của bố! — anh nói. — Còn lâu mới sáng, con ạ.

---

[1] Đơn vị đo chiều dài Nga. 1 xa-giên = 2,134 m. — *ND.*

— Bố làm gì đấy?

— Bố vừa làm xong một đồ chơi xấu. Ngủ đi, A-xôn!

Ngày hôm sau, dân làng Ca-péc-na xôn xao bàn tán về chuyện Mê-néc bị mất tích. Đến ngày thứ sáu thì người ta đem Mê-néc về làng, sống dở chết dở, vẻ mặt đầy ác độc. Chuyện y kể chẳng mấy chốc lan truyền đi khắp các làng lân cận. Mê-néc lênh đênh trên sóng biển cho đến chiều. Y đã phải vật lộn với sóng nước lúc nào cũng chực dìm y xuống đáy biển, cả người va đập liên tiếp vào mạn thuyền và lòng thuyền mãi cho đến khi được chiếc tàu «Lu-crê-xi-a» đi Kát-xét vớt lên. Bị cảm lạnh và phải sống qua những giờ phút kinh hãi cực độ, y đã không sống thêm được bao lâu. Chưa đầy hai ngày đêm sau y chết: trước khi chết y cầu mong cho Lông-gren gặp phải mọi tai họa có thể có trên đời và trong tưởng tượng. Câu chuyện về việc Lông-gren chứng kiến tai họa của Mê-néc mà không cứu giúp được tô vẽ thêm bằng hơi thở nặng nề và rền rĩ của Mê-néc, đã làm dân làng Ca-péc-na kinh ngạc. Cả làng chẳng còn mấy ai nhớ đến nỗi đau khổ nặng nề mà Lông-gren đã phải chịu đựng, và cũng chẳng còn mấy ai hết sức đau khổ về Mê-ri như Lông-gren đã đau khổ cho đến hết đời mình. Dân làng cảm thấy kinh sợ, khó hiểu về thái độ im lặng của Lông-gren lúc đó. Cho đến khi nói những lời cuối cùng cho Mê-néc Lông-gren đã đứng lặng yên, không nhúc nhích, nghiêm nghị và trầm lặng như một người phán xét biểu lộ sự khinh bỉ cực độ đối với Mê-néc. Sự khinh bỉ ấy còn đáng sợ hơn cả lòng căm thù, và điều này mọi người đều cảm thấy. Nếu anh hét lên, vung tay múa chân hoan hỉ lộ rõ sự khoái trá khi thấy kẻ thù gặp nạn, hoặc là bằng cách nào khác tỏ rõ sự đắc thắng của mình khi Mê-néc đang tuyệt vọng, thì dân làng đã có thể hiểu được anh. Nhưng anh lại hành động khác với họ, anh đã cư xử thật lạ lùng, thật đáng kinh ngạc, và bằng cách đó anh đã đứng cao hơn những người khác. Nghĩa là anh đã làm một điều không thể tha thứ được. Từ lúc ấy, không ai chào anh, không ai bắt tay hay nhìn anh một cách vui vẻ hồ hởi nữa. Anh hoàn toàn xa cách với mọi chuyện trong làng. Trẻ con trông thấy anh chạy theo đồng thanh hô:

«Lông-gren dìm chết Mê-néc!» Anh không thềm để ý đến những chuyện ấy. Hình như anh cũng không nhận thấy rằng khi anh xuất hiện trong quán rượu hay ngoài bờ biển thì dân chài ở đấy đều im bặt, tránh xa anh như tránh người mắc bệnh dịch hạch. Chuyện xảy ra với Mê-néc đã khoét sâu thêm sự ngăn cách giữa Lông-gren với dân làng, trước kia còn chưa sâu sắc lắm. Bây giờ khi sự ngăn cách đó trở nên sâu sắc thì hai bên đều thấy căm ghét nhau và điều này đã ảnh hưởng đến cả A-xôn.

Cô bé đã lớn lên mà không có bạn bè. Hai ba chục đứa trẻ cùng lứa tuổi ở làng Ca-péc-na, khác nào chiếc bọt biển thấm nước, đã nhiễm phải định kiến thô bạo của gia đình mà cơ sở của nó là uy tín tuyệt đối của cha mẹ. Bọn chúng nhanh chóng tiếp nhận điều đó, như mọi đứa trẻ trên thế giới, và tẩy chay cô bé A-xôn, loại bỏ em ra khỏi môi trường của chúng. Điều này đã xảy ra một cách dần dà, bằng đe nẹt, dọa dẫm của người lớn. Họ cấm đoán bọn trẻ chơi với A-xôn, thêu dệt những chuyện méo mó để rồi cuối cùng, với đầu óc non nớt của chúng, bọn trẻ tự nhiên thấy sợ hãi trước gia đình người thủy thủ.

Thêm vào đấy, lối sống cách biệt của Lông-gren làm cho mọi người càng dễ bề đơm đặt vu khống. Người ta nói rằng thủy thủ Lông-gren đã từng giết người ở đâu đó, và vì thế không được nhận làm trên tàu nữa, còn bản thân anh bây giờ trở nên cô độc u sầu vì «bị lương tâm cắn rứt». Bọn trẻ xua đuổi A-xôn nếu cô bé lân la đến chơi với chúng, chúng ném đất vào em, trêu chọc em rằng bố em đã từng ăn thịt người và bây giờ đang làm bạc giả. Lần nào A-xôn định đến gần bọn trẻ, em cũng bị cào cấu, đánh đập thâm tím, em khóc lóc cay đắng và chịu đựng mọi biểu hiện khác của dư luận xã hội; cuối cùng em cũng không còn cảm thấy bị nhục mạ nữa. Nhưng đôi khi em vẫn hỏi bố em: «Bố ơi, sao họ không yêu bố con mình?» — Lông-gren đáp: «Này, A-xôn, lẽ nào họ biết yêu? Cần phải biết yêu, nhưng điều này thì họ không làm được». — «Thế nào là biết yêu hở bố? — «Là thế này, con ạ!» — Anh liền bế con gái lên và hôn thật lâu vào đôi mắt đượm buồn của con, đôi mắt đang lim dim lại vì được âu yếm.

Những phút chơi đùa thích thú nhất của A-xôn là vào buổi tối

hay ngày lễ, khi bố em thu dọn hộp đựng hồ dán, đồ lề, các công việc đang dở dang sang một bên, cởi chiếc tạp dề ra, ngậm tẩu thuốc vào miệng rồi bế em ngồi lên đùi mình. Những lúc ấy, A-xôn ngồi trong vòng tay nâng niu của bố, vừa sờ mó những thứ đồ chơi khác nhau vừa hỏi bố về công dụng của từng thứ đồ vật ấy. Lông-gren lại có dịp kể những chuyện thật ly kỳ về cuộc sống và con người. Do chỗ trước đây Lông-gren đã sống một cuộc đời nay đây mai đó, câu chuyện anh kể thường chứa đầy những sự kiện tình cờ, lạ kỳ và đáng kinh ngạc. Lông-gren nói với con tên những loại dây dợ, buồm, những vật dụng trên tàu, rồi dần dần say sưa chuyển từ lời giải thích sang kể những tình huống khác nhau trong đó vai trò chính là cái tời để thả và cất neo, bánh lái, cột buồm hay một loại thuyền nào đấy, và từ những minh họa cụ thể đó anh chuyển sang kể lại những cảnh đi biển đầy phóng khoáng, kết hợp chuyện mê tín với chuyện thật, rồi chuyện thật với các hình ảnh do anh hư cấu ra. Trong chuyện đó mới xuất hiện nào là con mèo cọp báo hiệu đắm tàu, nào là con cá bay biết nói, nếu không nghe lệnh của nó sẽ đi lạc đường, nào là những điềm báo, những hồn ma, nàng tiên cá, những tên cướp biển, nói tóm lại là tất cả những chuyện hoang đường mà các thủy thủ đã kể cho nhau nghe trong quán rượu quen thuộc hay trên tàu những khi gió lặng. Lông-gren còn kể về những lần đắm tàu, về những người lạc trên đảo lạ đã trở thành man rợ đến nỗi quên cả tiếng nói, về những kho báu bí mật, về những người tù khổ sai nổi loạn và nhiều chuyện khác. A-xôn nghe bố kể có lẽ còn chăm chú hơn khi người ta nghe ông Cô-lông kể lần đầu về chuyện tìm ra châu Mỹ. «Bố kể nữa đi», — bé A-xôn nói với bố khi Lông-gren ngừng kể, vẻ mặt tư lự; rồi em thiếp đi trên ngực bố trong giấc ngủ đầy những giấc mơ kỳ lạ.

A-xôn cũng rất mừng mỗi lần người buôn đồ chơi trên thị trấn về nhà Lông-gren mua hàng. Để lấy lòng Lông-gren và để mua được rẻ hơn, người lái buôn thường đem quà cho A-xôn, khi thì vài quả táo, cái bánh ngọt, khi thì nắm hạt dẻ. Thường thì Lông-gren chỉ nói đúng giá tiền thứ đồ chơi mình làm ra vì anh không thích thú gì chuyện cò kè mua bán. Nhưng lần nào người lái buôn cũng đòi bớt. «Ồ, sao lại thế ông, — Lông-gren nói, — tôi phải ngồi cả tuần mới làm được

chiếc thuyền buồm đấy. — Chiếc thuyền này dài năm véc-sốc[1]. — Ông cứ nhìn xem, chắc chắn lắm đấy, phần chìm lại chất lượng tốt nữa. Có thể chở được mười lăm người trong mọi thời tiết đấy». Kết cục là tiếng đứa con gái đang khẽ hát ru quả táo đã làm Lông-gren mềm lòng, anh hết muốn tranh cãi với người lái buôn, và y cuối cùng đã mua được rẻ. Y cho những đồ chơi chắc chắn, tuyệt đẹp ấy vào làn rồi ra về, tủm tỉm cười.

Mọi việc trong nhà, Lông-gren tự tay làm hết: bổ củi, xách nước, đốt lò, nấu ăn, giặt giũ, là quần áo, dọn dẹp mọi thứ. Tuy vậy Lông-gren vẫn dành thời gian để kiếm tiền. Khi A-xôn lên tám tuổi, anh đã dạy con đọc, viết. Thỉnh thoảng anh đưa con lên thị trấn. Sau đó đôi lần anh còn để con đi đến đó một mình mỗi khi cần phải vay tạm ít tiền ngoài cửa hiệu, hay đi đưa hàng. Điều này cũng ít xảy ra dù thị trấn Li-xơ chỉ cách làng Ca-péc-na vẻn vẹn bốn dặm. Nhưng vì đường đi phải qua một khu rừng thì thiếu gì cái làm trẻ con sợ sệt, chưa nói đến những nguy hiểm tuy cũng khó xảy ra vì ở gần phố xá nhưng không phải là không cần tính đến. Cho nên chỉ vào những buổi sáng thật đẹp trời, khi hai bên đường chan hòa ánh nắng, hoa cỏ tốt tươi, bầu trời vắng lặng, A-xôn không còn tâm trí đâu mà tưởng tượng đến những điều đáng sợ nữa, những lúc ấy Lông-gren mới cho con gái đi một mình lên phố.

Có lần, trên đường đi lên phố, cô bé A-xôn ngồi lại nghỉ và lấy miếng bánh rán để trong làn ra ăn lót dạ buổi sáng. Vừa ăn, A-xôn vừa ngắm nghía các đồ chơi mang theo: cô bé thấy vài ba thứ đồ chơi lạ, những thứ này cha cô đã làm về khuya. Trong số đó có một chiếc thuyền đua nhỏ sơn màu trắng với những cánh buồm đỏ thắm làm bằng những mảnh lụa mà Lông-gren chuyên dùng để trang hoàng cho các căn buồng trên tàu thủy lớn — thứ đồ chơi dành cho trẻ con các gia đình lắm tiền. Chắc là sau khi đẽo xong chiếc thuyền đua màu trắng, Lông-gren không biết lấy gì để làm buồm và đã tình cờ ghép vào đấy những mảnh lụa màu đỏ thắm. A-xôn mừng quá. Màu lụa thắm của những cánh buồm bé xíu đỏ rực trên tay A-xôn, dường như cô bé

[1] Đơn vị đo chiều dài Nga. 1 véc-sốc = 4,4 cm. — *ND.*

đang nâng niu một ngọn lửa. Đường lên phố đi qua một chiếc cầu nhỏ ghép bằng gỗ thô, dưới cầu là con suối len lỏi trong cánh rừng. «Mình thử thả xuống nước cho nó bơi một chút xem sao, — A-xôn nghĩ, — nó có bị ướt thì mình lại lau khô được ngay thôi mà». Cô bé đi sang bên kia cầu rồi men theo dòng suối, rẽ vào cánh rừng, khẽ khàng đặt chiếc thuyền mà cô yêu thích xuống mặt nước sát bên bờ. Cánh buồm in hình thắm đỏ trong làn nước trong veo, và tia sáng mặt trời chiếu qua lần vải lụa lung linh một màu hồng trên những hòn đá cuội trắng muốt hiện ra dưới đáy. «Ông thuyền trưởng ơi, ông từ đâu đến đấy?» — A-xôn khẽ hỏi một người tưởng tượng bằng giọng nghiêm trang, rồi cô bé tự đóng luôn vai thuyền trưởng trả lời: «Tôi đi từ... đi từ... Trung Hoa tới». — «Thế ông chở cái gì thế?» — «Chở cái gì thì tôi chả nói đâu». — «Chà, ông bướng thật, ông thuyền trưởng ạ! Thế thì tôi lại bỏ ông vào làn vậy». Ngay khi anh chàng thuyền trưởng tưởng tượng kia vừa định ngoan ngoãn trả lời rằng mình chỉ nói đùa thôi và anh ta sắp sửa lấy ra cho xem một con voi thì bất ngờ dòng nước chảy ven bờ từ từ làm quay mũi thuyền ra phía giữa dòng, và con thuyền, y như thật, lao nhanh theo dòng suối. Cảnh tượng trước mắt cô bé đột nhiên thay đổi: con suối đối với cô bé bỗng trở thành một dòng sông rộng, chiếc thuyền nhỏ hiện ra như một chiếc tàu lớn đã ra khơi xa, còn cô bé chút nữa thì ngã xuống nước giơ tay ra lấy thuyền. «Chắc thuyền trưởng sợ lắm», — cô bé thoáng nghĩ vậy và chạy theo chiếc thuyền con đang lao đi vun vút; cô hi vọng đến một chỗ nào đó, con thuyền sẽ mắc lại bên bờ. Cô bé vừa chạy vừa xách theo chiếc làn không nặng lắm nhưng cồng kềnh, miệng lẩm bẩm: «Trời ơi! Sao mình lại không may thế nhỉ!..» Cô bé cố không rời mắt khỏi con thuyền buồm xinh xắn đang lướt nhẹ trên dòng suối, chốc chốc lại vấp ngã, đứng vội lên, rồi lại chạy theo.

Chưa bao giờ A-xôn vào sâu trong rừng đến thế. Cô bé bị thu hút tất cả vào ý muốn nôn nóng lấy lại được chiếc thuyền, không còn nhìn thấy gì khác nữa. Dọc bờ suối cô bé chạy là vô số những vật chướng ngại, lẽ ra phải để ý tới. Những thân cây đổ bám đầy rêu, những cái hố, những cây dương xỉ, cây tầm xuân, cây nhài, cây dẻ mọc sum suê làm vướng chân A-xôn. Dần dần cô bé thấm mệt, mỗi



lúc lại phải dừng lại nhiều hơn để thở hay để gạt mạng nhện bám lên mặt. Đến một quãng rộng, lau sậy mọc đầy hai bên bờ thì A-xôn không còn nhìn thấy cánh buồm đỏ thắm nữa. Nhưng qua một khúc quanh, cô bé lại nhìn thấy cánh buồm xinh xắn ấy đang vun vút lao đi. Có lúc cô bé thoáng nhìn ra chung quanh và cả khu rừng rậm rì với từng cột ánh sáng đổ dài qua tán lá xen lẫn những khoảng tối sẫm âm u làm cô vô cùng kinh ngạc. Một chút sợ hãi thoáng qua nhưng rồi nghĩ đến chiếc thuyền, cô bé lại nặng nề thở, ráng hết sức chạy tiếp.

Cuộc chạy đuổi vô vọng và lo âu ấy kéo dài gần một tiếng đồng hồ, cho đến khi cô ngạc nhiên và khoan khoái thấy phía trước mặt cây cối giãn ra, để lộ một vùng biển màu xanh biếc cùng với những áng mây và bờ cát vàng. Cô bé chạy đi tới đó, mệt rã rời gần như ngã khuỵu xuống. Nơi đây là cửa dòng suối; nước tỏa ra không rộng và nông, có thể nhìn thấy rõ những hòn đá màu xanh nằm dưới đáy. Tới đây con suối mất hút trong làn sóng biển tràn đến. Từ trên bờ cát thoai thoải nham nhở những rễ cây, A-xôn nhìn thấy bên suối, trên một tảng đá to bằng phẳng, có một người ngồi quay lưng lại phía cô, tay cầm chiếc thuyền nhỏ. Người đó ngắm nghía kỹ càng chiếc thuyền với vẻ tò mò như một con voi vừa bắt được con bướm. Cô bé hơi yên lòng một chút vì thấy chiếc thuyền vẫn còn nguyên vẹn. Cô men theo bờ cát đi gần lại phía người lạ mặt cặp mắt chăm chú dò xét chờ người kia ngẩng đầu lên. Nhưng người lạ mặt say sưa ngắm vật bất ngờ gặp giữa rừng, đến mức cô bé có thể quan sát kỹ càng người ấy suốt từ đầu đến chân và nhận ra rằng từ bé đến giờ trong đời cô chưa từng gặp một ai giống như vậy cả.

Nhưng trươc mắt cô bé không phải ai xa lạ, mà chính là ông già Ê-gơn, một người đi bộ khắp đó đây để sưu tầm những bài dân ca, những câu chuyện cổ tích, thần thoại. Những món tóc xoăn dài bạc trắng lộ ra ngoài chiếc mũ rơm, chiếc áo sơ mi màu xám bỏ vào trong quần màu xanh và đôi ủng cao cổ đem lại cho ông dáng dấp một người đi săn, chiếc cổ áo màu trắng, chiếc ca-vát, cái thắt lưng to bản có gắn miếng kim loại mạ bạc, chiếc gậy chống và cái xắc có khóa mạ kền — tất cả những thứ ấy cho thấy rõ ông già vốn là người thành thị. Vẻ mặt của ông — nếu có thể dùng từ «mặt» để chỉ cái mũi, đôi môi, cặp mắt

lộ ra sau lớp râu sum suê và sau bộ ria rậm mọc vểnh lên — nom thật chất phác, nếu như không chú ý đến cặp mắt xam xám màu cát, ánh lên như thép thuần chất với cái nhìn khỏe khoắn, táo bạo.

— Bây giờ thì ông cho cháu xin lại nhé, — cô bé rụt rè cất tiếng nói. — Ông chơi một lúc lâu rồi đấy. Làm thế nào mà ông vớt được nó lên?

Ông già Ê-gơn ngẩng đầu, đánh rơi chiếc thuyền xuống đất. Giọng nói nhỏ nhẻ đầy xúc động của A-xôn vang đến tai ông quá bất ngờ. Ông già mỉm cười ngắm nhìn cô bé một lúc, từ từ khẽ tựa chiếc cằm đầy râu vào lòng bàn tay xương xương gân guốc của mình. Chiếc váy hoa bạc màu dài chưa quá đầu gối, để lộ đôi chân nhỏ gầy sạm nắng. Mái tóc đen dày ẩn dưới chiếc khăn ren lòa xòa trên vai. Nét mặt cô bé trông thật thanh thoát và trong trắng như đường bay của chim én mùa xuân. Đôi mắt mầu đen thoáng đượm một câu hỏi buồn buồn trông già dặn hơn khuôn mặt cô bé; gương mặt trái xoan mềm mại, hơi rám nắng, trông thật khỏe khoắn, đáng yêu. Cái miệng nho nhỏ xinh xinh hé nở một nụ cười duyên dáng.

— Các ông Grim, Ê-đốp, An-đéc-xen cũng phải thấy đây là một chuyện gì rất đặc biệt! — ông già nói, lúc thì nhìn cô bé, lúc thì nhìn chiếc thuyền nhỏ. — Này cô bé đáng yêu, hãy nghe ta nói nhé! Chiếc thuyền con này là của cháu ư?

— Thưa ông vâng ạ. Cháu chạy đuổi theo nó suốt dọc bờ suối, mệt muốn chết ông ạ. Thế nó mắc lại ở đây hở ông?

— Ở ngay bên chân ta đây. Đó là do đắm tàu, mà ta thì như là tên cướp trên bờ, ta có thể trao cho cháu phần thưởng này. Sau khi các thủy thủ đã rời khỏi thuyền thì một con sóng cao chừng ba véc-sốc đã hất nó lên bờ cát, khoảng giữa gót chân trái ta và chiếc gậy này. — Ông già cầm chiếc gậy đập đập xuống đất. — Thế cháu tên là gì, cô bé dễ thương?

— Cháu tên là A-xôn, — cô bé trả lời, tay cầm chiếc thuyền nhỏ mà ông già vừa đưa trả, bỏ vào làn.

— Được rồi, — ông già tiếp tục nói bằng một giọng khó hiểu, mắt vẫn chăm chăm nhìn cô bé, cái nhìn ẩn một nụ cười trìu mến. — Kể ra thì ta cũng chẳng cần hỏi tên cháu làm gì. Hay lắm, tên cháu nghe

là lạ, ngắn ngủi và có nhạc điệu như tiếng mũi tên vút đi hay tiếng ngân vang của chiếc vỏ ốc biển. Ta sẽ biết làm gì, nếu như cháu có một cái tên nghe thì êm tai, nhưng lại quá nhàm và rất xa lạ đối với điều Bí ẩn Đẹp đẽ? Hơn nữa ta cũng không muốn biết cháu là ai, bố mẹ cháu làm gì, cháu sống thế nào. Biết đâu cái ấn tượng tuyệt vời ban đầu này lại chẳng bớt trọn vẹn nếu ta hỏi thêm những điều ấy? Ta ngồi trên tảng đá này và đang so sánh các cốt truyện cổ tích Nhật Bản và Phần Lan... thì bất ngờ dòng suối đem tới đây con thuyền này và rồi cháu xuất hiện... như thế này đây. Cô bé đáng yêu ạ, ta là một nhà thơ từ trong tâm hồn, mặc dù ta chưa bao giờ làm thơ cả. Làn của cháu đựng những gì vậy?

— Trong làn cháu để mấy chiếc thuyền, — A-xôn trả lời, tay lúc lắc chiếc làn, — với một chiếc tàu thủy và mấy cái nhà nhỏ có cắm cờ. Đây là nhà ở của quân lính đấy.

— Được lắm. Thế ra cháu được sai đem những thứ này đi bán. Dọc đường cháu lại ham chơi. Cháu thả chiếc thuyền này xuống nước cho nó bơi, thế rồi nó trôi đi mất. Phải thế không?

— Ông trông thấy cháu làm thế à? — A-xôn ngập ngừng hỏi, giọng nghi ngờ, cô bé cố nhớ lại xem mình đã kể chuyện này ra chưa. — Ai kể lại với ông hay là ông tự đoán ra?

— Ta biết chuyện đó.

— Sao ông biết?

— Vì ta là một ông tiên.

A-xôn cảm thấy lúng túng. Cô bé cố hiểu những lời ông già nói, nhưng chỉ càng thấy sợ sệt hơn. Bãi biển hoang vắng, khoảng không lặng ngắt, câu chuyện kỳ lạ, vất vả vừa xảy ra với chiếc thuyền nhỏ, lời nói khó hiểu của ông già có đôi mắt sáng, bộ râu và mái tóc đầy vẻ trang nghiêm — tất cả càng đem lại cho A-xôn cái cảm giác hư hư thực thực. Bây giờ chỉ cần ông già nhăn mặt hay thét lên một tiếng là cô bé sẽ khóc oà, bỏ chạy, rồi ngã khuỵu xuống vì sợ hãi. Nhưng ông già Ê-gơn nhận thấy đôi mắt cô bé mở to đầy vẻ hoảng hốt, đã vội vàng đổi giọng.

— Cháu không việc gì phải sợ ta cả, — ông già khoan thai nói. — Ta còn muốn nói chuyện tâm tình với cháu nữa đấy.

Đến lúc đó ông mới nhận ra cái gì trên gương mặt cô bé đã gây cho ông ấn tượng sâu sắc như vậy. «Chính là vẻ đợi chờ rất tự nhiên một cái gì đẹp đẽ tốt lành, một số phận thật may mắn, — ông già nghĩ vậy. — Chà, tiếc quá, sao mình không phải là nhà văn? Đây thật là một đề tài tuyệt diệu!»

— Này, cô bé, — ông già vừa nghĩ tiếp cho câu chuyện thêm hoàn chỉnh (cái thiên hướng dựng những chuyện hoang đường — hậu quả của công việc hằng ngày — lúc này đã lấn át mối lo ngại gieo những hạt giống của một niềm mơ ước lớn trên một mảnh đất còn hoang sơ), — cháu hãy lắng nghe ta nói nhé. Ta đã đến làng mà cháu vừa đi ra, tức là làng Ca-péc-na. Ta rất thích các chuyện cổ tích, các bài dân ca. Ta đã ngồi ở làng Ca-péc-na suốt một ngày để cố nghe được những cái chưa ai được nghe thấy. Nhưng dân làng cháu không kể chuyện cổ tích, cũng không hát dân ca. Và nếu có kể chuyện và hát, thì cháu biết không, toàn về những anh chàng nông dân và những chú lính láu cá, ranh vặt, luôn huênh hoang về những trò bịp bợm, toàn là những bài vè bốn câu ngắn ngủn với nhạc điệu rất xấu, nghe bẩn thỉu như bàn chân chưa rửa, thô thiển như tiếng ọc ạch sôi bụng... Ồ ta nói hơi lạc đề rồi. Ta kể lại từ đầu.

Nghĩ ngợi một lát, ông già nói tiếp:

— Ta không biết còn bao nhiêu năm nữa, chỉ biết rằng ở làng Ca-péc-na thế nào cũng có một câu chuyện thần thoại mà người mai sau sẽ còn nhớ mãi. Cháu rồi sẽ lớn lên, A-xôn ạ. Có lần vào buổi sớm mai, từ phía biển khơi xa tít tắp sẽ hiện ra rực rỡ dưới ánh mặt trời một cánh buồm đỏ thắm. Con tàu màu trắng với những cánh buồm thắm đỏ ấy sẽ rẽ sóng lướt đi thẳng tới chỗ cháu. Con tàu kỳ diệu ấy sẽ nhẹ nhàng trôi tới, không có tiếng súng nổ, không có tiếng hò la; trên bờ mọi người tụ tập đông đúc trầm trồ kinh ngạc, và cháu cũng sẽ đứng ở đấy. Con tàu uy nghiêm tiến gần lại bờ trong tiếng nhạc du dương, đằm thắm, rồi từ con tàu đó, một chiếc thuyền nhỏ tách ra bơi nhanh vào bờ, trên thuyền trải thảm, rực rỡ ánh vàng và màu hoa. «Các ông tới đây làm gì? Các ông tìm ai vậy?» — mọi người trên bờ cất tiếng hỏi. Đến lúc đó cháu sẽ nhìn thấy một vị hoàng tử tuấn tú, khỏe mạnh, khôi ngô đứng trên thuyền, hai tay đưa ra phía cháu.

«Chào em, A-xôn! — chàng trai tuấn tú cất tiếng nói. — Từ một nơi rất xa, rất xa, anh nhìn thấy em trong mơ và anh đã đến đây để đem em đi mãi mãi về xứ sở của anh. Em sẽ sống với anh nơi ấy, trong một thung lũng đầy hoa hồng. Em sẽ có tất cả những gì em mơ ước: chúng ta sẽ sống thuận hòa, vui vẻ với nhau và tâm hồn em sẽ không bao giờ biết đến nỗi buồn và nước mắt». Chàng trai ấy sẽ đặt cháu lên thuyền, đưa cháu lên tàu và cháu sẽ mãi mãi đi về xứ sở nơi mặt trời thức dậy và những vì sao từ trên trời sa xuống để chào mừng cháu đến.

— Tất cả chuyện ông kể là về cháu đấy ư? — cô bé khẽ khàng hỏi.

Cặp mắt đầy vẻ nghiêm trang của cô bé bỗng ánh lên một niềm vui tin cậy: nếu ông ấy là một người có phép lạ độc ác thì chắc là ông đã không kể như vậy. Cô bé bước lại gần hơn:

— Có lẽ chiếc tàu ấy đã... đến rồi hả ông?

— Không nhanh thế đâu, — ông già Ê-gơn trả lời, — trước tiên là cháu phải lớn lên đã chứ, rồi sau đó mới... biết nói thế nào nhỉ? Con tàu ấy thế nào cũng đến, cháu ạ, nhất định như thế. Đến lúc ấy thì cháu sẽ làm gì nhỉ?

— Cháu ấy à? — Cô bé nhìn vào trong chiếc làn, nhưng có lẽ cô bé đã không thấy một vật gì có thể làm vật đền bù xứng đáng. — Cháu sẽ yêu hoàng tử, — cô bé trả lời vội vàng và ngập ngừng nói tiếp, — nếu hoàng tử không đánh nhau.

— Không, chàng không hay đánh nhau đâu, — ông già có phép lạ nói, mắt nhấp nháy đầy bí ẩn. — Chàng không thế đâu, ta có thể bảo đảm với cháu điều này. Thôi, cháu đi đi nhé, và đừng quên những lời ta đã kể cho cháu nghe giữa hai ngụm rượu thơm và những phút suy tưởng về bài ca của những người tù khổ sai. Cháu đi đi nhé. Ta cầu mong cho mái tóc mây của cháu được yên vui, thanh bình!

Lông-gren đang xới đất quanh cây khoai tây trong khu vườn nhỏ của mình. Ngẩng đầu lên, anh thấy A-xôn đang chạy như bay về phía anh, gương mặt rạng rỡ niềm vui, xao xuyến.

— Này, bố ạ... — cô bé nói, hơi thở còn dồn dập, hai tay níu lấy chiếc tạp dề của Lông-gren. — Bố này, bố nghe con kể nhé... Ở ngoài bờ biển ấy cách xa đây lắm, có một ông tiên đang ngồi đấy bố ạ...

Cô bé kể lại bắt đầu từ đoạn gặp ông già kỳ lạ và lời tiên đoán

của ông. Quá xúc động với chuyện vừa gặp, A-xôn không thể kể lại một cách rành rẽ, đâu ra đấy. Tiếp đó, cô tả lại dáng vẻ bề ngoài của ông già rồi cuối cùng mới kể tới đoạn cô chạy theo chiếc thuyền nhỏ trên dòng suối như thế nào.

Lông-gren chăm chú nghe con kể, không ngắt lời con, không mỉm cười và khi cô ngừng kể, anh tưởng tượng ra một ông già xa lạ một tay cầm chai rượu thơm, một tay cầm chiếc thuyền nhỏ. Anh đã định quay đi, nhưng chợt nhớ rằng trong những giây phút lớn lao của cuộc đời con trẻ, đôi khi con người cần phải tỏ ra nghiêm trang và ngạc nhiên, anh bèn gật gù nói với vẻ trang trọng: «Đúng rồi, đúng rồi, theo con kể thì đấy đúng là một ông tiên. Bố muốn được gặp ông ấy lắm... Này, nhưng mà khi có việc phải đi lên phố, con chớ rẽ ngang nữa nhé, trong rừng dễ lạc lắm con ạ».

Bỏ cuốc ra, Lông-gren ngồi xuống bên bờ rào làm bằng cành khô, bế con gái lên đùi. Dù đã rất mệt, cô bé vẫn cố kể thêm vài chi tiết nữa, nhưng chỉ một lát sau cô đã cảm thấy buồn ngủ, phần vì nóng bức, vì xúc động, phần vì mệt. Mắt cô díu lại, đầu ngả vào bờ vai chắc nịch của bố. Cô đã thả hồn vào cõi mộng ảo thì bỗng bị một nỗi hoài nghi làm tỉnh giấc, cô liền ngồi thẳng dậy, mắt vẫn nhắm, nắm tay tựa vào áo gi-lê của bố rồi cao giọng hỏi:

— Bố ơi, thế có thật là chiếc tàu kỳ lạ sẽ đến đón con không?

— Sẽ đến con ạ, — người thủy thủ bình thản trả lời. — Nếu ông già ấy đã nói với con như vậy, có nghĩa là mọi điều sẽ diễn ra đúng như thế.

«Khi nào lớn, con bé sẽ quên thôi, — Lông-gren thầm nghĩ, — còn bây giờ... bây giờ thì không nên tước bỏ của con một thứ đồ chơi đẹp đẽ như vậy. Sau này con sẽ phải nhìn thấy không phải là cánh buồm đỏ thắm mà là những cánh buồm bẩn thỉu, độc địa, trông từ xa thì có vẻ đẹp đẽ, trắng trẻo, đến gần thì rách nát, xấu xa. Một người qua đường nào đó đã đùa với con tôi. Có sao đâu! Cũng là một chuyện đùa vui thôi! Không sao cả! Nửa ngày trời vất vả trong rừng rồi con ạ. Còn về chuyện cánh buồm đỏ thắm thì con hãy cứ nghĩ như bố: rồi con sẽ có những cánh buồm đỏ thắm».

A-xôn đã ngủ. Lông-gren lấy tẩu thuốc ra hút. Gió đưa khói thuốc

bay qua bờ giậu về phía bụi cây mọc bên ngoài vườn. Cạnh bụi cây, ngồi quay lưng lại phía bờ rào là một người ăn mày trẻ tuổi. Câu chuyện giữa hai bố con đã làm anh ta thấy thú vị. Mùi thuốc lá thơm làm anh ta khấp khởi mừng thầm.

— Ông chủ ơi, cho kẻ nghèo hèn này hút với, — anh ta nói với qua mấy cành lá. — Thuốc lá của tôi mà so với thuốc của ông thì chỉ là cỏ thôi.

— Tôi sẵn sàng cho anh, — Lông-gren nói nhỏ, — nhưng thuốc tôi lại để ở túi bên kia. Mà tôi thì, anh thấy đấy, lại không muốn làm mất giấc ngủ của con bé.

— Ồ, có gì là khó khăn đâu! Nó tỉnh dậy rồi nó lại ngủ, còn người qua đường này thì được thuốc hút.

— Không được đâu, — Lông-gren nói, — dù sao anh cũng đã có thuốc hút, còn đứa nhỏ thì rất mệt. Nếu anh muốn, chốc nữa quay lại.

Người ăn mày khinh bỉ nhổ toẹt một bãi nước bọt, ngoắc chiếc bị lên cây gậy rồi châm chọc nói:

— À ra đó là công chúa kia đấy. Ông đã nhồi vào đầu nó đủ thứ tàu lạ! Thật là ngớ ngẩn, dở hơi, thế mà cũng gọi là ông chủ!

— Này, nghe đây, — Lông-gren nói nhỏ, — tao có thể đánh thức nó dậy đấy, nhưng chỉ cốt để sửa cho mày một trận thôi. Xéo ngay!

Nửa giờ sau, người ăn mày đã ngồi trong quán rượu bên cạnh khoảng chục người đánh cá. Đằng sau họ là mấy người đàn bà cao lớn, lông mày rậm, tay to và thô. Mấy người này khi thì kéo tay áo chồng, khi thì với tay qua vai họ để lấy rượu uống. Người ăn mày bực mình kể lại:

— Hắn không cho tôi thuốc lá. Hắn nói với con gái: «Khi con đến tuổi trưởng thành, lúc đó sẽ có một con tàu đặc biệt, buồm đỏ... đến đón con. Vì số phận của con là sẽ được lấy hoàng tử. Con hãy tin lời ông già ấy». Còn tôi thì nói với hắn: thức nó dậy đi, thức dậy đi mà lấy cho tôi xin ít thuốc. Thế mà hắn lại đuổi đánh tôi.

— Ai? Sao cơ? Chuyện gì vậy? — mấy người đàn bà tò mò nhao lên.

Đám đàn ông hơi ngoái đầu lại, nhếch mép cười khẩy giải thích:

— Hai bố con Lông-gren có lẽ điên dại rồi; anh này kể rằng có

phù thủy đến gặp họ, hiểu chưa? Hai bố con họ đang chờ một chàng hoàng tử phương xa đến đây — các bà chớ bỏ lỡ cơ hội tốt! Chàng hoàng tử lại còn đến trên chiếc tàu buồm đỏ thắm nữa chứ!

Ba ngày sau, lúc từ trên phố trở về, A-xôn lần đầu tiên nghe thấy:

— Ê, con ôn kia, A-xôn! Nhìn đây! Tàu buồm đỏ thắm đang đến kìa!

Cô bé giật mình quay lại, bất giác đưa tay che trán nhìn ra biển. Sau đó em ngoái nhìn về phía người gọi: cách em chừng hai chục bước, là một đám trẻ đang nhăn mặt, thè lưỡi ra giễu em. A-xôn thở dài rồi bỏ chạy về nhà.

II

GRÂY

Nếu Xê-da[1] cho rằng thà đứng đầu ở nhà quê còn hơn đứng thứ hai ở thành La Mã thì Ác-tua Grây có thể không ganh tị gì với mong muốn thông thái ấy của Xê-da. Dường như Grây đã sinh ra là một thuyền trưởng, cậu muốn trở thành thuyền trưởng và đã trở thành thuyền trưởng.

Ngôi nhà đồ sộ, nơi Grây sinh ra, bên ngoài trông rất uy nghiêm, nhưng bên trong thì hơi ảm đạm. Phía trước ngôi nhà là vườn hoa và một phần khu vườn. Những loài hoa tuy-líp đẹp nhất màu phơn phớt xanh, tím, hồng xen những đốm đen, đã được trồng thành từng hàng trên thảm cỏ, trông xa như những chuỗi hạt cườm rơi trên mặt đất. Những cây cổ thụ trong vườn như đang mơ màng ngủ dưới ánh sáng lờ mờ bên dòng suối quanh co mọc đầy cỏ lác. Hàng rào bao quanh lâu đài này — đó quả thật là một lâu đài — được làm bằng những cột gang xoắn ốc nối với nhau bằng những tấm lưới sắt hình hoa văn. Đỉnh mỗi cột đều xòe ra như hình một bông huệ lớn. Vào dịp lễ, người

---

[1] Nhà độc tài quân sự thời Cổ La Mã. — *ND.*

ta đổ mỡ vào đấy và đốt lên, những ngọn lửa nhỏ ấy dăng thành hàng, cháy sáng trong đêm tối.

Cha mẹ Grây là những kẻ kênh kiệu, bị cầm tù bởi địa vị giàu sang và những luật lệ của cái xã hội đã sinh ra chính họ. Một phần hồn của họ được dành cho những bức chân dung tổ tiên — những người thật ra.cũng chẳng đáng vẽ lại làm gì. Phần hồn còn lại được dành cho việc xây đắp kế hoạch sao cho cậu bé Grây lớn lên sẽ nối gót được cha ông, kéo dài thêm số chân dung dòng họ treo trên tường, sao cho chân dung của cậu cũng có thể được treo lên đấy mà không làm suy giảm thanh danh của gia đình. Khi đặt kế hoạch ấy, cha mẹ Grây đã mắc một sơ xuất nhỏ: Ác-tua Grây sinh ra là một đứa trẻ có tâm hồn nồng nhiệt, hoàn toàn không thích thú gì với cái gọi là làm vẻ vang dòng dõi.

Tính nồng nhiệt, tính độc đáo khác người của đứa trẻ đã bộc lộ từ khi cậu ta lên tám tuổi. Trong tính cách của cậu bé Grây dạo ấy đã lộ rõ dáng dấp của kiểu người hiệp sĩ chuyên gây những ấn tượng kỳ lạ, kiểu người thám hiểm, tức là kiểu người sáng tạo diệu kỳ dám nhận lấy vai trò nguy hiểm nhất mà cũng gây xúc động nhất trong cuộc sống — vai trò người thấy trước tương lai. Có lần cậu bé Grây đặt sát ghế vào tường rồi trèo lên để có thể với tay tới bức tranh vẽ cảnh Chúa Ky-tô bị hành hình. Grây đã «nhổ» những cái đinh ra khỏi cánh tay đầy máu của Chúa, tức là lấy màu xanh bôi lên chỗ mấy cái đinh (màu xanh ấy cậu đã lấy được ở chỗ người thợ sơn). Sau khi chữa lại như vậy, Grây thấy bức tranh dễ nhìn hơn. Say sưa với việc làm độc đáo ấy, Grây bắt đầu chuyển sang tô màu lên cả chân của Chúa, thì vừa vặn bị bố trông thấy. Ông bố kéo tai, nhấc cậu bé từ trên ghế xuống và hỏi:

— Sao con lại làm hỏng bức tranh thế?

— Con không làm hỏng.

— Đây là tác phẩm của một họa sĩ nổi tiếng.

— Cái đó con không quan tâm bố ạ, — Grây trả lời. — Con không thể để yên khi trông thấy cánh tay người bị đóng đinh và máu chảy. Con không thích thế.

Ông Li-ô-nen Grây cố giấu nụ cười dưới bộ ria mép và không

trừng phạt con trai vì nhận ra tính cách của mình trước đây qua câu trả lời của con.

Grây miệt mài tìm hiểu mọi ngóc ngách trong lâu đài, phát hiện ra những điều thật đáng kinh ngạc. Chẳng hạn trên gác thượng, cậu tìm thấy những bộ áo giáp sắt đã gỉ, những cuốn sách bìa bằng sắt, bằng da, quần áo bị mủn và cả một đàn bồ câu. Dưới căn nhà hầm, nơi chứa rượu, cậu đã biết được nhiều điều thú vị về các loại rượu nho như *la-phít ma-đe-ra, khê-rét*. Ở đây, trong ánh sáng nhờ nhờ tản ra từ những khung cửa sổ, chất đầy những thùng to thùng nhỏ đựng rượu. Chiếc thùng lớn nhất, to bè bè chiếm cả chiều dài bức tường phía trước của căn nhà hầm, mặt gỗ sồi trăm tuổi được dùng làm thùng cứ nhẵn thín như là được đánh bóng. Bên cạnh thùng đựng rượu là những chiếc sọt để đầy những chai thủy tinh thấp màu xanh thẫm và xanh lá cây. Trên nền nhà và trên gờ đá có những cây nấm màu xám, thân gầy guộc khẳng khiu; chỗ nào cũng ẩm ướt, mốc meo, rêu bám và một thứ mùi chua chua đến ngạt thở. Ở phía cuối căn hầm có một mạng nhện lớn cứ chiều chiều lại vàng óng lên vì những tia sáng mặt trời chênh chếch chiếu vào. Trong một góc căn nhà hầm có chôn hai thùng rượu a-li-can-te thượng hảo hạng, làm từ thời Crôm-oen[1]. Và người trông coi kho rượu mỗi lần chỉ cho Grây xem góc nhà trống trải ấy đều không quên kể lại cho cậu bé nghe câu chuyện về một ngôi mộ nổi tiếng, chôn một người tuy đã chết mà còn tinh nhanh hơn cả đàn chó săn. Khi bắt đầu kể, người trông coi kho không quên thử xem vòi rượu ở thùng lớn nhất có còn tốt không. Sau đó ông ta rời khỏi chỗ để chiếc thùng ấy chắc là với một tâm trạng thật nhẹ nhõm khoan khoái, vì những giọt nước mắt sung sướng bất giác hiện ra trong khóe mắt vui vẻ của ông ta.

— Chuyện là thế này, cậu Grây ạ, — ông Pôn-đi-sốc ngồi xuống chiếc thùng rỗng, hít thuốc lá và bắt đầu câu chuyện, — cậu có trông thấy chỗ kia không? Dưới chỗ ấy có chôn một thứ rượu mà có lẽ khối kẻ nghiện rượu trên đời này sẵn sàng chịu để cắt lưỡi nếu được

---

[1] Nhà hoạt động cuộc Cách mạng tư sản ở Anh thế kỷ XVII. — *ND*.

uống một chén nhỏ thứ rượu đó. Mỗi thùng chứa một trăm lít thứ rượu làm linh hồn ngây ngất, làm cơ thể chết lặng. Rượu đó màu sẫm hơn màu anh đào, dốc ngược chai cũng không chảy ra, nó dẻo quánh lại như thứ kem sữa tốt nhất. Rượu này được đựng trong thùng đóng bằng thứ gỗ mun cứng như sắt. Đai thùng làm bằng đồng đỏ. Trên đai còn khắc dòng chữ bằng tiếng la-tinh: «Ông Grây sẽ uống tôi khi ông ở Thiên đường». Người ta tán rộng nội dung dòng chữ đó đến nỗi ông cố của cậu, nhà quý tộc Xi-mê-ôn Grây, đã xây một ngôi nhà nghỉ đặt tên là «Thiên đường». Ông già nghĩ rằng với cách đặt tên khôn khéo như vậy cho ngôi nhà, ông có thể kết hợp được câu nói bí ẩn kia với thực tế. Nhưng cậu có biết không? Ông già đã bị chết ngay khi đang phá đai thùng rượu vì bị vỡ tim — ông đã quá xúc động. Từ độ ấy, không ai dám động đến thùng rượu đó nữa. Mọi người đều tin rằng thứ rượu quý đó đem lại điều bất hạnh. Thực ra thì đến con sư tử đầu người ở Ai Cập ngày xưa cũng không đặt ra những câu thách đố khó xử đến như vậy. Ừ mà có lần, con sư tử ấy đã hỏi một nhà thông thái: «Liệu tao có ăn thịt mày như đã ăn thịt mọi kẻ khác không? Mày trả lời đúng thì sẽ được sống», nhưng điều này, nếu suy nghĩ kỹ càng thì...

— À mà hình như có tiếng rượu ở vòi rỏ xuống, — Pôn-đi-sốc tự ngắt lời mình, bước nhanh về phía góc hầm, vặn chặt vòi, rồi quay lại với vẻ mặt hớn hở. — Đúng, nếu suy xét kỹ và không vội vàng thì nhà thông thái có thể nói với con quái vật mình sư tử đầu người rằng: «Thôi ta đi uống rượu, ông bạn ạ, rồi ông sẽ quên đi những điều ngu xuẩn ấy». — «Ông Grây sẽ uống tôi khi ông ở Thiên đường!» Thế là thế nào? Sẽ uống sau khi chết à? Thật là lạ lùng. Vậy thì ông ấy là thánh, ông ấy không uống rượu vang, cũng không uống vốt-ca thường. Cứ cho «Thiên đường» có nghĩa là hạnh phúc đi. Nhưng nếu vấn đề đặt ra như vậy thì hạnh phúc rơi mất nửa giá trị khi người được hưởng hạnh phúc lại còn phải tự hỏi mình: đây có phải là Thiên đường không? Đấy, vấn đề là ở chỗ đó. Để có thể lấy rượu từ cái thùng ấy mà uống và cười một cách thoải mái, thì cậu bé ạ, cần phải một chân đứng trên mặt đất, một chân đứng lên trời. Còn có giả thuyết thứ ba nữa là: đến một lúc nào đó, ông Grây uống rượu say bí tỉ và

dốc cạn hết cả thùng. Nhưng mà thôi cậu bé ạ, đó không phải là sự thực hiện lời tiên tri mà là một cảnh bê bối ở quán rượu.

Xem lại lần nữa chiếc vòi rượu ở thùng lớn có thật hết chảy chưa, Pôn-đi-sốc kết thúc câu chuyện của mình bằng giọng rầu rĩ, đầy vẻ quan trọng:

— Những thùng rượu này ông tổ của cậu là Giôn Grây mang từ Li-xbon[1] về, trên con tàu «Bi-gơn», vào năm 1793. Tiền mua rượu là hai ngàn pi-át[2] vàng. Dòng chữ trên đai thùng rượu là do bác thợ Vê-nhi-a-min Ê-li-an ở Pôn-đi-sê-ri khắc. Mấy thùng rượu này được chôn sâu dưới đất khoảng sáu fut[3] rồi phủ đầy tro cây nho. Nhưng thứ rượu này chưa ai được uống, chưa ai nếm thử và sẽ chẳng ai được uống nữa.

— Cháu sẽ uống, bác ạ, — cậu bé Grây vừa nói quả quyết vừa đập mạnh chân xuống đất.

— Ồ, cháu thật là một cậu bé dũng cảm! — ông già Pôn-đi-sốc khen ngợi. — Cháu sẽ uống thứ rượu đó trên Thiên đường chứ?

— Đúng thế bác ạ. Thiên đường đây này!.. Nó đang trên tay cháu đây này, bác thấy không? — Grây khẽ cất tiếng cười, xòe lòng bàn tay nhỏ của mình ra. Bàn tay mềm mại hứng lấy ánh mặt trời và ngay lúc ấy cậu nắm tay lại. — Đấy, Thiên đường ở đây bác này!.. Lúc thì trông thấy, lúc lại không...

Vừa nói thế, cậu bé vừa xòe tay rồi lại nắm tay lại. Thú vị với trò đùa, cuối cùng cậu bé đã bỏ chạy ra khỏi căn hầm, vượt lên trước ông già Pôn-đi-sốc trên những bậc thang tối dẫn lên hành lang tầng một.

Gia đình cấm ngặt Grây xuống nhà bếp. Nhưng sau khi phát hiện ra nơi đây hấp dẫn với những ánh lửa lò, hơi nước, bồ hóng, tiếng xào nấu, tiếng dao thớt và những mùi thơm nức thì cậu bé rất hay lần xuống chỗ ấy. Những người đầu bếp lặng lẽ, nghiêm nghị đi lại trông như những tư tế, những chiếc mũ tròn cao màu trắng nổi

---

[1] Thủ đô nước Bồ Đào Nha. — *ND.*

[2] Tên gọi đồng tiền cổ của Bồ Đào Nha do người I-ta-li-a đặt (bằng tiếng I-ta-li-a là piastra). — *ND.*

[3] Đơn vị đo chiều dài của Anh. 1 fut = 30,5 cm. — *ND.*

lên trên nền tường màu đen đem lại cho công việc của họ một vẻ trang nghiêm. Cũng ở đây, cậu bé Grây trông thấy những chị rửa bát béo núc ních, vui tính đang rửa bát đĩa bên những chậu nước đầy, tiếng đồ sứ, đồ bạc chạm vào nhau lanh canh. Những chú bé còng lưng vác những giỏ lớn đựng đầy tôm, cá, hoa quả. Trên một chiếc bàn dài xếp đầy gà, vịt, chim rừng; cũng ở đấy còn thấy nguyên cả con lợn đã cạo lông, đuôi ngắn ngủn, mắt đã nhắm lại, còn thấy cả những cây cải bắp, đậu, nho khô, đào.

Ở nhà bếp, Grây có phần e dè: cậu cảm thấy một sức mạnh khó hiểu nào đó đang điều khiển cuộc sống trong lâu đài. Những tiếng gọi nghe như những mệnh lệnh, những câu phù chú; mọi động tác của những người làm bếp đều nhanh nhẹn, dứt khoát, chính xác, tựa như một niềm phấn hứng. Grây còn thấp, chưa nhìn vào được chiếc nồi lớn nhất đang sôi sùng sục, nhưng cậu bé cảm thấy nó đặc biệt đáng trọng vọng. Cậu chăm chú nhìn hai người hầu gái đang vần chiếc nồi ấy, bọt trào ra trên bếp, hơi bốc lên tỏa kín cả căn bếp. Có lần nước sôi trào ra ngoài làm bỏng tay một cô. Da tay lập tức tấy đỏ, móng tay cũng tấy đỏ vì ứ máu, còn Bét-xi (tên cô gái ấy) thì vừa khóc vừa lấy mỡ bôi lên chỗ đau. Nước mắt trào ra trên gương mặt tròn tròn đầy vẻ sợ hãi của cô.

Grây đứng lặng. Khi mấy phụ nữ khác đang luống cuống bên cạnh Bét-xi thì cậu bé rất xúc động trước nỗi đau đớn kia, như là chính của mình, mặc dầu cậu không thể cảm thấy cụ thể được nó.

—Chị đau lắm phải không?—Grây hỏi.

—Cậu cứ thử thì cậu khắc biết,—Bét-xi trả lời, lấy vạt tạp dề che chỗ tay bị bỏng.

Cậu bé cau mày, trèo lên một chiếc ghế đẩu, lấy chiếc muôi dài múc nước đang sôi (hôm đó là thứ nước xúp thịt cừu) rồi đổ lên tay. Cảm giác quá đau đớn bất chợt làm cậu sững lại. Mặt tái mét, Grây tiến lại gần Bét-xi, giấu bàn tay bị bỏng vào trong túi quần:

—Em cảm thấy chị rất đau, chị Bét-xi ạ,—Grây nói, không nhắc gì đến «thí nghiệm» vừa rồi *của mình*.—Chị đến bác sĩ với em đi. Đến ngay thôi!

Cậu níu áo Bét-xi kéo đi, trong khi mấy người hâm mộ những

kiểu chữa bỏng theo lối gia truyền thì mách cho Bét-xi đủ thứ thuốc. Nhưng cô gái vì quá đau đã đi theo Grây. Bác sĩ cho thuốc giảm đau, rồi băng chỗ bỏng lại. Và, chỉ sau khi Bét-xi đi rồi, cậu bé mới để cho bác sĩ xem xét vết bỏng của mình.

Câu chuyện nhỏ ấy đã làm cậu bé Grây mười tuổi và chị Bét-xi hai mươi tuổi trở nên thân thiết. Cô gái thường giúi đầy túi cậu bé nào bánh, nào táo, còn cậu thì kể lại cho cô nghe những chuyện hay đọc được trong các sách của mình. Có lần Grây biết được rằng Bét-xi không thể nhận lời lấy anh coi ngựa tên là Gim chỉ vì họ không có tiền sắm sửa những vật dụng tối thiểu cho cuộc sống gia đình. Và thế là Grây đã đập vỡ chiếc bình sứ đựng tiền để dành của cậu được tất cả gần một trăm phun[1]. Grây dậy thật sớm, chờ khi Bét-xi đi xuống bếp, cậu đã lẻn vào buồng cô gái, nhét túi tiền vào trong rương cô, kèm theo mảnh giấy để dòng chữ: «Số tiền này là của chị đấy, Bét-xi ạ. Thủ lĩnh đảng cướp Rô-bin Hút». Câu chuyện này khiến mọi người làm công dưới bếp xôn xao bàn tán đến mức Grây đành phải để lộ ra rằng chính mình là người đã bày ra trò ấy. Cậu không lấy lại số tiền và không muốn nói thêm về chuyện đó nữa.

Mẹ Grây là người thuộc loại người được cuộc sống sắp đặt theo những khuôn định sẵn. Bà ta sống mơ màng trong một cuộc đời quá ư đầy đủ; mọi ý muốn của một tâm hồn bình thường đều sẵn sàng được thỏa mãn. Bởi vậy bà ta chẳng còn việc gì để làm, ngoài việc trò chuyện với mấy người thợ may, bác sĩ, quản gia. Lòng say mê, gắn bó gần như sùng kính đối với đứa con trai khác thường, có thể nói đã choán hết mọi suy nghĩ của bà, một con người đã bị hoàn cảnh và số phận làm cho chai mòn. Mọi suy nghĩ của bà không tồn tại một cách sống động mà mơ hồ lẩn quất đâu đó làm cho ý chí của bà trở nên uể oải, rã rời. Người đàn bà quyền quý ấy giống như một con công mái ấp trứng thiên nga. Bà ta đau lòng nhận thấy tính cách tốt đẹp khác thường của đứa con trai. Một tình cảm vừa yêu thương vừa buồn bã nặng nề choán lấy lòng bà mỗi khi bà ôm đứa con trai áp vào ngực mình, nơi trái tim đang nói những điều khác với ngôn

[1] Đồng tiền Anh, còn gọi là đồng bảng. — *ND*.

ngữ thường, chỉ biểu hiện những hình thức ước lệ của các quan hệ và suy tư. Thế là tác động của đám mây do các tia sáng mặt trời tạo nên một cách khéo léo đã thấm vào khung cảnh cân đối của tòa nhà và làm mất đi cái vẻ trang nghiêm tẻ nhạt của nó; mắt nhìn nhưng không nhận ra nơi ở, sắc thái bí ẩn của ánh sáng giữa sự nghèo nàn tạo ra một sự hài hòa sáng lóa.

Người đàn bà quyền quý ấy có gương mặt và dáng người lạnh lùng như băng giá trước cuộc sống náo nức bên ngoài, có vẻ đẹp dễ làm người ta lánh xa hơn là thu hút — vì trong vẻ đẹp ấy dường như không có sự hấp dẫn nữ tính mà chỉ có sự kênh kiệu của lý trí. Bà Li-li-an Grây ấy khi còn lại một mình bên con đã hiện ra là một người mẹ bình thường, biết nói với giọng nhỏ nhẹ đầy yêu thương những điều vô nghĩa không thể ghi lại được — sức mạnh những lời ấy là ở trong tình cảm, trong giọng nói chứ không phải ở chữ nghĩa. Bà ta hoàn toàn không thể làm trái ý con một điều gì. Bà tha thứ cho con tất cả, không trừng phạt mắng mỏ gì khi con xuống bếp chơi, chán học, không vâng lời hay bày ra nhiều trò quỷ quái.

Nếu cậu không muốn cắt tỉa cây cối trong vườn thì sẽ không ai chạm đến cây cối. Nếu cậu xin tha tội hay xin ban thưởng cho ai thì có nghĩa là sự việc sẽ xảy ra đúng như thế. Cậu ta có thể cưỡi bất cứ con ngựa nào, dắt bất cứ con chó nào vào lâu đài; có thể vùi đầu trong thư viện, đi chân đất và ăn bất cứ thứ gì cậu muốn.

Bố của Grây dạo đầu cũng ngăn cản con làm như thế, nhưng rồi sau lại thôi, không phải vì nguyên tắc mà vì để chiều theo ý vợ. Ông ta chỉ thi hành một biện pháp là không cho con cái của những người làm công được ở trong khu vực lâu đài vì sợ rằng gần những đứa trẻ thuộc *lớp dưới* đó, tính tình khác thường của Grây sẽ trở thành sâu sắc, khó sửa. Nói chung, ông ta hầu như dành tất cả thì giờ để chuyên tâm vào việc phân xử các vụ tranh chấp trong dòng họ bắt đầu từ thời có các nhà máy giấy đến khi các vị ưa tranh giành, cãi vã nhau bị chết. Ngoài ra, công việc của quốc gia, của các trại ấp, việc đọc cho người khác ghi chép hồi ký, đi săn, xem báo, trao đổi thư từ đã làm ông hơi tách biệt với gia đình. Ông ta cũng rất ít khi gặp con trai cho nên đôi khi ông quên cả tuổi con.

Vậy là Grây đã sống trong thế giới của *mình*. Cậu chơi một mình — thường là trong sân phía sau lâu đài, nơi xưa kia có một tầm quan trọng về mặt quân sự. Đó là một khu đất rộng, còn lại vết tích những thành hào sâu, những tảng đá phủ kín rêu xanh, đầy những bụi cây rậm rạp và các loài hoa dại màu sắc sặc sỡ. Grây chơi ở đó hàng giờ liền, chăm chú quan sát các hang chuột, «chiến đấu» với các bụi cây, quất những con bướm và xây những thành lũy bằng gạch vụn rồi lại phá hủy bằng gậy hay bằng đá ném.

Khi cậu mười hai tuổi, mọi ý thích của cậu, mọi nét tản mạn của tinh thần và mọi khía cạnh của tình cảm bí ẩn đã kết lại thành một nguyện vọng mạnh mẽ, duy nhất, không thể nào ngăn lại được. Trước đó, dường như cậu chỉ mới tìm thấy từng phần riêng biệt của mảnh *vườn của riêng mình* — đó là ánh sáng, bóng cây, hoa lá, thân cây to đứng mơ màng và um tùm — trong nhiều khu vườn của *người khác*, thế rồi bất chợt cậu nhìn thấy tất cả vườn cây của mình với vẻ hài hòa tuyệt diệu.

Chuyện này đã xảy ra trong thư viện. Tấm cửa cao lắp kính mờ ở phía trên lúc nào cũng đóng im ỉm, nhưng then cửa lại cài hờ hờ, chỉ cần đẩy tay vào là nó kênh lên và bật ra. Khi lòng say mê nghiên cứu của Grây đã bắt cậu lọt vào thư viện thì cậu đã bị sửng sốt bởi một thứ ánh sáng đầy bụi mà toàn bộ sức mạnh và đặc điểm của nó là những đường hoa văn nhiều màu sắc phía trên kính cửa sổ. Ở đây im lặng ngột ngạt như nước ao tù. Hàng dãy tủ sách sẫm màu kê cách quãng sát các cửa sổ, che mất đến một nửa cửa; giữa các hàng tủ là lối đi, sách vứt thành đống. Kia một quyển an-bom đang mở với những trang trong bị bong ra. Kia nữa các cuốn giấy buộc dây vàng, từng đống sách màu tối, các tập bản thảo dày cộp, một chồng sách nhỏ xíu, mỗi khi mở ra cứ kêu tanh tách như vỏ cây. Chỗ này những bản vẽ, biểu đồ, hàng loạt sách mới xuất bản, bản đồ. Bìa thì nhiều loại khác nhau: thô kệch, mịn màng, màu đen, xanh lam, xám, dày, mỏng, nhẵn nhụi, ram ráp. Các tủ xếp đầy sách, trông chúng cứ như những bức tường khép kín cuộc đời trong chiều dày của mình. Cửa kính các tủ phản chiếu các tủ khác lấp loáng những chấm sáng nhờ nhờ.

Một quả địa cầu to lớn đóng khung trong đường xích đạo và kinh tuyến bằng đồng giao nhau đặt trên bàn tròn.

Quay ra cửa ra vào, Grây trông thấy một bức tranh lớn ở phía trên cửa. Nội dung bức tranh càng làm cho không khí trong thư viện thêm tù túng ngột ngạt. Bức tranh vẽ một con tàu đang ngả nghiêng trên đỉnh ngọn sóng. Bọt trắng tung cao bên mạn tàu. Con tàu như đang bay lên, lao ve phía người xem. Mũi tàu dăng cao che lấp cả phía dưới cột buồm. Ngọn sóng bị thân tàu xé đôi tung ra hai bên như đôi cánh buồm căng phồng thấp thoáng hiện ra phía sau mũi tàu như cố chứa hết sức mạnh điên cuồng của cơn dông tố để đẩy con tàu vượt qua con sóng lớn đi nhanh về phía xa. Những đám mây bị xé nhỏ sà xuống mặt biển. Ánh sáng mờ mờ đang đấu tranh một cách tuyệt vọng với bóng đêm đang ập tới. Nhưng đáng chú ý nhất trong bức tranh ấy là hình ảnh một người đứng ở mũi tàu quay lưng lại người xem. Hình dáng người ấy như đã nói lên hết cả tình trạng, thậm chí tính chất của thời điểm đó. Người đó đứng chân giạng ra, tay vung cao. Với tư thế đó, không thể biết anh ta đang làm gì, nhưng nó buộc chúng ta phải hình dung rằng người ấy đang căng thẳng chú ý vào một cái gì đó ở phía trên boong tàu, nơi chúng ta không nhìn thấy rõ. Vạt áo của anh ta bay trước gió, chiếc kiếm đeo bên sườn hất lên cao. trông cách ăn mặc cũng có thể đoán anh ta là thuyền trưởng. Thân hình anh ta nhún nhảy theo sóng; đầu không mũ, anh ta được thể hiện vào đúng cái giờ phút hiểm nghèo. Anh ta hét lên nhưng để làm gì? Liệu anh ta có trông thấy ai đang bị ngã không? Liệu anh ta có ra lệnh quay sang hướng khác, hay tiếng anh ta *gọi thủy thủ trưởng* bị tiếng gió át đi? Nhiều ý nghĩ khác nhau cứ lởn vởn ám ảnh tâm trí Grây khi cậu ngắm bức tranh này. Chợt cậu cảm thấy bên trái cậu có người nào lạ mặt tàng hình vừa bước tới đứng ngay cạnh. Chỉ cần quay đầu lại là cảm giác kỳ lạ đó sẽ biến mất. Grây biết rõ điều đó. Nhưng cậu không ngừng tưởng tượng mà chăm chú lắng nghe. Một giọng nói không thành tiếng thốt lên vài câu rời rạc khó hiểu như tiếng Ma-lai-xi-a. Có tiếng ầm ầm tựa như cái gì đó sụt lở kéo dài. Tiếng vọng và tiếng gió âm u lan khắp thư viện. Tất cả những âm thanh ấy, Grây đã nghe từ trong người mình. Cậu chợt nhìn quanh; cảnh im ắng trong căn phòng xua tan

ngay những tiếng động trong tưởng tượng vừa rồi, cậu không còn can dự vào cơn dông tố trên biển nữa.

Grây nhiều lần đến thư viện ngắm bức tranh đó. Bức tranh ấy đối với cậu đã trở thành lời nói cần thiết trong cuộc đối thoại giữa tâm hồn và cuộc sống, thiếu lời nói đó thì cậu không thể nào tự hiểu được mình nữa. Trong tâm trí cậu bé, biển bao la dần dần được hình thành. Cậu luôn luôn tưởng tượng ra nó, lục lọi trong thư viện để tìm đọc ngấu nghiến những cuốn sách mà sau cánh cửa vàng của chúng mở ra vầng hào quang xanh sẫm của đại dương. Ở đó có những con tàu đang chuyển động, tung bọt sau bánh lái. Có những con tàu bị mất buồm và cột buồm, bị sóng nuốt chửng và dìm xuống đáy sâu; ở đó thấp thoáng những đàn cá mắt lấp lánh như lân tinh. Có những con tàu bị sóng đánh vào đá ngầm, lắc lư trên sóng đã dịu đi. Một con tàu không người, bị đứt dây chão đang kéo dài cảnh hấp hối cho đến lúc một cơn bão khác phá nó ra thành từng mảnh. Loại tàu thứ ba lấy hàng an toàn ở một bến cảng rồi bốc dỡ ở một cảng khác; đám thủy thủ ngồi bên bàn rượu vui vẻ ca ngợi chuyến đi biển và say sưa uống rượu. Lại còn có những con tàu cướp biển, treo cờ đen với những đám cướp hung dữ vung dao sáng loáng. Có những con tàu ma quái ánh lên thứ ánh sáng chết chóc. Có những tàu chở lính với súng ống và âm nhạc. Có tàu nghiên cứu khoa học, quan sát các núi lửa, nghiên cứu động vật và cỏ cây. Có những con tàu với ý đồ đen tối và những cuộc nổi loạn; có con tàu phát kiến và phiêu lưu.

Trong thế giới ấy, vai trò người thuyền trưởng, lẽ tự nhiên, nổi bật lên. Thuyền trưởng là linh hồn, là lý trí, là số phận của cả con tàu. Tính cách của người này ảnh hưởng đến công việc và sự nghỉ ngơi của thủy thủ. Đích thân thuyền trưởng chọn thủy thủ cho con tàu của mình, và đội ngũ ấy nói chung phải đáp ứng được những ý thích của riêng anh ta. Anh ta biết rõ thói quen và hoàn cảnh gia đình của từng người. Trước con mắt mọi người dưới quyền, anh ta có vốn kiến thức sâu rộng, nhờ đó mà có thể điều khiển con tàu, chẳng hạn đi thẳng từ Li-xbon đến Thượng Hải trên mặt biển mênh mông. Anh ta chống lại bão táp bằng hàng loạt cố gắng phức tạp, xua tan nỗi sợ hãi bằng cách phát ra những mệnh lệnh ngắn gọn. Tàu dừng

lại hay tiếp tục cuộc hành trình là tùy thuộc vào ý muốn của anh ta; anh ta điều khiển việc ra khơi và chất hàng, tu sửa và nghỉ ngơi; thật khó mà hình dung được hết quyền lực to lớn và sáng suốt của anh ta trong công việc hoạt động không ngừng. Quyền lực ấy hạn chế hay đầy đủ đều tương đương với quyền lực của Oóc-phê[1].

Trí tưởng tượng sán lạn của Grây đã hình dung như vậy về vị trí và hoạt động thật sự của người thuyền trưởng. Không một nghề nghiệp nào trên đời này lại có thể hòa hợp tất cả những gì hấp dẫn nhất trong cuộc sống vào một thể thống nhất như nghề làm thuyền trưởng, mà vẫn không loại bỏ những gì riêng tư trong hạnh phúc của từng người. Sự nguy hiểm, táo bạo, quyền lực của thiên nhiên, ánh sáng của miền đất nước xa xôi, sự bí ẩn đầy kỳ diệu, mối tình thoáng qua, gặp gỡ và chia ly, sự nồng nàn hấp dẫn của các cuộc gặp gỡ, các nhân vật, các sự kiện, sự phong phú vô hạn của cuộc sống khi mà cao tít trên bầu trời là chòm sao Thập tự nam, chòm sao Gấu, và tất cả các lục địa đều nằm trong tầm mắt tinh tường mặc dù buồng tàu của anh đầy những thứ của Tổ quốc vẫn chưa xa rời anh như sách vở, tranh ảnh, thư từ và những đóa hoa khô quấn trong mớ tóc xoăn mềm mại để trong chiếc bùa bằng da mịn đeo trên bộ ngực rắn chắc.

Mùa thu, khi Ác-tua Grây vừa mười lăm tuổi, cậu đã bỏ trốn khỏi nhà để bước qua cánh cửa vàng của biển. Ít lâu sau, từ bến cảng Đu-ben, con tàu «An-xem» đã nhổ neo đi Mác-xây, chở theo một cậu thiếu niên có đôi bàn tay nhỏ bé trắng trẻo, có dáng vẻ bề ngoài của một thiếu nữ giả trai. Cậu thiếu niên đó là Grây. Cậu có chiếc túi du lịch rất đẹp, đôi ủng da bóng láng mỏng như da găng tay, quần áo may bằng thứ vải sang trọng, đắt tiền.

Trong khoảng một năm, khi tàu «A-xem» đi Pháp, Mỹ, Tây Ban Nha thì Grây đã tiêu một phần tiền của mình cho quá khứ là đánh chén, phần còn lại cho hiện tại và tương lai — là thua bạc. Anh muốn trở thành một thủy thủ *«lão luyện»*. Anh uống rượu hừng hực, tắm thì đứng từ trên cao khoảng hai xa-giên thản nhiên nhảy cắm đầu

---

[1] Thần Oóc-phê trong thần thoại Cổ Hy Lạp là vị thần rất giỏi âm nhạc, có thể thuần phục được các loài thú dữ. — *ND*.

xuống nước. Dần dần anh mất hết, trừ cái chính là tâm hồn thích bay bổng lạ kỳ; anh không còn yếu ớt mà trở nên cứng cáp, bắp thịt rắn chắc, nước da mai mái đã sạm nắng, cử chỉ mềm mại được thay bằng động tác chính xác của đôi tay lao động. Còn đôi mắt suy tư của anh ánh lên như đang nhìn vào lửa. Cả cách nói của anh từ chỗ nhỏ nhẹ, nhút nhát đã biến thành rắn rỏi, dứt khoát như chim hải âu lao xuống làn nước bắt chú cá đang nghiêng mình lấp lánh.

Thuyền trưởng con tàu «A-xem» là một người tốt bụng, nhưng lại là một thủy thủ khe khắt. Ông đã nhận chú bé Grây lên con tàu của mình với một thâm ý nào đó. Ông coi nguyện vọng thiết tha làm thủy thủ của Grây chỉ là một ý thích ngông cuồng trong chốc lát, và nghĩ rằng chỉ một hai tháng sau là Grây sẽ phải cúi mặt xuống mà nói với ông: «Thưa thuyền trưởng Gốp, cháu đã bị xây xát hết cả khuỷu tay khi leo dây thuyền, cháu bị đau hết cả mạng sườn và lưng, ngón tay không duỗi được nữa, đầu nhức, chân run lẩy bẩy. Những dây chão ướt nặng hàng hai pút này làm trĩu cả tay; những mớ dây rợ, đoạn nối cột buồm v.v. đã hành hạ cơ thể mềm mại của cháu. Cho cháu về với mẹ cháu». Nghe lời cầu xin tưởng tượng ấy, thuyền trưởng Gốp tưởng tượng luôn câu trả lời: «Thôi, cậu muốn đi đâu thì đi, con chim nhỏ của tôi ạ. Nếu đôi cánh của cậu bị dính nhựa thì về nhà cậu có thể lấy nước hoa «Rô-da - Mi-mô-da» mà rửa sạch được đấy». Cái thứ nước hoa tưởng tượng ấy làm thuyền trưởng thấy đắc ý hơn cả, ông buột miệng nói thành lời: «Phải rồi, cậu hãy về nhà mà kiếm nước hoa «Rô-da - Mi-mô-da!»

Nhưng rồi đoạn đối thoại tưởng tượng kia ngày càng ít có dịp lắp lại trong tâm trí thuyền trưởng, bởi vì Grây đã đi tới đích mình mong muốn với bộ mặt tái nhợt, đôi môi mím chặt. Anh đã làm mọi công việc nặng nhọc với sự cố gắng lớn lao. Anh cảm thấy ngày càng dễ chịu hơn, khi con tàu khắc nghiệt ấy gần gũi hơn với anh, khi mọi việc lạ trở thành quen thuộc. Có khi dây xích mỏ neo làm anh ngã xuống sàn tàu, dây chão mà anh không kéo nổi làm tuột da tay, cánh buồm ẩm ướt có đính vòng sắt bị gió táp vào mặt anh. Tóm lại toàn bộ công việc thật sự là một thử thách, đòi hỏi phải hết sức chú ý. Nhưng càng thở nặng nhọc, càng mỏi cứng lưng, anh càng luôn luôn giữ được nụ

cười coi khinh mọi gian khó. Anh âm thầm chịu đựng những lời giễu cợt, chê bai của các thủy thủ dạn dày để rồi cuối cùng, họ phải thừa nhận anh là người của họ, làm được như họ. Và cũng từ đó anh nhất thiết dùng nắm đấm để đáp lại mọi xúc phạm.

Có lần thuyền trưởng Gốp trông thấy anh cuốn buồm thành thạo, đã tự nhủ thầm: «Thế là mày đã thắng cuộc đấy, Grây ạ». Khi Grây tụt từ trên cột buồm cao xuống, thuyền trưởng gọi anh vào buồng, mở rộng trước mặt anh một cuốn sách đã nhàu nát rồi nói:

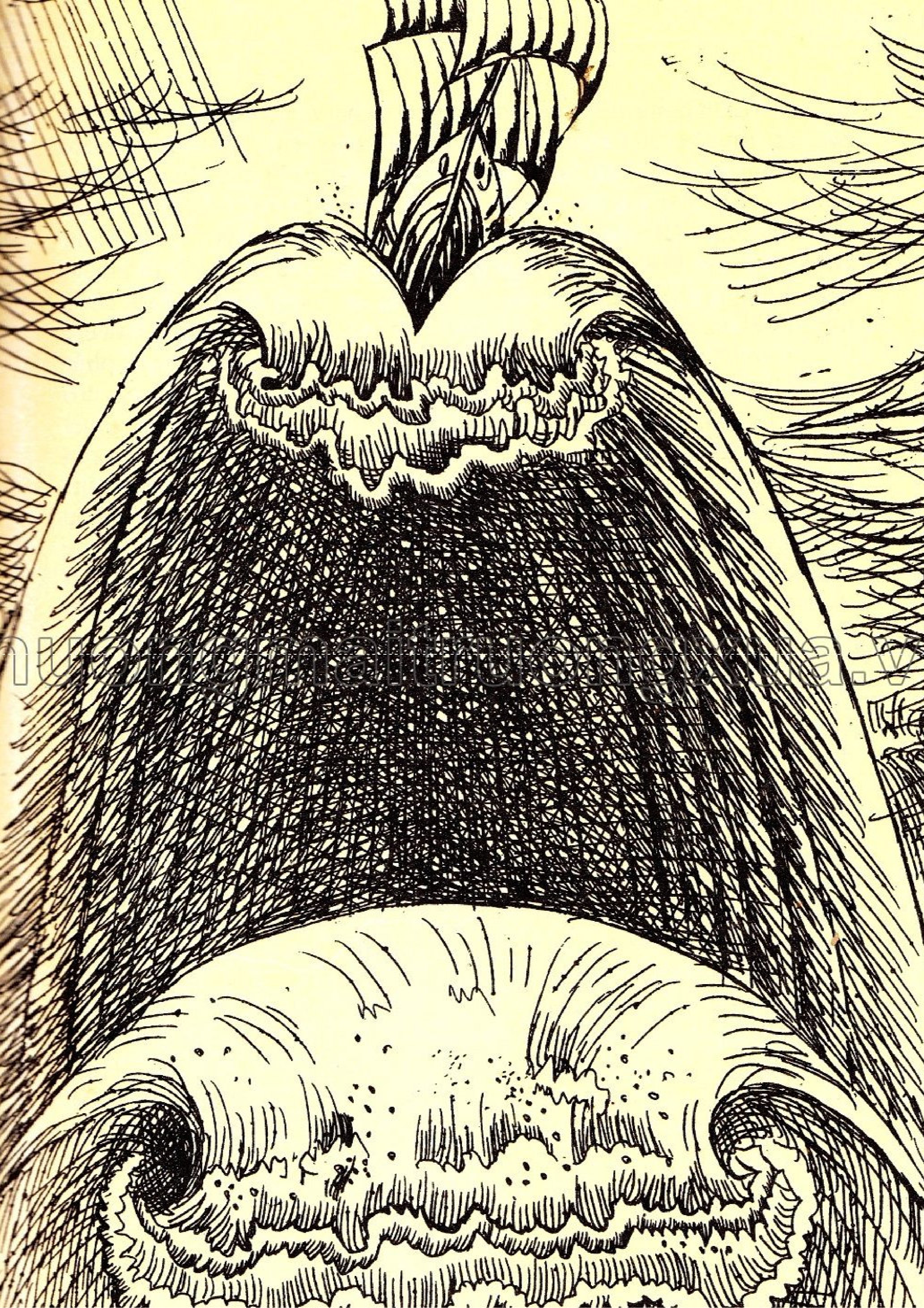
—Cháu nghe đây! Bỏ hút thuốc đi! Đã đến lúc cho cháu làm thuyền trưởng được rồi!

Và anh bắt đầu đọc, đúng hơn là nói và gào to những từ cổ xưa về biển viết trong cuốn sách. Đó là bài học đầu tiên của Grây. Trong vòng một năm, anh đã làm quen với nghề hàng hải, với thực hành, với cấu trúc tàu, luật đi biển, bản đồ hoa tiêu và cách tính toán. Thuyền trưởng Gốp đã bắt tay và xưng «chúng ta» với anh.

Ở Van-cu-ve, Grây nhận được thư mẹ, một bức thư đầy nước mắt và sợ hãi. Anh viết thư trả lời: «Con biết mẹ lo cho con. Nhưng nếu mẹ tận mắt *nhìn thấy được như con nhìn*, mẹ hãy nhìn bằng đôi mắt của con. Nếu mẹ nghe được như con nghe, mẹ hãy áp tai vào con ốc biển, mẹ sẽ nghe thấy âm thanh muôn đời của sóng. Nếu như mẹ yêu thương *tất cả những gì con đã yêu*, thì trong thư của mẹ, ngoài tình thương và con người, con có thể thấy cả nụ cười». Và Grây vẫn tiếp tục cuộc hành trình trên biển cho đến khi con tàu «A-xem» chở hàng về bến Đu-ben. Tranh thủ lúc tàu dỡ hàng, chàng thanh niên Grây, lúc này đã hai mươi tuổi, quyết định trở về thăm lâu đài.

Toàn cảnh lâu đài vẫn như xưa, từng chi tiết nhỏ cũng như cả ấn tượng chung đều vẫn thế, không khác gì năm năm trước đây; chỉ có những hàng cây du còn non trồng phía trước lâu đài là cao lớn hơn, tán lá sum suê hơn.

Những người làm công trong nhà chạy ra đón anh mừng rỡ, cuống quít rồi lặng đi một cách kính cẩn như mới hôm qua gặp gỡ cậu Grây *này*. Họ chỉ cho anh mẹ anh hiện đang ở đâu. Anh bước lên căn phòng xây cao, nhẹ nhàng mở cửa, lặng yên đứng nhìn người phụ nữ tóc bạc vận đồ đen. Bà đang đứng trước tấm ảnh Chúa lầm rầm



cầu nguyện. Giọng nói nhỏ nhẹ của bà nghe vang xa như tiếng đập của trái tim. «Cầu Chúa ban phước lành cho những người đi biển, những người lênh đênh ngoài khơi, những người bị ốm yếu, đau khổ, tù đày». Grây lắng nghe, sau đó anh thấy mẹ nói tiếp: «Cầu cho đứa con trai tôi...» Đến lúc ấy anh mới nói: «Con đây...» Nhưng rồi anh không thể nói thêm gì nữa. Người mẹ quay lại. Trông bà gầy đi nhiều, gương mặt nghiêm trang của bà bỗng rạng rỡ lên như tuổi trẻ bất chợt trở lại với bà. Bà bước nhanh về phía con trai, bà cười lên thành tiếng, khẽ gọi con, nước mắt trào ra — tất cả chỉ có thế. Nhưng trong giây phút ấy, có lẽ bà đã sống mạnh mẽ hơn, sung sướng hơn so với cả cuộc đời bà trước đây. «Mẹ nhận ra con ngay, con trai yêu quý, bé bỏng của mẹ!» Và quả thực là Grây lúc này không còn là chàng thanh niên cao lớn nữa. Anh nghe mẹ kể lại cái chết của người cha, rồi sau đó anh tự kể về mình. Bà nghe con kể mà không phản đối, trách móc một điều gì. Nhưng bà thầm nghĩ rằng cái điều mà Grây cho là cốt lõi của cuộc đời mình thì bà chỉ coi là những thứ đồ chơi mà cậu con trai bà thích chơi mà thôi. Những thứ «đồ chơi» đó là con tàu, biển khơi và các lục địa.

Grây ở lại lâu đài bảy ngày. Đến ngày thứ tám, sau khi mang theo một số tiền lớn, anh trở về Đu-ben và nói với thuyền trưởng Gốp: «Cám ơn bác. Bác là người bạn rất tốt của cháu. Nhưng bây giờ thì phải chia tay thôi bác ạ, — đến đây anh nắm chặt tay thuyền trưởng như để nhấn mạnh ý nghĩa của lời mình nói. — Bây giờ cháu sẽ đi biển trên một chiếc tàu riêng của cháu, bác ạ». Thuyền trưởng nổi giận, ông nhổ nước bọt, giật tay ra rồi bỏ đi. Nhưng Grây đã chạy theo, ôm lấy ông. Thế rồi họ đã cùng với toàn đội thủy thủ gồm hai mươi bốn người ngồi bên nhau trong khách sạn ăn uống đủ mọi thứ có trong quầy hàng và trong nhà bếp, hò hét, hát hỏng.

Ít lâu sau, trên bến cảng Đu-ben, những vì sao đêm đã lấp lánh trên bóng đen của một con tàu mới. Đó là con tàu Grây mới mua. Con tàu có tên là «Bí mật», có ba cột buồm và chở được hai trăm sáu mươi tấn. Trước khi số phận đưa đẩy anh đến thị trấn Li-xơ, Grây đã vừa là chủ vừa là thuyền trưởng của con tàu ấy được bốn năm. Nhưng anh mãi mãi ghi nhớ tiếng cười yêu thương của mẹ khi gặp

anh và năm nào anh cũng về thăm nhà đôi ba lần, đem lại cho người mẹ già tóc bạc niềm tin mơ hồ rằng cậu con trai to lớn kia chắc là đã điều khiển được những thứ «đồ chơi» của mình.

III
RẠNG ĐÔNG

Con tàu «Bí mật» của Grây rẽ sóng; bọt tung lên vạch trên đại dương một vệt trắng và tắt dần trong ánh lửa đêm lấp loáng của thị trấn Li-xơ. Tàu thả neo cách ngọn đèn biển không xa.

Mười ngày liền người ta dỡ vải đũi, cà-phê, chè từ tàu «Bí mật» xuống bến. Ngày thứ mười một, các thủy thủ lên bờ nghỉ ngơi, vui chơi. Đến ngày thứ mười hai Grây hết sức buồn rầu mà không có lý do nào, anh không hiểu tâm trạng của mình.

Ngay buổi sáng sau khi thức dậy Grây cảm thấy rằng ngày hôm nay sẽ bắt đầu dưới những đám mây đen. Anh uể oải mặc quần áo, miễn cưỡng ăn sáng, quên cả đọc báo, rồi lấy thuốc ra hút liên miên, đắm mình trong cái thế giới căng thẳng không mục đích khó tả. Những ước muốn chưa được chấp nhận lởn vởn giữa những ý định vừa nảy sinh một cách mơ hồ, rồi gạt bỏ lẫn nhau bằng những cố gắng ngang nhau. Anh quyết định làm việc.

Cùng với thủy thủ trưởng, Grây đi kiểm tra tàu, cho buộc căng dây buồm, nới cáp lái, cọ sạch lỗ dẫn cáp, thay buồm, quét nhựa boong tàu, thông gió hầm tàu, lau la bàn. Nhưng công việc không làm cho Grây khuây khỏa. Cả ngày hôm đó Grây cảm thấy bồn chồn, lo âu pha lẫn nỗi bực bội dường như có ai đã hẹn anh đi đâu đấy nhưng anh lại quên khuấy mất ai hẹn và hẹn đi đâu.

Buổi tối, anh ngồi trong buồng tàu, lấy sách ra đọc, ghi bên lề sách những ý kiến phản bác lại tác giả. Trò tiêu khiển bằng cách nói chuyện với người chết có quyền lực ở dưới nấm mồ chỉ làm anh thú vị được một lúc. Sau đó anh lại lấy tẩu thuốc ra, thả mình theo làn khói xanh, trầm ngâm giữa những đường viền huyền ảo hiện ra trong lớp khói bồng bềnh.

Thuốc lá có sức mạnh ghê gớm, như dầu đổ xuống những con sóng đang vọt lên, làm dịu đi cơn điên loạn của chúng. Thuốc lá giảm

bớt sự kích động của tình cảm, đưa chúng về nhịp điệu thấp hơn, để chúng vang lên nhịp nhàng hơn và có nhạc điệu hơn. Vì vậy, sau khi hút ba tẩu thuốc, nỗi buồn của Grây chuyển thành sự lơ đãng trầm tư. Cảm giác ấy kéo dài chừng một giờ đồng hồ. Khi những phút mơ màng đã qua đi, Grây chợt bừng tỉnh, anh muốn đi đi lại lại và bước ra boong tàu. Đêm đã xuống từ lâu bên mạn tàu, trong làn nước đen thẫm lấp lánh những vì sao và những ánh đèn trên cột buồm. Bầu không khí ấm áp đậm đà hương biển. Grây ngẩng đầu lên, nheo mắt nhìn một vì sao. Trong giây lát, vượt qua triệu triệu cây số, ánh sáng vì sao xa hiện ra trong mắt anh. Tiếng ồn ào xa xa của bến cảng ban đêm đã vang lên rõ nét trong vụng biển. Thỉnh thoảng có câu nói từ trên bờ lướt theo gió, truyền lan trên làn nước nhạy cảm, vọng đến tưởng như tiếng người nói ở ngay trên boong; nó vang lên rồi tắt đi trong tiếng kẽo kẹt của dây chão. Phía mũi tàu có ánh diêm bật lên, soi rõ bàn tay, đôi mắt tròn và bộ ria mép. Grây huýt sáo; đốm lửa ở tẩu thuốc chuyển động, tiến lại gần anh. Một lát sau thuyền trưởng nhận ra trong bóng tối gương mặt và đôi tay người trực nhật. Grây nói:

— Anh nhắn Lê-chi-ca lát nữa đi theo tôi. Bảo anh ta nhớ đem theo cần câu.

Anh trèo xuống chiếc thuyền nhỏ bên mạn tàu, ngồi chờ ở đấy chừng mười phút. Lê-chi-ca, một chàng trai nhanh nhẹn, ranh mãnh, đưa xuống cho Grây đôi mái chèo, Sau đó anh ta cũng xuống thuyền, đặt túi đựng thức ăn lên sàn. Grây ngồi vào chỗ lái.

— Thuyền trưởng ra lệnh đi đâu đấy ạ? — Lê-chi-ca vừa hỏi vừa đảo mũi thuyền bằng cách khỏa mạnh một bên mái chèo xuống nước.

Thuyền trưởng im lặng. Lê-chi-ca hiểu ngay rằng không nên hỏi thêm câu gì, anh im lặng chèo mạnh.

Grây lái thuyền ra khơi, sau đó anh bơi về phía bên trái. Đối với anh, thuyền đi về phía nào cũng được. Chỉ có tiếng mái chèo khỏa xuống nước, tiếng bánh lái rẽ nước, còn xung quanh là biển đêm yên lặng.

Trong một ngày trời, con người đã gặp biết bao ấn tượng, biết bao ý nghĩ, lời nói, mà nếu ghi lại chắc sẽ thành không phải chỉ một cuốn sách dày. Gương mặt mỗi ngày có những đường nét nhất định.

Nhưng hôm nay Grây đã bất lực khi cố bắt lấy dáng hình của nó. Những tình cảm mơ hồ khó có tên gọi đã hiện lên trên gương mặt ấy. Dù có gọi chúng bằng từ ngữ gì thì cuối cùng chúng vẫn mơ hồ, mông lung như hương thơm của loài hoa. Lúc này, Grây cũng đang ở trong tâm trạng đó; thực ra anh có thể nói rằng: «Tôi đang chờ, tôi đang thấy và sắp được biết...» — nhưng ngay cả những lời này cũng chẳng nhiều nhặn gì hơn những bản vẽ chi tiết đối với một ý đồ kiến trúc. Trong những xu hướng đó còn có cả sức mạnh của sự hưng phấn tươi tắn.

Phía bên trái con thuyền họ đang bơi, bờ biển hiện ra thấp thoáng sau màn đêm gợn sóng. Phía trên những tấm kính cửa sổ sáng đèn, các tàn lửa bắn lên từ các ống khói. Đó là làng Ca-péc-na. Grây nghe loáng thoáng có tiếng người cãi nhau và tiếng chó sủa. Ánh lửa trong làng trông xa tựa như cánh cửa lò với những lỗ thủng mà qua đó có thể thấy than đang cháy hồng. Phía bên phải là biển yên lặng như một người đang ngủ. Qua làng Ca-péc-na, Grây cho thuyền ghé vào bờ. Sóng đều đều vỗ nhẹ vào bờ. Châm đèn bão lên, Grây nhìn thấy một chỗ trũng, bên trên là bờ vách nhô ra cheo leo. Anh cảm thấy thích.

— Ta sẽ câu cá ở đây thôi, — Grây vừa nói vừa vỗ vai Lê-chi-ca.

Người thủy thủ «hừm» một tiếng rồi làu bàu: «Lần đầu tiên mình đi biển với một thuyền trưởng như thế này. Ông ta thạo việc, nhưng *kỳ cục* làm sao. Thật là một thuyền trưởng quá cầu toàn. Nhưng mình vẫn yêu mến ông ta».

Anh ta cắm mái chèo xuống bùn để neo thuyền lại, rồi cả hai người bám vào những mỏm đá lởm chởm phía dưới đầu gối và khuỷu tay để trèo lên cao. Một cánh rừng rậm trải dài tới bờ vách ấy. Lê-chi-ca lấy rìu đẵn mấy cành cây khô rồi nhóm lửa trên bờ. Những cái bóng và ngọn lửa phản chiếu dưới nước chuyển động; cỏ xanh và cành lá sáng lên trong bóng tối bị đẩy lùi; phía trên đống lửa, không khí quện khói lấp loáng, run rẩy.

Grây ngồi bên đống lửa.

— Nào, — anh vừa nói vừa chìa chai rượu ra, — nào ta uống đi, anh bạn Lê-chi-ca, uống vì sức khỏe của tất cả những người không nghiện rượu. À mà cậu đem đi rượu gừng, chứ không phải là rượu canh-ki-na rồi.

—Xin lỗi thuyền trưởng,—người thủy thủ vừa đáp vừa thở mạnh.—Cho phép tôi nhắm với thứ thức ăn này...—Anh ta gặm ngay nửa con gà con, rồi nhè miếng cánh ra, tiếp tục nói:—Tôi biết thuyền trưởng thích thứ rượu canh-ki-na, nhưng vì lúc ấy tôi quá mà lại vội nữa nên tôi lấy nhầm phải chai rượu gừng. Thuyền trưởng biết đấy, gừng làm con người ta ngổ ngáo. Khi nào cần phải đánh nhau, tôi đều uống rượu gừng.

Thuyền trưởng vừa uống vừa ăn. Lê-chi-ca liếc nhìn anh, rồi không gìm được, bèn hỏi:

—Thưa thuyền trưởng, có thật là thuyền trưởng xuất thân từ một gia đình quyền quý không?

—Cái đấy chẳng có gì đáng lưu tâm cả, Lê-chi-ca ạ. Cầm cần câu mà câu đi, nếu cậu muốn.

—Còn thuyền trưởng thì sao?

—Tôi ấy ạ? Không biết. Cũng có thể. Nhưng mà... chốc nữa sẽ hay.

Lê-chi-ca lấy cần câu ra, rồi theo thói quen, ứng khẩu một tràng thành vần (điều thường vẫn làm bạn bè thán phục):

—Cước đây ta buộc vào cần, lưỡi câu buộc tiếp lần lần ta câu.—Anh ta lấy mồi giun trong hộp ra rồi đọc tiếp:—Chú mày ẩn dưới đất sâu, cuộc đời kỳ thú còn rầu nỗi chi. Bây giờ chịu móc câu đi, chốc nữa tụi cá nó ghì nó ăn.—Cuối cùng anh ta vừa đi vừa nghêu ngao:—Đêm đen vắng lặng, rượu ngon tuyệt vời; cá chiên cuống cuồng, cá trích chết giấc—kìa Lê-chi-ca, hắn đang đợi ta!

Grây nằm lại bên đống lửa, nhìn ánh lửa in hình dưới làn nước. Anh miên man nghĩ ngợi, không để lý trí can dự vào. Trong trạng thái này, ý nghĩ chỉ lờ mờ lưu giữ thực tại, thấy nó một cách mơ hồ; ý nghĩ đó lao vút lên như một con ngựa trong đám đông chật chội, vừa chèn, vừa xô, vừa ngăn chặn. Sự trống rỗng, sự bối rối và sự ngưng đọng lần lượt đến với nó. Nó lang thang trong linh hồn của sự vật, vội vàng chuyển từ xúc động mạnh sang bóng gió thầm kín; nó lượn quanh trái đất và bầu trời, chuyện trò sôi nổi với các nhân vật tưởng tượng, xóa đi và tô điểm cho những kỷ niệm. Trong sự chuyển động mơ hồ này, mọi cái đều sinh động, rõ ràng, và mọi cái đều thiếu mạch lạc như hoang

tưởng. Và nhận thức được buông lơi luôn mỉm cười khi thấy chẳng hạn đang suy nghĩ về số phận bỗng dưng lại nghĩ đến một hình ảnh hoàn toàn không thích hợp: một cành cây gãy cách đây hai năm. Nằm bên đống lửa, Grây suy nghĩ, nhưng anh «ở đâu ấy» chứ không phải đang ở đây.

Khuỷu tay dùng để tựa, cánh tay dùng để nâng đầu đã bị ướt và tê đi. Các vì sao tỏa sáng nhợt nhạt. Bóng tối thêm dày, báo trước buổi rạng đông. Thuyền trưởng thiu thiu ngủ, nhưng anh không hề biết điều đó. Anh bỗng thấy thèm uống rượu, anh nhoài người với chiếc túi, lần cởi ra *trong mơ*. Sau đó anh không nằm mơ nữa mà ngủ rất say. Hai giờ sau đó đối với Grây cũng chẳng dài hơn những giây phút anh ngả đầu xuống bàn tay. Trong khoảng thời gian đó, hai lần Lê-chi-ca quay về chỗ đống lửa, hút thuốc và tò mò nhìn vào miệng những con cá câu được xem có gì không. Nhưng dĩ nhiên là chẳng có gì.

Khi tỉnh dậy, trong giây lát Grây quên mất không biết vì sao mình lại ở chốn này. Anh ngạc nhiên thấy những tia nắng sớm mai vui tươi, bờ biển dựng đứng và những tán lá rực rỡ, xa xa bừng sáng một màu xanh. Trên đường chân trời và cũng là phía trên chân anh lơ lửng những cành dẻ. Phía dưới bờ vách, dường như ở ngay dưới lưng anh, là tiếng sóng vỗ rì rầm. Những giọt sương thấp thoáng trên cành lá rơi xuống khuôn mặt ngái ngủ của anh, mát lạnh. Anh đứng dậy. Xung quanh chan hòa ánh sáng. Những cành khô cháy dở chỉ còn leo lét khói. Mùi khói làm cho khoái cảm được thở hít không khí của rừng cây có thêm một vẻ đẹp hoang dã.

Lê-chi-ca không có đấy. Anh ta đã đi câu say sưa như một con bạc khát nước, mồ hôi đầm đìa. Grây bước ra khỏi cánh rừng, đi về phía những bụi cây thấp mọc trên sườn đồi thoai thoải. Cỏ bốc hơi âm ẩm. Những bông hoa ướt đẫm trông như bọn trẻ con bị tắm nước lạnh. Thế giới màu xanh thở hít bằng vô vàn cái miệng nhỏ xíu làm vướng chân Grây trong cảnh đua chen náo nức. Thuyền trưởng bước ra một chỗ trống, có hoa sặc sỡ, và nhìn thấy một cô gái đang ngủ.

Anh nhẹ nhàng gạt cành lá trước mặt sang một bên rồi dừng lại với cảm giác là vừa tìm ra một cái gì đó nguy hại. Cách anh chưa đầy

năm bước là A-xôn đang nằm nghiêng, chân duỗi, chân co, đầu gối lên cánh tay, vẻ mệt mỏi. Tóc cô để xõa, chiếc cúc áo phía trên không cài để lộ làn da trắng mịn, chiếc váy xòe ra để hở đến đầu gối; hàng mi dài, món tóc màu sẫm che một phần thái dương; ngón út bên tay phải cô gối đầu lên, bị gập lại dưới gáy. Grây qùy xuống ngắm nhìn cô gái, và không ngờ rằng lúc ấy trông chàng giống như thần Phô-nơ[1] trong tranh của Ác-nôn-đơ Béc-lin[2].

Có thể là trong một lúc nào khác, Grây *chỉ* nhìn thấy cô gái bằng đôi mắt thường, nhưng lúc này anh nhìn thấy cô *một cách khác*. Lòng anh nôn nao, xao động. Đương nhiên anh không biết cô là ai, không biết tên, càng không biết vì sao cô ngủ bên bờ biển, nhưng anh cảm thấy rất hài lòng. Anh yêu thích những bức tranh không có lời giải thích nội dung. Ấn tượng từ bức tranh như thế bao giờ cũng mạnh mẽ hơn nhiều, không bị ràng buộc bởi từ ngữ; nội dung của nó trở nên sâu xa vô tận, khẳng định mọi ý nghĩ, mọi dự đoán.

Mặt trời đã lên cao mà Grây vẫn trong tư thế ngồi không thuận ấy. Cô gái ngủ say đến mức dường như từ mái tóc đến làn áo, đến có cây xung quanh cũng đều ngủ theo cô. Tràn trề ấn tượng, Grây như hòa mình vào làn sóng ấm áp đang dâng lên trong anh và bơi theo sóng. Đã từ lâu Lê-chi-ca gọi: «Thuyền trưởng ơi, anh ở đâu?» — nhưng thuyền trưởng vẫn không nghe tiếng.

Cuối cùng, khi Grây đứng dậy, bản tính ưa thích những chuyện khác thường đã xâm chiếm anh một cách bất ngờ với thái độ cương quyết và hăng hái của một người phụ nữ nổi giận. Anh trầm ngâm tháo chiếc nhẫn cổ quý giá khỏi ngón tay, không hề suy nghĩ rằng chưa chừng cái vật này đang mách bảo cho cuộc sống một cái gì đó thực quan trọng. Anh nhẹ nhàng lồng chiếc nhẫn vào ngón tay út của cô gái để lộ ra bên gáy. Ngón tay bất giác động đậy rồi thõng xuống. Nhìn gương mặt cô nữa, Grây quay đi và bỗng thấy Lê-chi-ca đứng sau bụi cây, đôi lông mày rướn lên. Lê-chi-ca há hốc miệng kinh ngạc theo dõi cử chỉ vừa rồi của Grây.

---

[1] Vị thần trông coi đồng ruộng, rừng cây theo thần thoại Cổ La Mã. — *ND*.

[2] Béc-lin (Böcklin) Ác-nôn-đơ (1827 - 1901) — họa sĩ Thụy Sĩ. — *ND*.

— Lê-chi-ca đấy à! — Grây nói. — Cậu thử nhìn cô ta xem. Thế nào, đẹp đấy chứ?

— Thật là một bức tranh tuyệt vời! — chàng thủy thủ thích nói văn hoa khẽ thốt lên. — Tôi câu được bốn con cá và một con gì to tròn như cái bong bóng.

— Khẽ chứ, Lê-chi-ca. Ta đi khỏi đây thôi.

Hai người đi về phía bụi cây. Lẽ ra lúc này họ phải quay về chỗ để thuyền, nhưng Grây chần chừ đưa mắt xa xa về phía bờ biển thấp, nơi có những làn khói ban mai của làng Ca-péc-na tỏa ra bên trên cây cối và nền cát. Anh lại thấy hình ảnh cô gái hiện ra qua làn khói.

Lúc ấy, Grây bèn đi thẳng về hướng làng. Lê-chi-ca không hỏi vì sao lại thế, chỉ lặng lẽ bước theo sau. Lê-chi-ca cảm thấy rằng những phút phải im lặng lại đến. Một lát sau, khi đến gần những ngôi nhà đầu tiên, Grây bỗng cất tiếng hỏi:

— Lê-chi-ca, với kinh nghiệm của cậu, cậu thử xác định xem nhà nào có thể là quán rượu?

— Chắc là cái nhà mái đen đen kia, — Lê-chi-ca phỏng đoán, — mà cũng có thể không phải nó.

— Thế cái nhà mái đen ấy có gì đặc biệt?

— Chính tôi cũng không biết, thưa thuyền trưởng. Đó chỉ là do trái tim mách bảo thôi.

Hai người đi đến ngôi nhà đó; quả thật, đó là quán rượu của Khin Mê-néc. Trên chiếc bàn kê cạnh cửa sổ mở toang có thể nhìn thấy một chiếc chai; cạnh đó có một người đang đưa những ngón tay đen bẩn mân mê bộ ria mép ngả màu bạc trắng.

Mặc dù còn sớm, trong quán rượu đã có ba người. Ngồi cạnh cửa sổ là bác thợ đốt than có bộ ria vừa được nhắc đến. Ở quãng giữa quầy hàng và cửa bên trong quán là hai người dân chài đang uống bia và ăn trứng rán. Khin Mê-néc là một gã trẻ tuổi cao lêu đêu, gương mặt buồn tẻ đầy tàn hương, đôi mắt hấp háy, cử chỉ nhanh nhẹn một cách ranh mãnh như vẫn thường thấy ở bọn người chuyên buôn bán. Y đang đứng sau quầy lau bát đĩa. Dưới ánh mặt trời buổi sáng, bóng song cửa sổ in trên nền nhà bẩn thỉu.

Grây vừa bước vào gian phòng đầy khói thì Khin Mê-néc đã lễ

phép cúi chào rồi bước ra khỏi quầy. Y lập tức đoán ra Grây là một thuyền trưởng *thật sự* — loại khách chẳng mấy khi ghé vào quán rượu của y. Grây gọi rượu rum. Trải trên bàn tấm khăn đã ngả màu cháo lòng, Khin Mê-néc đem chai rượu đến, đưa lưỡi liềm thử vào chỗ nhãn chai và bóc ra. Sau đó y quay trở vào sau quầy, lúc thì nhìn Grây chăm chú, lúc thì nhìn lên chiếc đĩa, lấy móng tay cạy miếng gì khô khô bám vào đấy.

Khi Lê-chi-ca đang cầm cốc rượu bằng cả hai tay, khẽ nói chuyện với Grây và nhìn ra ngoài cửa sổ thì anh vẫy tay gọi Khin Mê-néc lại. Khin Mê-néc ngồi ghé lên chiếc ghế, thích chí ra mặt vì được một người sang trọng như Grây gọi đến và nhất là lại gọi bằng cách ra hiệu như thế.

— Chắc anh biết tất cả dân làng ở đây chứ? — Grây bình thản hỏi. — Tôi muốn biết tên cô gái choàng khăn, mặc áo hoa đỏ, tóc sẫm màu hạt dẻ, người tầm thước, tuổi trạc mười tám, đôi mươi. Tôi vừa thấy cô ấy cách đây không xa. Tên cô ấy là gì?

Anh nói những lời này với giọng giản dị, dứt khoát, khiến người nghe không lẩn tránh được trả lời. Khin Mê-néc hơi cảm thấy khó chịu, thậm chí còn cười thầm, nhưng y không dám để lộ ra. Tuy nhiên trước khi trả lời, y dừng lại nghĩ một lát — chẳng qua chỉ vì cố đoán mà biết được chuyện gì đã xảy ra.

— E hèm, — Khin Mê-néc cất giọng, mắt ngước nhìn lên trần. — Chắc là con A-xôn «Tàu thủy» đấy mà. Không thể có ai khác. Nó bị dở người đấy.

— Nói rõ hơn xem nào? — Grây lãnh đạm hỏi, uống thêm một ngụm rượu đầy. — Chuyện thật là thế nào?

— Nếu ông muốn, xin ông nghe đây.

Và Khin Mê-néc đã kể cho Grây nghe câu chuyện cách đó bảy năm khi cô bé A-xôn gặp một ông già chuyên đi sưu tầm chuyện dân gian ở ngoài bờ biển. Thật ra thì câu chuyện đó, kể từ khi người ăn mày khẳng định thêm trong quán rượu này đã bị xuyên tạc méo mó đi nhiều, nhưng cốt lõi của nó vẫn còn nguyên vẹn.

— Từ dạo ấy dân làng bèn gọi nó là A-xôn «Tàu thủy», — Khin Mê-néc kết thúc câu chuyện.

Grây bất giác liếc nhìn Lê-chi-ca lúc này vẫn khiêm nhường ngồi im. Sau đó anh đưa mắt nhìn ra ngoài con đường đất bụi chạy qua quán rượu. Đúng vào lúc đó, anh bỗng cảm thấy đầu óc và trái tim mình choáng váng. Trên con đường ấy, anh chợt thấy đi ngược lại phía anh chính là cô gái A-xôn «Tàu thủy» mà tên chủ quán vừa *khinh bỉ nhắc đến.* Gương mặt đẹp tuyệt vời của cô giống như sức mạnh bí ẩn trong những lời nói giản dị đầy xúc động của con người. Gương mặt cô hài hòa tuyệt diệu với ánh mắt trong sáng. Lê-chi-ca và chủ quán đều ngồi quay lưng lại cửa sổ. Để cho họ tình cờ không quay lại nhìn A-xôn, Grây đã có đủ can đảm nhìn sang đôi mắt màu hung của Khin Mê-néc. Ngay sau khi anh nhìn thấy ánh mắt A-xôn, những lời đơm đặt xấu xa của chủ quán đã lập tức bị xua tan. Lúc ấy, không hay biết điều gì vừa xảy ra, Khin Mê-néc nói tiếp:

— Có thể cho ông biết thêm rằng bố cô ta là một tên đê tiện. Chính lão ta đã dìm chết bố tôi như dìm một con mèo. Lạy Chúa, lão ta...

Bỗng một tiếng rống lên bất ngờ từ phía sau cắt ngang lời y. Cặp mắt long lên dữ tợn, người thợ đốt than như chợt tỉnh cơn say, cất giọng hát ồ ồ làm mọi người phải giật mình.

— Ơ, lão lại say rồi, lão già khốn kiếp! — Khin Mê-néc quát lên. — Cút!

Nhưng ông già đốt than vẫn nghêu ngao hát tiếp như không có chuyện gì xảy ra, rồi để cả ria mép nhúng vào cốc rượu.

Khin Mê-néc tức giận nhún vai:

— Thật là đồ bỏ đi chứ không phải là người nữa, — y nói với vẻ tự đắc của một tên keo kiệt. — Lần nào cũng vậy!

— Anh không thể kể thêm gì nữa chứ? — Grây hỏi y.

— Tôi ấy à? Thì tôi vừa nói với ông rồi, bố cô ta là một tên vô lại. Vì nó mà, thưa ông, tôi đã bị mồ côi, ngay từ nhỏ đã phải tự mình kiếm sống...

— Mày nói láo, — bất ngờ ông thợ đốt than lên tiếng. — Mày nói láo ghê tởm, giả dối đến mức làm tao tỉnh cả rượu.

Khin Mê-néc chưa kịp mở mồm thì ông già đã quay sang nói với Grây:

— Hắn nói láo đấy ông ạ. Bố nó cũng là đồ dối trá, mẹ nó cũng cùng

một giuộc. Cả họ nhà nó thế mà. Ông có thể hoàn toàn yên tâm: *cô ta* chắc chắn cũng khỏe mạnh, bình thường như chúng ta cả thôi. Tôi đã nhiều lần nói chuyện với cô ta. Cô ta đã ngồi nhờ xe ngựa của tôi tám mươi tư lần hay ít hơn một chút. Mỗi khi cô gái đi bộ từ thị trấn về, còn tôi thì đã bán xong than, thế nào tôi cũng cho cô gái đi nhờ xe về làng. Cứ để cho cô ta ngồi. Tôi biết, cô ta là người phúc hậu. Điều đó thật quá rõ. Tất nhiên cô ta không thèm nói với mày nửa lời, Khin Mê-néc ạ. Nhưng đối với tôi, thưa ông, trong công việc làm than thoải mái, tôi khinh thường miệng thế, điều ong tiếng ve. Cô ta nói năng như người lớn nhưng kỳ quặc lắm ông ạ. Xem ra thì cô ấy cũng nói những điều như chúng ta nói cả thôi, nhưng lại không hẳn giống thế. Chẳng hạn như khi cô ta kể lại công việc của mình. «Bác ạ, cháu kể cho bác nghe nhé, — cô ta vừa nói vừa bá vào vai tôi, như con bướm đậu vào gác chuông. — Công việc của cháu cũng không đến nỗi tệ, nhưng cháu vẫn muốn nghĩ ra một cái gì đó đặc biệt. Cháu muốn con tàu mà cháu làm bơi được, các tay chèo khỏa nước như thật; sau đó họ cho thuyền vào bờ, cập bến rồi ngồi ăn như thật». Tôi cười khà khà và trả lời cô ta: «Này, A-xôn này, nghề của cháu là thế nên cháu nghĩ thế, nhưng mà cháu thử nhìn xung quanh xem: mọi người làm việc như điên». Cô ta nói: «Không bác ạ, cháu biết điều gì cháu biết. Khi người dân chài đánh cá thì họ nghĩ rằng họ sẽ bắt được con cá *to nhất*, chưa từng ai bắt được». — «Thế bác thì sao?» — Cô ta cười: «Bác ấy à, bác thì khi xếp than vào giỏ, chắc là bác nghĩ rằng chúng sẽ nở thành hoa». Đấy, cô ta đã nói những lời như thế. Trong giây phút đó, tôi bất giác nhìn vào cái giỏ trống không. Tôi trông thấy hình như có những chồi non mọc lên ở nan giỏ; chúng nở tung, nảy lá khắp giỏ và biến mất. Tôi đã tỉnh rượu một chút! Còn Khin Mê-néc hắn nói dối đấy. Nói dối không mất tiền. Tôi biết hắn.

Cho rằng câu chuyện đã đi đến chỗ xúc phạm ghê gớm, tên chủ quán bèn đưa mắt lườm ông già rồi lỉnh vào sau quầy hàng, cay đắng hỏi vọng ra:

— Ông có cho gọi thêm gì không ạ?

— Không, — Grây trả lời, rút tiền trong ví ra. — Đi thôi, Lê-

chi-ca, cậu ở lại đây nhé và đừng nói gì cả, đến chập tối hãy về tàu. Cậu gắng tìm hiểu mọi chuyện rồi kể lại cho mình. Cậu hiểu chứ?

— Thưa thuyền trưởng tốt bụng, — Lê-chi-ca trả lời với giọng hơi suồng sã, có lẽ vì ngấm hơi rum, — chỉ có thằng điếc mới không hiểu *điều đó* thôi ạ.

— Tốt lắm. Cậu nên nhớ rằng, trong trường hợp nào cậu cũng không được nói đến mình hay nhắc đến tên mình, nghe chưa? Thôi, tạm biệt.

Grây bước ra khỏi quán. Từ lúc đó anh luôn có cảm giác như phát hiện được điều gì thật khác thường, tựa hồ tia lửa trong cối thuốc súng của Béc-tôn-đơ — một trọng những cú sụt lở tâm hồn mà từ đó bật lên một ngọn lửa rực sáng. Ý nghĩ phải hành động ngay lập tức chi phối anh. Mãi đến khi ngồi vào thuyền, anh mới tĩnh tâm và tập trung suy nghĩ được. Anh vừa cười vừa ngả lòng bàn tay hứng ánh nắng mặt trời, như anh đã từng làm thuở còn bé trong hầm rượu. Sau đó anh khỏa mạnh mái chèo xuống nước, cho thuyền lướt nhanh về bến.

IV

ĐÊM TRƯỚC

Bảy năm đã trôi qua kể từ khi ông già Ê-gơn, người chuyên sưu tầm thơ ca dân gian, ngồi trên bờ biển kể cho A-xôn nghe câu chuyện về con tàu với cánh buồm đỏ thắm. Trước ngày tròn bảy năm đó, A-xôn mang hàng lên của hiệu bán đồ chơi theo lệ mỗi tuần một lần, trở về với vẻ mặt buồn rầu. Cô phải mang hàng về. Cô cảm thấy buồn chán đến mức không thể nói ngay được. Mãi đến khi thấy trên nét mặt lo âu của cha hiện lên vẻ chờ đợi một cái gì đó xấu, xấu hơn chuyện đã xảy ra nhiều, thì cô mới bắt đầu kể lại. Đứng bên cửa sổ, ngón tay xoa xoa lên mặt kính, cô lơ đãng nhìn về phía biển.

Lần này, tên chủ hiệu đồ chơi bắt đầu bằng việc giở cuốn sổ tính toán ra và chỉ cho A-xôn xem số tiền hai bố con đã lấy là bao nhiêu. Cô giật mình nhìn thấy con số đến hàng trăm. «Đây là số tiền nhà cô

đã mượn từ tháng Chạp đến nay, — tên chủ hiệu nói, — còn đây, cô xem hàng của cô đã bán được bao nhiêu». Nói xong, y giơ ngón tay chỉ sang một con số khác chỉ có đến hàng chục. «Nhìn cuốn sổ đó, con vừa buồn vừa tức bố ạ. Trông mặt con thấy ông ta, thật cáu kỉnh và thô lỗ. Giá bỏ chạy được thì con thật sung sướng, nhưng nói thật là con không đủ sức nữa vì cảm thấy quá xấu hổ. Thế rồi ông ta bảo con: «Này, cô bé ạ, những thứ này chẳng lờ lãi gì nữa đâu. Bây giờ người ta đua nhau mua hàng ngoại, đâu đâu cũng bày bán đầy những hàng ngoại, thứ đồ chơi này chẳng ai mua». Ông ta nói thế, bố ạ. Ông ta còn nói nhiều nữa, nhưng con cứ rối ruột lên chẳng nhớ nữa. Chắc là ông ấy cũng thấy thương hại con nên khuyên con thử đến cửa hiệu «Hội chợ trẻ em» và «Cây đèn thần của A-la-đanh».

Nói xong điều chủ yếu nhất, cô gái rụt rè quay lại nhìn bố. Lông-gren ngồi, đầu cúi xuống buồn bã, bàn tay kẹp lại giữa hai đầu gối. Cảm thấy con gái đang nhìn mình, ông ngẩng đầu lên và thở dài, cố nén tâm trạng buồn lo. Cô gái chạy lại bên ông, ngồi xuống cạnh rồi đặt bàn tay nhỏ của mình xuống dưới ống tay áo da của bố. Cô ngước lên nhìn vào mặt bố, cất tiếng cười và kể tiếp với giọng cố làm như vui vẻ:

— Không sao cả đâu bố ạ. Thế rồi con đi khỏi đây. Con đến một hiệu to lắm, người mua tấp nập. Người ta chen lấn con ghê quá, nhưng rồi con vẫn lách qua được và đến gần người đeo kính, vận đồ đen. Con không nhớ con nói gì với ông ấy, cuối cùng ông ấy cười khẩy, lật xem các thứ trong chiếc làn của con rồi lại gói và trả lại.

Lông-gren bực bội nghe con kể. Dường như ông đã hình dung ra cảnh con gái mình đang bối rối đứng bên quầy hàng bày đầy những thứ đắt tiền, cạnh những khách mua giàu sang. Người chủ hiệu đeo kính nọ đã trịch thượng giảng giải cho cô gái rằng ông ta sẽ phá sản nếu đi buôn những thứ đồ chơi thô sơ của Lông-gren. Ông ta ngạo mạn và nhanh nhẹn đặt lên mặt quầy hàng cho A-xôn xem những mẫu đồ chơi ngoại quốc như bộ đồ xếp nhà, cầu xe lửa, ô-tô con, các thứ đồ chơi chạy điện, máy bay, động cơ. Những thứ hàng này mầu sắc sặc sỡ, hình dáng đẹp đẽ. Theo lời ông ta thì bây giờ trẻ con chỉ muốn bắt chước những gì người lớn đang làm.

A-xôn còn đi tới cửa hiệu «Cây đèn thần của A-la-đanh» và hai hàng khác nữa nhưng đều không đạt được kết quả gì.

Kể xong chuyện, cô gái đi dọn bữa ăn chiều. Ăn xong, Lông-gren uống một cốc cà-phê rồi nói:

— Nếu bố con ta không gặp may thì phải tìm cách khác con ạ. Có lẽ bố lại xin xuống tàu làm việc. Xuống tàu «Phi-xơ-roi» hay tàu «Pa-léc-mô» cũng được. Tất nhiên là họ nói đúng đấy, — ông nói tiếp với giọng đầy ưu tư, tâm trí ám ảnh bởi những thứ đồ chơi. — Bây giờ trẻ con không chơi mà học con ạ. Lúc nào chúng cũng học, học và chẳng bao giờ được sống cho ra hồn. Mọi chuyện là như vậy, thật đáng tiếc con ạ. Liệu con có thể sống một mình ở nhà trong thời gian một chuyến đi biển của bố được không? Để con ở nhà một mình, bố không yên tâm chút nào.

— Con cũng có thể xin việc trên tàu cùng với bố, bố ạ, chẳng hạn như là con xin bán hàng ở căng-tin.

— Không! — Lông-gren đập mạnh tay xuống bàn nói. — Chừng nào bố còn sống, bố sẽ không để cho con đi làm đâu. Nhưng mà vẫn còn thời gian để lo liệu, con ạ.

Lông-gren buồn rầu im lặng. A-xôn ngồi ghé vào ghế của bố. Lông-gren liếc nhìn, không quay đầu lại, thấy con gái sốt sắng muốn an ủi mình thì suýt bật cười. Nhưng nếu cười lúc đó có nghĩa là làm cho con gái sợ, bối rối. Cô vừa thầm thì điều gì, vừa vuốt vuốt mái tóc bạc rối bù của bố. Cô hôn lên bộ ria của bố, lấy đôi bàn tay mảnh mai bịt tai bố lại và nói:

— Nào, bây giờ thì bố không nghe được con nói «con yêu bố» nữa đâu!

Trong lúc A-xôn cố làm cho bố vui thì ông vẫn ngồi yên, chau mày lại như người nín thở vì sợ hít phải khói, nhưng nghe thấy con nói thế ông bèn bật cười.

— Con ngoan quá, — ông bình thản nói, khẽ tát vào má con rồi đi ra bờ biển xem chiếc thuyền của nhà có làm sao không.

A-xôn ngồi yên lặng một lúc giữa nhà, vẻ mặt tư lự đăm chiêu. Cô nửa muốn để mặc cho tâm trí mình miên man theo đuổi những ý nghĩ buồn bã, nửa muốn đứng dậy làm những việc cần thiết trong nhà.

Sau đó cô đi rửa bát đĩa, rồi xem lương ăn trong nhà còn được bao nhiêu. Cô không cân đo gì, chỉ ước tính bằng mắt cũng biết được rằng số bột còn lại may lắm mới đủ ăn đến cuối tuần, hũ đường đã cạn đến đáy, lọ đựng chè, đựng cà-phê hầu như đã rỗng không, bơ cũng hết, chỉ có túi khoai tây là còn đầy. Tiếp đó cô lau nhà sạch sẽ rồi định khâu sửa lại chiếc váy may bằng vải cũ. Chợt nhớ là gói vải để đằng sau gương, cô bước tới đấy lấy vải rồi nhìn mình trong gương.

Trong khung gỗ, trên mặt gương sáng là hình một cô gái mảnh dẻ, tầm thước, mặc chiếc áo may bằng vải trắng rẻ tiền điểm những đốm hoa màu hồng. Chiếc khăn lụa màu xám vắt qua vai. Gương mặt hơi bắt nắng còn những nét trẻ thơ. Gương mặt cô gái trông linh hoạt, đáng yêu. Đôi mắt rất đẹp, hơi quá nghiêm nghị so với lứa tuổi của cô, phản chiếu một tâm hồn sâu sắc. Gương mặt thật là trong sáng; mỗi đường nét trên gương mặt này đều có thể thấy ở nhiều người phụ nữ khác, nhưng khi hòa hợp lại bên nhau thì gương mặt cô gái trở nên thật đặc sắc, thật xinh đẹp. Chúng ta chỉ có thể nói được thế. Vẻ đẹp của cô không thể dùng lời mà tả được, chỉ có thể thu gọn vào một tiếng là: «tuyệt».

Cô gái trong gương bất giác cũng mỉm cười như A-xôn. Nụ cười có vẻ buồn buồn. Nhận thấy điều đó, cô bỗng cảm thấy ái ngại hệt như đang nhìn một người con gái khác. Cô áp má vào gương, nhắm mắt lại, khẽ xoa xoa tay lên gương nơi hình bóng mình vừa in. Những ý nghĩ mơ hồ dịu dàng thoáng hiện trong óc cô, cô đứng thẳng người, cười rồi ngồi xuống khâu.

Khi cô gái ngồi khâu, chúng ta hãy thử nhìn cô gần hơn — vào nội tâm. Trong con người cô dường như có *hai* A-xôn cùng chung sống với một vẻ đẹp thật khác thường. Một A-xôn là con gái người thủy thủ, người làm đồ chơi trẻ con; một A-xôn khác lại là bài thơ sinh động với tất cả sự diệu kỳ của nhạc điệu và hình tượng, với bí quyết của những ngôn từ đứng gần nhau, cả nghĩa đen và nghĩa bóng đều hỗ trợ cho nhau. Cô gái chỉ biết cuộc đời trong phạm vi những điều mình đã nếm trải, nhưng cô lại có khả năng nhìn thấy được ý nghĩa của một trật tự *khác* vượt ra ngoài những hiện tượng chung. Chẳng hạn, khi nhìn kỹ vào sự vật, chúng ta thấy ở đấy một cái gì đó

không phải bằng trực giác mà bằng ấn tượng của con người. Mà đã là của con người thì thật khác nhau. Tương tự như vậy, ta cũng có thể nói rằng A-xôn đã thấy được cả những cái mà mắt thường *không thấy*. Thiếu đi đức tính ấy, mọi điều dễ hiểu có thể trở nên xa lạ với tâm hồn cô. Cô biết đọc và rất thích đọc sách, nhưng ngay cả khi đọc sách, cô vẫn cảm nhận được những điều đặc biệt nằm giữa những hàng chữ, như cô đã có khả năng tương tự trong cuộc sống. Thông qua tiềm thức, thông qua tâm trạng phấn hứng đặc biệt, cô đã luôn luôn phát hiện ra những điều khó tả, rất tinh tế nhưng rất hệ trọng, như thể là hơi ấm và sự trong lành. Thỉnh thoảng cô như biến thành một người khác trong hàng mấy ngày liền; sự đối lập về vật chất của cuộc đời bị sụp đổ, như sự yên tĩnh bị phá vỡ, và tất cả mọi cái cô đã thấy, đã trải qua, tồn tại ở xung quanh, trở thành tấm rèm bí ẩn trong cuộc sống hằng ngày. Nhiều lần, lòng đầy xao xuyến, ngại ngần, cô ra bờ biển một mình ban đêm, chờ đón bình minh và quả thực có nhìn thấy con tàu với cánh buồm đỏ thắm. Những giây phút ấy đối với cô thật là hạnh phúc. Nếu chúng ta khó hóa thân vào những chuyện huyền thoại bao nhiêu thì cô lại khó thoát ra ngoài quyền lực và sức quyến rũ của chúng bấy nhiêu.

Những lúc khác, khi nghĩ lại chuyện xảy ra, cô thật lòng ngạc nhiên với chính mình, không tin những điều mình vừa tin nữa; cô mỉm cười từ giã biển cả và buồn rầu quay trở về thực tại. Giờ đây vừa ngồi khâu, cô gái vừa nhớ lại cả cuộc đời mình. Thật là nhiều điều tẻ nhạt và đơn giản. Cảnh hai bố con sống cô độc đối với cô thật nặng nề. Nhưng trong cô đã hình thành một thói quen rụt rè, một nếp hằn đau khổ, làm cho cô không sao có thể vui lên được. Dân làng giễu cợt cô và nói: «Cô ta bị tâm thần, dở người làm sao ấy!» Cô đã quen với những lời châm chọc đau đớn ấy; nhiều lần cô phải chịu đựng những lời sỉ nhục mà sau đó ngực cô nhức nhối như bị đánh. A-xôn là cô gái không được ưa chuộng ở làng Ca-péc-na. Tuy vậy nhiều người mơ hồ cảm thấy một cách lạ lùng rằng hình như cô được hưởng nhiều hơn người khác, có điều là bằng thứ *ngôn ngữ khác*. Trai làng Ca-pèc-na ưa thích loại phụ nữ chắc nịch, đẫy đà, da bóng nhẫy, bắp chân trùng trục, cánh tay rắn chắc. Ở đây họ ve vãn nhau

bằng cách vỗ lưng, xô đẩy như ở chợ. Lối tỏ tình này hệt như tiếng rống thô lỗ. A-xôn đối xử với cái môi trường quyết liệt này như những con người có cuộc sống tinh thần tinh tế phải thích nghi với cái xã hội ma quái. Thế là trong tiếng kèn lính đều đều, nỗi buồn ngọt ngào của cây vĩ cầm không đủ sức lôi kéo đạo quân nghiêm nghị ra khỏi đội ngũ. Cô gái không đếm xỉa đến những điều nói ở những dòng trên đây.

A-xôn miên man nghĩ về cuộc sống, đôi bàn tay nhỏ khéo léo nhanh nhẹn khâu. Khi cắn chỉ, cô đưa mắt nhìn ra xa về phía trước. Nhưng, điều đó không ngăn cản cô khâu thẳng hàng và chính xác như trên máy khâu. Dù Lông-gren chưa về, cô cũng không thấy lo sợ gì cho cha. Thời gian gần đây, ông thường đi biển ban đêm để đánh cá hay đôi khi chỉ để hóng mát.

Cô gái không sợ, vì biết rằng sẽ không thể có gì nguy hiểm xẩy ra với Lông-gren được. Về phương diện này, A-xôn vẫn là cô gái bé nhỏ dạo nào cầu nguyện theo cách riêng của mình, sáng sáng thỏ thẻ: «Chào đức Chúa trời!» và tối tối lại: «Chào đức Chúa tạm biệt!»

Cô bé nghĩ rằng chỉ cần chào hỏi đức Chúa trời ngắn ngủi như vậy là cũng đủ đức Chúa trời che chở cho cô thoát khỏi mọi điều bất hạnh. Cô đặt mình vào vị trí của đức Chúa trời. Người luôn luôn bận bịu vì công việc của hàng triệu người, vì vậy đối với những điều u ám hằng ngày của cuộc sống, theo ý cô, phải có sự nhẫn nại tế nhị của một người khách đến chơi vào lúc nhà chủ đông người, phải biết chờ đợi chủ và ăn ở tùy theo hoàn cảnh.

Khâu xong, A-xôn xếp đồ khâu lên chiếc bàn nhỏ ở góc nhà, cởi áo ngoài rồi lên giường đi ngủ. Đèn đã tắt. Một lát sau, cô thấy mình chẳng buồn ngủ chút nào. Tâm trí cô minh mẫn như thể đang là giữa ban ngày, thậm chí cả màn đêm xung quanh cũng trở thành không thật; cả người, cả tâm trí cô lâng lâng, tỉnh táo. Tim cô đập nhanh như tiếng tích tắc của đồng hồ bỏ túi, dường như trái tim đang đập ngay bên gối. A-xôn bực bội trở mình luôn, khi thì tung chăn ra, khi lại kéo chăn trùm kín đầu. Cuối cùng cô nghĩ được cách làm dễ ngủ, cô tưởng tượng ra mình đang ném những hòn đá xuống nước lấp loáng ánh trăng và ngắm nhìn những gợn sóng tròn loang ra bốn

phía. Dường như chỉ chờ thế, giấc ngủ mới đến. Cô mơ màng thấy hình bóng mẹ mỉm cười hiện ra ở đầu giường rồi thiếp đi trong giấc mơ đẹp về một vườn cây hoa nở, nỗi buồn, sự say mê, những bài ca và nhiều điều bí ẩn mà khi chợt tỉnh cô chỉ nhớ được làn nước xanh lấp lánh chạy từ chân lên tim, mát lạnh, khoan khoái. Thấy điều kỳ lạ như vậy, cô nán lại ít phút nữa nơi xứ sở tưởng tượng kia, rồi tỉnh hẳn và ngồi dậy.

Nếu cô gái không thiếp đi được thì giấc mơ đã không đến. Một cảm giác mới mẻ, đầy vui sướng, cảm giác khao khát làm một việc gì đó đã sưởi ấm lòng cô. Cô nhìn quanh hệt như người ta thường nhìn ngôi nhà vừa dọn đến. Một ngày mới đã bắt đầu, trời chưa sáng hẳn, nhưng mọi vật chung quanh đã mờ mờ hiện ra. Phía dưới cửa sổ còn sẫm tối, nhưng phía trên đã rạng sáng. Xa, rất xa ngoài khung cửa sổ lấp lánh ánh sao mai. Biết rằng bây giờ không thể ngủ lại được nữa, A-xôn mặc áo vào rồi tới bên cửa sổ mở cánh cửa ra. Bên ngoài vắng lặng như tờ, dường như cảnh yên lặng ấy chỉ vừa mới tới. Những khóm cây xanh xanh thấp thoáng; xa hơn nữa là những hàng cây đang ngủ; phảng phất mùi đất và mùi không khí ngột ngạt.

Vịn tay vào phía trên khung cửa, cô gái nhìn ra ngoài và mỉm cười. Bỗng một cái gì đó, tựa một tiếng gọi xa xôi làm xao xuyến lòng cô, cô như tỉnh dậy một lần nữa và chuyển từ thực tại đã rõ ràng sang một cái gì đó hiển nhiên hơn và chắc chắn hơn. Từ giây phút đó, một cảm giác hân hoan tràn ngập lòng cô. Cũng như khi nghe người khác nói, chúng ta hiểu nhưng nếu nhắc lại những lời ấy thì chúng ta lại hiểu thêm với một ý nghĩa mới hơn, khác hơn. Tâm trạng A-xôn lúc ấy tương tự như thế.

Cô lấy chiếc khăn lụa mỏng tuy đã cũ nhưng rất hợp với gương mặt, trùm lên đầu, buộc dưới cằm rồi khóa cửa, chạy chân đất ra đường. Xung quanh vắng vẻ, trống trải, nhưng cô cảm thấy mình như là cả một dàn nhạc mà mọi người có thể nghe được. Vạn vật trở nên thân thiết với cô, làm cô vui sướng. Lớp đất bụi ấm áp mơn man bàn chân cô; cô thở mạnh, khoan khoái. Trong ánh sáng buổi sớm mờ mờ, những mái nhà, những đám mây nom đen sẫm; những bờ rào, bụi

cây, vườn rau và con đường mờ mờ ẩn hiện đang thiu thiu ngủ. Vẫn là những cảnh vật ấy nhưng giờ đây trông khác hẳn lúc ban ngày. Tất cả dường như đang ngủ mà cặp mắt vẫn mở, vụng trộm ngắm nhìn cô gái đi qua.

Cô gái mỗi lúc một rảo bước nhanh hơn, vội vã rời khỏi làng. Bên ngoài làng Ca-péc-na là một đồng cỏ trải rộng; tiếp đấy là vùng sườn đồi ven biển mọc đầy những hàng bụi cây hồ đào, cây dẻ. Khi đã đi hết đường cái, rẽ sang con đường mòn hẻo lánh, A-xôn bỗng thấy quấn bên chân cô con chó lông đen ức trắng, đôi mắt như biết nói. Con chó nhận ra A-xôn, nó khẽ kêu lên, uốn éo cái mình. Nó đi bên cạnh cô gái, như thỏa thuận với cô về một điều cả hai đều thầm hiểu. A-xôn nhìn vào đôi mắt hồ hởi của nó và tin chắc rằng nó có thể nói thành lời nếu không vì những nguyên nhân bí ẩn nào làm nó phải im lặng. Nhìn thấy cô bạn đường mỉm cười, con chó ra vẻ thích chí, ve vẩy đuôi rồi chạy lên phía trước một quãng. Nhưng bất chợt nó thản nhiên ngồi xuống, lấy chân trước gãi gãi vào bên tai vừa bị con bọ nào cắn, rồi sau đó quay trở lại phía làng.

A-xôn đi vào một bãi cỏ cao đầy sương, đôi tay vuốt nhẹ trên những chùm hoa dại, miệng mỉm cười. Cô chăm chú nhìn vào gương mặt độc đáo của những bông hoa, vào những thân cành mảnh dẻ đan vào nhau; cô dường như nhận ra những dáng vẻ khác nhau của con người — những điệu bộ, sự cố gắng, những cử động, những đường nét và những cái nhìn. Lúc này cô sẽ không ngạc nhiên nếu như gặp đám rước của bầy chuột đồng, vũ hội của đám chuột vàng, hay trò tiêu khiển thô lỗ của con nhím đi nạt nộ chú lùn[1] đang ngủ. Và đúng là có một chú nhím lông xám chạy ra trên con đường mòn trước mặt A-xôn, giận dữ kêu lên «phúc... phúc...» như người đánh xe làu bàu với khách qua đường. A-xôn nói với tất cả những gì cô gặp và thông cảm. «Chào anh, anh bạn bị đau», — cô nói với cây lưỡi đòng thân bị sâu khoét thành lỗ rộng. «Về nhà mà ngồi nhé», — cô nói với bụi cây nhỏ mọc lên giữa đường mòn, khẽ móc vào nếp váy cô. Một con cánh cam to đậu trên đài hoa chuông làm cả cành hoa trĩu xuống mà

---

[1] Thần giữ của dưới đất trong thần thoại. — *ND.*

nó vẫn cố trèo lên. A-xôn nói với cành hoa: «Hất ông khách béo mập ấy xuống đi, cậu ạ». Và con cánh cam không bám được vào hoa nữa, nó xòe cánh vù bay sang bên cạnh. Lòng đầy rộn ràng, xôn xao, cô đã đến bên sườn đồi thoai thoải. Ẩn mình giữa những lùm cây che khuất bãi cỏ, cô cảm thấy mình rơi vào một nơi xung quanh toàn là bè bạn thân thiết — những hàng cây biết trò chuyện với cô bằng thứ giọng trầm trầm.

Đó là các cây cổ thụ to lớn, xen lẫn cây dẻ, cây kim ngân. Cành cây sà xuống, chạm vào tán lá của các bụi thấp. Trên những cành lá sum suê hiện ra những chùm hoa trắng ngần tỏa hương thơm ngào ngạt pha lẫn mùi hương của nhựa thông và sương sớm. Con đường mòn nhỏ đầy những rễ cây ăn nổi lúc võng xuống lúc thoai thoải dốc lên cao. A-xôn cảm thấy mình như đang ở nhà, cô lắc nhẹ những cành lá xòa thấp, miệng tươi cười chào hỏi từng cái cây như chào người thật. Cô vừa đi vừa nói: «Đây một anh bạn, còn đây lại một anh bạn khác, các bạn của tôi đông quá! Tôi đang đi, đang vội đây, các bạn để tôi đi nhé. Tôi nhận ra các bạn, tôi nhớ và yêu quý tất cả các bạn». «Các bạn» trang trọng vuốt ve cô, cành lá kẽo kẹt đáp lại cô. Chân lấm đất, cô bước ra bờ vách giáp biển, đứng ngay sát mép, thở gấp vì đi nhanh. Một niềm tin sâu xa, mãnh liệt bỗng tràn ngập lòng cô. Cô đưa mắt nhìn ra phía chân trời. Sóng biển rì rào nhẹ vỗ vào bờ khiến cô quay trở lại, kiêu hãnh vì một niềm phấn hứng thanh tao. Lúc ấy, biển được viền bằng một sợi chỉ vàng dọc theo đường chân trời vẫn còn đang ngủ. Chỉ có nước trong vụng dưới bờ vách là đang nhịp nhàng dâng lên, hạ xuống. Gần bờ, màu thép của đại dương đang ngủ đã chuyển sang xanh thẫm và đen. Sau sợi chỉ vàng đó, bầu trời bừng sáng, tỏa ánh hào quang như một chiếc quạt khổng lồ. Mây trắng ửng hồng. Lấp lánh trong mây là những màu sắc mảnh mai, tuyệt đẹp. Xa xa, một vệt trắng như tuyết rung rinh trải dài trên nền tối sẫm. Bọt nước gợn sáng. Một vết nứt đỏ rực bừng lên giữa sợi chỉ vàng, hắt xuống đại dương một làn nước lăn tăn đỏ thắm, lan dần đến chân A-xôn.

Cô gái ngồi xuống, co chân lại, tay ôm gối. Cô chăm chú nhìn biển, nhìn về phía chân trời với cặp mắt mở to của trẻ thơ, không còn

chút gì là của người lớn. Những gì cô đã nôn nao chờ đợi từ bao lâu nay dường như đang diễn ra ở nơi xa tít tắp ngoài kia. Cô nhìn thấy giữa mặt biển mênh mông kia như có một ngọn đồi ngầm dưới nước; những loài cây leo vươn lên mặt nước để lộ những bông hoa lạ tỏa sáng giữa đám lá tròn mọc từ thân cây. Những cành lá phía trên lấp loáng trên mặt biển khơi. Với những ai không phải là A-xôn thì đó chỉ là những làn sóng xôn xao, lấp loáng.

Từ giữa đám cây kỳ lạ ấy, một con tàu hiện lên rồi dừng lại ngay giữa vừng đông. Từ xa, trông nó hệt như một đám mây. Con tàu tỏa niềm vui, bơi đi, hắt lên ánh đỏ như rượu vang, như hoa hồng, như máu, như làn môi, như nhung thắm và như ngọn lửa đỏ tươi. Con tàu đi thẳng về phía A-xôn. Sóng nước rẽ ra dưới mũi tàu, bọt tung trắng xóa. Cô gái đứng dậy áp tay lên ngực; mặt biển chỉ còn lăn tăn gợn sóng. Mặt trời hiện lên, ánh ban mai rực rỡ xua đi tấm màn phủ che vạn vật đang yên nghỉ thư thái trên mặt đất còn ngái ngủ.

Cô gái thở một hơi thật sâu, rồi quay nhìn xung quanh. Tiếng nhạc đã tắt, nhưng A-xôn còn bàng hoàng trong dư âm của dàn đồng ca. Cảm giác ấy dần dần mất đi rồi biến thành ký ức, và cuối cùng chỉ còn là sự mỏi mệt, rã rời. Cô nằm xuống bãi cỏ, nhắm mắt lại, khoan khoái thiếp đi trong một giấc ngủ mê mệt, không mơ màng, không mộng mị.

Cô tỉnh dậy vì có con ruồi bò trên bàn chân. Cô co chân lại và chợt tỉnh. Cô ngồi dậy cặp lại mái tóc rối, và vì thế mà cảm thấy trên ngón tay út mình có vật gì vương vướng. Cô tưởng có cọng cỏ nào mắc vào kẽ tay nên duỗi thẳng ngón ra cho nó rơi, nhưng vẫn thấy vướng. Cô bèn đưa tay lên nhìn và liền kinh ngạc đứng bật dậy: trên ngón tay cô là chiếc nhẫn ngọc lấp lánh — chiếc nhẫn của Grây.

Chiếc nhẫn nằm trên tay mà cô có cảm giác như đó không phải tay *mình* mà là của ai khác. «Ai đùa thế này? Ai đùa thế? — cô kêu lên. — Lẽ nào mình đang ngủ? Hay là mình nhặt được ở đâu rồi quên khuấy đi?» Tay trái cầm lấy bàn tay phải có nhẫn, cô ngơ ngác nhìn xung quanh như muốn gạn hỏi biển cả và những lùm cây xanh, nhưng không có tiếng nào đáp lại, không có ai nấp trong bụi rậm. Ngoài biển xanh lấp loáng ánh mặt trời cũng không có dấu hiệu nào. Gương mặt cô đỏ ửng lên. Trái tim đã mách bảo cô là «có». Không có lời giải đáp nào cho sự

việc vừa xảy ra, nhưng cô đã tìm được lời giải đáp bằng cảm giác lạ lùng mà không cần phải viện tới lý lẽ nào ; cô thấy chiếc nhẫn trở nên gần gũi, thân thiết đối với mình. Cô run rẩy tháo chiếc nhẫn ra, để trong lòng bàn tay khum lại mà nhìn ngắm với cảm giác ngây ngất, say sưa, rộn ràng, giục giã, với niềm tin gần như bí ẩn của tuổi trẻ. Thế rồi cô để chiếc nhẫn vào trong áo lót, úp mặt vào lòng bàn tay, một nụ cười không sao ngăn lại được nở trên môi cô. Cô cúi đầu chậm rãi bước về làng.

Vậy là Grây và A-xôn đã tìm thấy nhau một cách *tình cờ* như những người biết đọc, biết viết thường nói — tìm được nhau vào một sớm mùa hè đầy những điều không sao tránh khỏi.

V

CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU

Grây bước lên boong tàu «Bí mật». Anh đứng im một lúc, đưa tay vuốt tóc từ đằng sau ra trước trán — một thói quen anh thường làm mỗi khi trong lòng hết sức bối rối. Vẻ lơ đãng hiện lên trên gương mặt anh với nụ cười ngây ngô của người mộng du. Người trợ lý của anh Pan-ten lúc ấy vừa đi qua, tay cầm đĩa cá rán. Nhận thấy vẻ mặt lạ lùng của thuyền trưởng, Pan-ten rụt rè hỏi:

— Anh bị ngã ở đâu phải không, thưa thuyền trưởng? Anh đi đâu về thế? Gặp chuyện gì vậy? Thật ra thì đó hoàn toàn là chuyện của anh thôi. Có một vị thầu khoán thuê tàu chúng ta chở một món hàng hời lắm, lại còn hứa có tiền thưởng nữa. À mà anh làm sao thế?..

— Cảm ơn anh, — Grây vừa đáp vừa thở mạnh như người vừa được cởi trói. — Chính là tôi đang cần được nghe những lời nói đơn giản và thông minh của anh. Đó như là một thứ nước lạnh. Pan-ten, anh hãy báo cho mọi người biết rằng hôm nay chúng ta sẽ nhổ neo và

cho tàu ghé vào cửa sông Li-li-a-na cách đây mười hải lý. Dòng sông này có nhiều doi đất ngầm rất nông. Muốn vào vùng đó chỉ có thể đi từ ngoài biển đến. Anh đi lấy bản đồ đi. Không cần đem theo hoa tiêu. Có thể thôi... Món hàng chở hời ấy đối với tôi cũng chẳng có ý nghĩa gì. Anh có thể nói lại với ông thầu khoán như thế. Tôi đi lên phố bây giờ đây và sẽ ở lại đó đến tối.

—Có chuyện gì xảy ra vậy?

—Hoàn toàn không có gì cả, Pan-ten ạ. Tôi muốn anh lưu ý đến mong muốn của tôi là không phải nghe hỏi thêm điều gì. Khi có dịp, tôi sẽ nói cho các anh nghe chuyện là thế nào. Anh hãy nói với các thủy thủ rằng tàu cần được sửa chữa mà xưởng đóng tàu ở đây thì đang bận.

—Rõ! —Pan-ten đáp lại như máy khi Grây đã quay lưng đi.— Mọi mệnh lệnh của anh sẽ được thi hành.

Mặc dù các yêu cầu của thuyền trưởng rất rõ ràng, người trợ lý vẫn tròn xoe mắt ngạc nhiên và vội vã cầm đĩa cá rán quay về buồng của mình, miệng lẩm bẩm: «Này, Pan-ten, mày bị lúng túng rồi đấy. Có phải thuyền trưởng định thử đi buôn lậu một chuyến không? Chẳng lẽ con tàu này lại sắp treo cờ đen của bọn cướp biển sao?» Đến đây Pan-ten đành chịu bó tay trước những dự đoán quá kinh khủng. Trong khi Pan-ten đang ngấu nghiến ăn món cá thì Grây xuống buồng mình lấy tiền, đi thuyền qua vịnh nhỏ rồi đến khu buôn bán của thị trấn Li-xơ.

Lúc này anh hành động bình thản mà cương quyết, anh biết hết những gì sẽ xảy ra trên con đường kỳ lạ sắp tới. Mỗi hành động, mỗi ý nghĩ đều sưởi ấm anh bằng khoái cảm tinh tế. Dự định của anh hình thành trong nháy mắt và rất cụ thể. Đối với cuộc đời anh, dự định ấy khác nào những nhát dao sắc sảo, chính xác cuối cùng của nhà điêu khắc mà sau đó khối đá hoa cương bỗng biến thành một pho tượng tuyệt vời.

Grây đi đến ba cửa hiệu, anh rất coi trọng việc chọn được loại hàng thật vừa ý cả về màu sắc lẫn phẩm chất. Ở hai cửa hiệu đầu, người ta đưa cho Grây xem thứ lụa màu sặc sỡ thích hợp với loại thị hiếu dễ dãi. Ở cửa hiệu thứ ba, anh thấy nhiều loại vải đẹp khác

nhau. Viên chủ hiệu tíu tít, hớn hở lấy ra các loại vải bị ế, còn Grây thì nghiêm trang như một nhà giải phẫu. Anh kiên nhẫn chọn các súc vải, xếp lại một bên rồi lại giở xem nhiều loại vải màu đỏ đến nỗi cả quầy hàng rực hồng lên. Ánh hồng in lên tay, lên mặt anh, hắt xuống cả mũi giày. Đứng giữa những dải lụa bồng bềnh, Grây phân biệt rõ các màu: hồng nhạt, hồng đậm, màu hoa anh đào, màu đỏ da cam, màu huyết dụ. Ở đây có đủ các loại màu na ná nhau nhưng thực ra lại khác nhau, đại loại như những từ đồng nghĩa: «kỳ diệu», «tuyệt diệu», «tuyệt đẹp», «hảo hạng». Những sắc màu ấy biểu lộ những điều mà lời nói không thể nào diễn tả nổi. Nhưng thuyền trưởng Grây vẫn chưa tìm được thứ vải màu ưng ý. Viên chủ hiệu đưa ra không ít loại vải đẹp nhưng vẫn chưa làm Grây hài lòng. Cuối cùng một thứ lụa làm khách hàng sững sờ chú ý. Anh ngồi xuống chiếc ghế bành đặt gần cửa sổ, kéo dải lụa phủ lên đầu gối mà ngắm nhìn không nhúc nhích, mồm ngậm tẩu thuốc đang cháy dở.

Thứ lụa đó có màu rực như nắng hồng buổi sớm, tỏa ra niềm vui rộn ràng, cao quý, kiêu hãnh. Đó chính là thứ màu mà Grây cần tìm. Nó không có những sắc thái pha tạp của màu lửa, màu hoa anh túc, không có những hàm ý của màu hoa vi-ô-lét hoặc màu hoa cà, cũng không có sắc xanh hay đen có thể làm cho ta nghi ngờ. Nó chỉ thắm hồng lên như một nụ cười duyên dáng phản ánh tâm hồn. Grây say sưa ngắm thứ lụa tuyệt vời đó đến nỗi quên cả viên chủ hiệu đang đứng chờ sau lưng với vẻ chăm chú của con chó săn vừa vớ được mồi ngon. Chờ một lúc, viên chủ hiệu sốt ruột nhắc khéo Grây bằng cách xé xoạt một mảnh lụa nhỏ.

—Thôi, không cần cho xem hàng mẫu nữa,—Grây đứng dậy nói.—Tôi sẽ lấy thứ lụa này.

—Ông lấy cả súc vải này chứ?—viên chủ hiệu hỏi, giọng lộ vẻ nghi ngờ. Nhưng Grây im lặng nhìn vào trán y, điều này làm cho y trở nên mạnh dạn hơn.—Vậy ông lấy bao nhiêu mét?

Grây gật đầu ra hiệu cho y chờ một lát. Anh lấy bút chì ra tính toán số lượng vải cần đến.

—Hai nghìn mét,—Grây nói,—mắt hồ nghi nhìn lên quầy hàng.—Phải rồi, không quá hai nghìn mét.



— Hai? — viên chủ hiệu giật thót người, bật hỏi lại. — Hai nghìn ư? Hai nghìn mét? Xin mời ông ngồi, thưa thuyền trưởng. Ông có muốn xem thêm hàng mẫu nữa không ạ? Xin tùy ông. Diêm đây ạ, còn đây là thuốc lá thượng hảo hạng xin mời ông dùng thử. Hai nghìn,.. mỗi mét giá... — viên chủ hiệu xướng giá tiền chẳng lấy gì làm thật thà cho lắm. Nhưng Grây cũng chẳng buồn mặc cả với y, anh đang hài lòng với thứ vải mình vừa chọn được, — viên chủ hiệu tiếp tục nói. — Không chê vào đâu được, chỉ có bản hiệu đây mới có thứ hàng đó đấy ạ. Để cho y tỏ hết sự hân hoan xong, Grây thỏa thuận với y về phương thức lấy hàng. Anh thanh toán với y mọi khoản phí tổn rồi cáo từ. Viên chủ hiệu tiễn anh với vẻ trịnh trọng như tiễn một hoàng đế Trung Hoa. Vào lúc ấy bên kia đường gần cửa hiệu vừa rồi, có một nhạc công lang thang đang bắt cây đàn vi-ô-lông-xen của mình phát ra âm thanh buồn buồn tha thiết. Bạn anh, một người thổi sáo, cũng đang hòa cùng anh bài ca giản dị, du dương. Âm điệu bản đàn tản ra trong cái nóng oi bức của ngày hè và vọng đến tai Grây. Anh hiểu ngay rằng mình phải làm điều gì. Nói chung là vào những ngày ấy anh đang sống trong trạng thái tinh thần phấn chấn, trạng thái cho phép anh nhận ra mọi hàm ý, mọi điều mách bảo của thực tiễn. Anh nghe thấy những âm thanh bị át đi trong tiếng xe cộ qua lại ồn ào, và theo tính cách riêng của anh, tiếng nhạc ấy gợi cho anh bao ấn tượng và suy nghĩ quan trọng. Anh cảm thấy những điều anh nghĩ sẽ diễn ra tốt đẹp. Đi qua một ngõ hẹp, anh bước vào cổng ngôi nhà có mấy nhạc công đang biểu diễn. Lúc này, họ đã sắp đi nơi khác. Người thổi sáo, dáng cao cao, đang ngả mũ ngượng ngừng chào cám ơn những ai vừa ném tiền xuống qua cửa sổ. Người kéo vi-ô-lông-xen để đàn dựa vào khuỷu tay, một tay đưa lên lau mồ hôi trán, đang chờ bạn.

— Trời, anh Xim-me đấy à! — Grây nói với anh ta, nhận ra đó là người thường kéo vi-ô-lông rất hay, tối tối vẫn mua vui cho đám thủy thủ — khách hàng của quán «Tiền dành cho rượu» trên bến cảng. — Sao anh lại bỏ đàn vi-ô-lông?

— Thưa thuyền trưởng kính mến, — Xim-me đáp lại với giọng đầy hãnh diện, — tôi có thể chơi được mọi thứ đàn. Hồi còn trẻ tôi

làm chân nhạc công hề trong rạp xiếc. Bây giờ tôi thèm được làm nghệ thuật một cách tử tế, và tôi buồn rầu nhận thấy rằng tôi đã tự hủy hoại tài năng của mình. Bởi vậy bây giờ do chút tham lam muộn mằn, tôi yêu một lúc hai thứ đàn: đàn vi-ô-lông và đàn vi-ô-lông-xen. Ban ngày thì chơi đàn vi-ô-lông-xen, buổi tối thì chơi vi-ô-lông, cũng thể như tôi than khóc cho tài năng đã chết. Thuyền trưởng có định thết anh em bữa rượu nào không? Vi-ô-lông-xen là cô Các-men[1] của tôi. Còn vi-ô-lông là...

— Là A-xôn, — Grây nói tiếp.

Xim-me không nghe rõ lời Grây.

— Phải rồi, — Xim-me gật gù, — *xô-lô*[2] bằng kèn hơi hay đánh chũm chọe một mình là một việc hoàn toàn khác. Nhưng mà chuyện đó thì liên quan gì đến tôi kia chứ? Cứ để kệ cho các anh hề trong nghệ thuật muốn làm gì thì làm. Còn tôi, tôi bao giờ cũng tin rằng các nàng tiên đã chọn vi-ô-lông và vi-ô-lông-xen làm chỗ nghỉ.

— Thế trong cây sáo của tớ thì thần nào nghỉ hở ông bạn? — người thổi sáo vừa tiến lại gần vừa hỏi. Đó là một chàng trai cao lớn, có đôi mắt giống mắt cừu, màu xanh, và bộ râu vàng. — Nào trả lời đi.

— Tùy theo mức độ mà cậu uống rượu từ sáng tới giờ. Trong cây sáo của cậu khi thì có chim muông, khi thì lại chỉ toàn hơi men. Thưa thuyền trưởng, đây là anh bạn Đu-xơ của tôi. Tôi đã nhiều lần kể cho anh ta nghe về thuyền trưởng, một người tiêu tiền như nước mỗi khi uống rượu. Và thế là anh ta cũng mê thuyền trưởng lắm đấy.

— Phải đấy, — Đu-xơ nói, — tôi rất thích những cử chỉ hào hiệp. Nhưng mà tôi là kẻ khôn vặt đấy, đừng có tin vào những lời nịnh bợ của tôi.

— Thế này, — Grây vừa nói vừa cười, — tôi chỉ còn rất ít thời gian mà việc này thì lại cần gấp. Tôi sẽ tạo cho các bạn một cơ hội kiếm tiền kha khá đấy. Các bạn hãy tập hợp một dàn nhạc nhưng

---

[1] Bí danh của hoàng hậu Ê-li-da-bét nước Ru-ma-ni nhân vật của nhiều bài thơ và tiêu thuyết. — *ND.*

[2] Độc tấu. Ở đây Xim-me nghe nhầm «A-xôn» thành «xô-lô». — *ND.*

đừng có mời những anh chàng ăn vận chải chuốt có vẻ mặt trạng nghiêm khô khan như kẻ không hồn, những kẻ khi chơi đàn thì quên hết phần hồn của âm nhạc, chỉ làm nơi biểu diễn trở nên buồn tẻ bằng những tiếng ồn quái gở. Hãy tập hợp những ai biết làm rung động tâm hồn mộc mạc của những chị nấu bếp và những anh bồi. Hãy tìm những nhạc công lang thang như các bạn. Biển cả và tình yêu không chịu nổi những kẻ cầu kỳ. Tôi sẵn sàng ngồi uống rượu với các bạn bây giờ, không phải chỉ một vài chai, nhưng tôi phải đi đằng này ngay. Tôi bận nhiều việc lắm. Các bạn hãy cầm món tiền này và hãy uống rượu mừng cho chữ «A»! Nếu các bạn đồng ý với đề nghị của tôi thì buổi tối hãy kéo nhau xuống con tàu «Bí mật» của tôi, hiện đang đậu ở cách cái đập trước mặt không xa.

— Xin vâng! — Xim-me reo lên. Anh biết rằng Grây bao giờ cũng trả công hậu hĩ như một ông vua. — Đu-xơ, cậu hãy cúi chào và nói đồng ý, hãy tung mũ lên mà mừng đi! Thuyền trưởng Grây muốn cưới vợ đấy!

— Phải rồi, — Grây bình thản đáp. — Mọi chi tiết tôi sẽ nói thêm khi chúng ta ở trên tàu. Còn các bạn...

— Uống rượu mừng cho chữ «A»! — Đu-xơ hích khuỷu tay vào Xim-me, nháy mắt với Grây. — Nhưng... trong bảng chữ cái... còn nhiều vần nữa cơ mà! Thuyền trưởng cố gắng cho anh em uống rượu đến vần cuối cùng...

Grây đưa cho hai người một món tiền, Hai nhạc công đi khỏi. Lúc ấy Grây bèn ghé vào một cửa hiệu trả một món tiền lớn để thuê làm gấp cho anh một việc bí mật trong thời gian sáu ngày. Khi Grây trở về tàu của mình thì người của cửa hiệu cũng đã tới đó. Đến tối, lụa được chất lên tàu. Năm người thợ làm buồm mà Grây thuê đã ngồi bên đám thủy thủ. Lê-chi-ca vẫn chưa về, dàn nhạc chưa tới. Trong khi chờ đợi bọn họ, Grây đến nói chuyện với Pan-ten.

Cần để ý rằng trong mấy năm liền, Grây đã đi biển với một số thủy thủ nhất định. Dạo đầu họ rất ngạc nhiên trước những quyết định thất thường của Grây, khi thì cho tàu chạy những chuyến bất ngờ, khi thì cho tàu dừng lại — có khi hàng tháng — ở những nơi vắng vẻ nhất, ít tính chất buôn bán nhất. Nhưng rồi dần dần họ quen

với tính nết đó của Grây. Nhiều lần anh cho tàu chạy không, từ chối nhận chở hàng trả giá hời chỉ vì thứ hàng đó anh không thích. Không ai thuyết phục được anh nhận chở xà phòng, đinh, phụ tùng máy móc, hay nói gọn lại là những gì chất đống trong khoang tàu và chỉ gợi những cảm giác đơn điệu về sự cần thiết buồn tẻ. Nhưng anh rất sẵn sàng chở hoa quả, đồ sứ, súc vật, hương liệu, chè, thuốc lá, cà-phê, vải lụa, những giống cây quý hiếm như dừa, cọ, đàn hương. Những thứ hàng đó thích hợp với trí tưởng tượng của anh, thường tạo ra khung cảnh thú vị. Vì vậy, không có gì lạ khi những thủy thủ của con tàu «Bí mật», hấp thụ tinh thần độc đáo đó, nhìn những con tàu chỉ chuyên lo kiếm lời bằng cặp mắt khinh khi. Tuy vậy, đến lần này, Grây vẫn đọc được nhiều câu hỏi trên nét mặt các thủy thủ. Cả đến người thủy thủ ngu dốt nhất cũng biết rất rõ rằng hoàn toàn không cần phải tiến hành chữa tàu ở một vùng cửa sông có rừng cây như vậy.

Tất nhiên là Pan-ten đã thông báo với họ những mệnh lệnh của Grây. Khi thuyền trưởng đến chỗ anh thì anh đang hút tới điếu xì-gà thứ sáu, đi đi lại lại trong buồng, mụ người vì khói thuốc và vấp cả vào ghế. Trời đã về chiều; một dải ánh sáng màu vàng xuyên qua cánh cửa sổ để mở làm chiếc lưỡi trai ở mũ thuyền trưởng lóe sáng lên.

— Tất cả đã chuẩn bị xong, thưa thuyền trưởng, — Pan-ten nói, vẻ không vui. — Nếu anh muốn, thì có thể cho nhổ neo ngay.

— Pan-ten ạ, đáng lẽ anh phải hiểu tôi hơn một chút, — Grây nhẹ nhàng nói. — Không có gì bí mật trong chuyện tôi đang làm. Ngay sau khi chúng ta thả neo xuống lòng sông Li-li-a-na, tôi sẽ kể hết mọi chuyện. Và lúc ấy anh sẽ không phải tốn nhiều diêm thế để hút thứ xì-gà tồi ấy. Thôi, anh cho kéo neo lên thôi.

Pan-ten hơi lúng túng nhếch mép cười, gãi gãi lông mày.

— Tất nhiên là như vậy, — anh nói. — Mà tôi cũng có làm sao đâu.

Khi Pan-ten đã đi rồi, Grây ngồi lại một lúc, nhìn chăm chăm về phía cửa hé mở, rồi anh trở về phòng mình. Ở đây, lúc thì anh ngồi, lúc ngả lưng xuống giường, lúc lắng nghe tiếng dây xích buộc neo đang kéo lên kêu loảng xoảng. Anh sửa soạn đi lên boong tàu nhưng rồi lại ngập ngừng nghĩ ngợi và quay lại bên bàn, lấy đầu ngón tay vạch một đường thẳng lên mặt khăn trải bàn. Tiếng đập mạnh vào cửa làm

anh chợt tỉnh, anh vặn quả đấm cửa, và Lê-chi-ca vào. Anh thủy thủ thở hổn hển, đứng sững lại với vẻ mặt của người vừa phi báo tin hoãn cuộc hành hình.

—«Hãy bay đi ngay, Lê-chi-ca!»—tôi cứ tự bảo như vậy,—ngay từ lúc còn đứng ở chỗ cái đập, nhìn thấy thủy thủ tàu ta đang hò nhau kéo neo lên. Mắt tôi tinh như mắt chim ưng ấy. Thế là tôi vội «bay» xuống thuyền; tôi thở hồng hộc vào người chèo thuyền đến nỗi ông ta toát cả mồ hôi vì lo quá. Thưa thuyền trưởng, chẳng lẽ anh muốn quẳng tôi lại trên bờ sao?

—Lê-chi-ca,—Grây vừa nói vừa nhìn kỹ vào đôi mắt đỏ ngầu của người thủy thủ,—tôi chờ anh gần hết buổi sáng rồi. Anh đã giội nước lạnh lên gáy cho tỉnh rượu chưa đấy?

—Giội rồi. Không nhiều bằng số rượu đã uống vào bụng, nhưng đã giội. Mọi việc đã làm xong.

—Anh nói xem nào.

—Không cần phải nói đâu, thưa thuyền trưởng. Đây, tất cả tôi đã viết vào đây rồi. Anh cầm lấy mà xem. Tôi đã cố lắm đấy. Tôi đi đây.

—Đi đâu?

—Nhìn mặt anh, tôi cũng biết anh đang trách tôi còn giội ít nước lạnh lên gáy quá.

Anh ta quay đi rồi ra khỏi phòng với dáng đi lạ lẫm của người mù. Grây lật tờ giấy ra, những dòng chữ viết bằng bút chì nguệch ngoạc, xiêu vẹo. Lê-chi-ca viết thế này:

«Theo lệnh đã giao, sau lúc năm giờ tôi đi ra ngoài đường làng. Nhà cô ấy có mái màu xám, có hai cửa sổ mỗi bên, cạnh nhà có vườn rau. Cô gái đi ra khỏi nhà hai lần: một lần đi lấy nước, một lần đi lấy vỏ cây đun bếp. Đến lúc trời tối, tôi có ghé mắt vào cửa sổ nhưng không nhìn thấy gì vì cửa sổ có rèm che».

Sau đó, Lê-chi-ca ghi tiếp vài câu về đặc điểm gia đình chắc là thu lượm được qua câu chuyện bên bàn rượu, bởi vì bất ngờ cuối mảnh giấy có câu: «Tôi đã phải chi một ít tiền của mình».

Nhưng cốt lõi của những điều Lê-chi-ca viết lại chỉ nói lên những cái chúng ta đã biết qua chương đầu cuốn sách này. Grây nhét mảnh

giấy vào ngăn bàn, huýt sáo gọi người trực nhật lại và bảo anh ta đi tìm Pan-ten. Nhưng người đến không phải là trợ lý của anh mà lại là thủy thủ trưởng Át-vút, vừa đi vừa kéo ống tay áo xuống.

Anh ta nói:

—Chúng tôi đã nhổ neo thì Pan-ten bảo đến gặp anh để xin ý kiến. Pan-ten đang bận: anh ta đang phải đối phó với một đám người mang kèn trống và vi-ô-lông. Anh gọi họ lên tàu à? Pan-ten mời anh đến ngay, một mình anh ta không biết xoay xở thế nào.

—Phải đấy, Át-vút ạ,—Grây nói.—Đúng là tôi đã gọi các nhạc công ấy đấy. Anh hãy bảo họ tạm vào buồng thủy thủ đã, rồi sẽ thu xếp chỗ cho họ sau. Át-vút, anh hãy nói với họ và anh em thủy thủ rằng mười lăm phút nữa, tôi sẽ lên boong. Cứ tập hợp trước ở đấy đi; anh và Pan-ten chắc sẽ làm theo lời tôi.

Át-vút rướn lông mày bên trái lên, đứng nghiêng người ở chỗ cửa ra vào rồi đi khỏi. Grây úp mặt vào lòng bàn tay hơn mười phút liền. Anh không chuẩn bị gì mà cũng không dự tính điều gì, anh chỉ muốn im lặng suy tưởng. Trong lúc ấy, mọi người sốt ruột chờ anh với vẻ tò mò, phỏng đoán. Anh bước ra và nhìn thấy trên gương mặt họ vẻ chờ đợi những điều gì thật khó tin. Nhưng vì anh coi mọi chuyện đang xảy ra là hoàn toàn bình thường, nên anh cảm thấy hơi bực mình khi những người khác lại băn khoăn như vậy.

—Không có gì đặc biệt, các bạn ạ,—Grây nói và ngồi xuống bậc thang.—Chúng ta sẽ thả neo ở vùng cửa sông cho đến khi thay hết vải buồm. Các bạn đã thấy người ta đem lụa đỏ lên tàu chúng ta đấy. Dưới sự chỉ dẫn của ông Bơ-len, chúng ta sẽ làm những cánh buồm mới cho tàu «Bí mật». Sau đó chúng ta sẽ lại nhổ neo,—đi đâu... thì tôi chưa nói, nhưng dù sao thì cũng không xa đây lắm. Tôi sẽ cho tàu đến chỗ vợ tôi. Cô ta chưa phải là vợ tôi, nhưng sẽ là vợ tôi. Tôi cần có con tàu với cánh buồm đỏ thắm để cho cô có thể nhận ra chúng ta từ đằng xa, như đã thỏa thuận trước với cô ấy. Đấy, tất cả là như thế. Các bạn thấy chưa, ở đây chẳng có gì là bí ẩn cả. Thôi, không cần phải nói gì thêm về chuyện đó nữa.

—Phải rồi,—Át-vút nói. Qua vẻ mặt tươi cười của các thủy thủ, anh nhận thấy họ bối rối một cách thú vị và không dám nói gì.—

Thưa thuyền trưởng, hóa ra chuyện là như vậy... Tất nhiên chúng tôi không phải là người xét đoán về chuyện đó. Anh muốn thế nào thì sẽ như thế. Tôi xin chúc mừng anh.

—Cám ơn anh!

Grây bắt chặt tay người thủy thủ trưởng, anh này bóp lại mạnh đến nỗi Grây phải rút tay ra. Tiếp đó các thủy thủ lần lượt đi qua trước mặt Grây, nhìn anh với cái nhìn ấm áp rụt rè, ấp úng chúc mừng anh. Không ai hò hét, làm ồn—các thủy thủ cảm thấy trong những câu nói ngắt quãng của thuyền trưởng một cái gì đó không hoàn toàn bình thường. Pan-ten thở dài khoan khoái và vui ra mặt—cảm giác nặng nề khó hiểu ban nãy đã tan biến. Chỉ có một anh thợ mộc trên tàu là tỏ ra không thích thú, anh ta uể oải bắt tay Grây và cau có hỏi:

—Sao thuyền trưởng lại nghĩ ra chuyện như vậy?

—Thì cũng giống như anh bổ rìu xuống, thế thôi,—Grây nói.—Xim-me này, anh dẫn dàn nhạc của anh lại đây xem nào.

Xim-me vỗ vào lưng từng người rồi đẩy đến trước mặt Grây tất cả là bảy người ăn mặc rất lôi thôi.

—Đây,—Xim-me nói, đây là anh thổi kèn tơ-rôm-bôn, không phải thổi mà là gào thét như súng đại bác. Hai cậu trai trẻ không râu này thổi kèn đồng, nghe họ thổi thì chỉ muốn đi đánh nhau ngay. Đây là người thổi coóc-nê-pít-tông, còn đây là cây vi-ô-lông thứ hai. Tất cả đều có khả năng hòa tấu rất ăn với tiếng đàn của tôi. Còn đây là nhân vật chủ chốt của dàn nhạc chúng tôi—anh Phơ-rít chuyên đánh trống. Mấy anh đánh trống thường có vẻ mặt ủ ê, nhưng *anh Phơ-rít đây* thì bao giờ cũng gõ trống rất say sưa. Trong tiếng trống của anh có cái gì đó cởi mở, thẳng thắn như cây dùi gỗ của anh. Mọi việc như thế là được rồi chứ, thưa thuyền trưởng?

—Tuyệt lắm,—Grây nói.—Tất cả các anh sẽ được thu xếp chỗ ở trong khoang tàu, những chỗ đó lần này sẽ dùng để chở những thứ «hàng» đặc biệt, đó là các điệu nhạc khác nhau từ a-đa-giô, xkét-xô đến phoóc-tít-xi-mô. Thôi, cho giải tán. Pan-ten, anh cho cởi dây neo ra, cho tàu đi thôi. Hai giờ sau tôi sẽ thay phiên cho anh.

Hai giờ sau đó anh cũng không chú ý đến bởi vì chúng cũng hòa vào thứ âm nhạc nội tâm đang bám sát tâm trí anh như mạch đập

không ngừng trong huyết quản. Anh chỉ nghĩ về một điều, chỉ muốn có một điều, chỉ hướng vào một đích. Là một người hành động, anh tưởng tượng ra trước cả chuỗi sự việc sẽ xảy ra. Anh chỉ tiếc rằng không thể điều khiển những sự việc đó một cách đơn giản, nhanh chóng như điều khiển quân cờ. Vẻ bên ngoài bình thản của anh không biểu lộ sự căng thẳng của tình cảm; tiếng âm vang của nó khác nào tiếng chuông lớn gióng lên ở phía trên đầu, lan rất nhanh khắp cơ thể anh như một tiếng rên làm nhức óc. Điều này cuối cùng đã dẫn anh đến chỗ phải nhẩm đếm thầm: «Một... hai... ba mươi...» rồi «một ngàn». Cách làm đó đã có tác dụng; cuối cùng anh đã có thể nhìn vào mọi dự định một cách khách quan. Lúc này anh hơi ngạc nhiên vì anh không thể hình dung được tâm hồn A-xôn, bởi ngay cả nói chuyện với cô, anh cũng chưa có dịp. Anh đã đọc ở đâu đó rằng có thể hiểu được con người, mặc dù không rõ lắm, bằng cách tưởng tượng mình là người ấy và bắt chước vẻ mặt của người ấy. Anh bắt đầu tạo cho đôi mắt mình một vẻ khác thường mà anh vốn không có, trên môi anh nở một nụ cười kín đáo, dịu dàng dưới hàng ria mép, thì anh bỗng sực nhớ ra, cười phá lên rồi đi thay phiên cho Pan-ten.

Trời tối. Bẻ cứng cổ áo blu-dông lên, Pan-ten đi đi lại lại quanh chiếc la bàn và bảo người lái tàu: «Sang trái một phần tư rum-bơ[1], sang trái. Lại một phần tư rum-bơ nữa». Con tàu «Bí mật» giương nửa số buồm chạy xuôi theo chiều gió.

—Thưa thuyền trưởng, tôi rất mừng,—Pan-ten nói với với Grây.

—Về chuyện gì kia?

—Như anh thôi. Tôi đã hiểu mọi chuyện rồi. Đây này, trên cái cầu chỉ huy này,—anh ta ranh mãnh nháy mắt, ánh lửa trên tẩu thuốc soi rõ nụ cười của anh ta.

—Nhưng mà này,—Grây bỗng đoán ra,—anh hiểu chuyện đó thế nào?

—Đó là cách hay nhất để chở các thứ hàng buôn lậu,—Pan-ten

---

[1] Vạch nhỏ khắc trên là bàn định hướng.—*ND.*

thì thầm nói. — Buồm thế nào là tùy thuộc vào ý thích của mỗi thuyền trưởng. Nhưng mà anh quả là có đầu óc tuyệt vời, Grây ạ!

— Ô, anh bạn Pan-ten đáng thương! — thuyền trưởng nói, không biết nên cười hay nên giận. Anh đoán rất thông minh, nhưng tiếc rằng chẳng có cơ sở nào cả. Thôi, anh đi ngủ đi. Có thể đoán chắc với anh rằng anh đã lầm. Tôi chỉ làm điều tôi vừa nói.

Anh để Pan-ten đi ngủ, kiểm tra lại hướng tàu đi rồi ngồi xuống. Bây giờ thì chúng ta tạm ngừng nói tới Grây vì anh đang cần ở lại một mình.

VI
A-XÔN CÒN LẠI MỘT MÌNH

Lông-gren ở ngoài biển suốt đêm. Ông không ngủ. ...hông đánh cá, mà chỉ mặc cho buồm đưa đi vô định. Ông lơ đãng ...ghe tiếng nước róc rách, nhìn bóng đêm, hóng mát và suy nghĩ. ...ào những giờ phút nặng nề của cuộc đời, không gì giúp ông lấy lại ...nh thần tốt hơn những lần đi ngao du một mình như thế. Im lặng, ch... có im lặng và vắng vẻ mới là những gì ông cần, để cho những tiến... ...ói yếu ớt nhất và dễ lẫn lộn nhất của nội tâm vang lên một cách ...ễ hiểu. Đêm hôm ấy, ông trầm ngâm nghĩ về tương lai, về nỗi ...ghèo khổ, về A-xôn. Để con gái ở nhà một mình dù chỉ mấy n..., ông cảm thấy rất khổ tâm. Hơn nữa ông còn sợ làm sống lại n... ...đau cũ đã nguôi đi. Có thể khi đặt chân lên tàu, ông sẽ lại hình d... ...g rằng nơi ấy, ở làng Ca-péc-na, có người bạn đời không bao gi... ...iết vẫn đang chờ ông. Rồi khi trở về làng, ông sẽ lại đi tới nhà m... với nỗi đau khổ của sự đợi chờ tuyệt vọng. Không bao giờ Mê... ...òn bước ra ngoài cửa nữa. Nhưng vì để có tiền nuôi A-xôn, ôn... ...ẫn phải xử sự theo cảnh ngộ.

Khi Lông-gren về, A-xôn còn chưa có mặt ở nhà. Những lần dạo chơi sáng sớm của cô không làm ông lo lắng, tuy vậy lần này ông vẫn thấy nóng ruột khi chờ con. Ông đi đi lại lại trong nhà và khi quay

lại, ông bất ngờ trông *thấy ngay* A-xôn nhẹ nhàng bước nhanh vào nhà. Cô gái im lặng đứng trước Lông-gren làm ông gần như sợ vì ánh mắt lộ vẻ xúc động. Tưởng chừng như hiện lên khuôn mặt thứ hai của cô — khuôn mặt thật sự của một người mà chỉ có đôi mắt là nói lên tất cả. Cô gái im lặng nhìn vào khuôn mặt Lông-gren một cách khó hiểu, đến nỗi ông phải hỏi ngay:

— Con ốm à?

Cô gái không trả lời ngay. Cuối cùng khi ý nghĩa của câu hỏi nhập vào tâm trí cô, cô mới sực tỉnh, như cánh hoa bị bàn tay chạm vào; rồi cô bật cười giòn tan trong niềm hân hoan êm ái. Cô thấy cần phải nói một điều gì, nhưng cũng như mọi khi, không cần phải nghĩ ngợi xem nói cái gì, cô trả lời bố:

— Không, con khỏe bố ạ... Sao bố lại nhìn con thế? Con vui lắm. Quả thật là con rất vui vì hôm nay trời rất đẹp. Bố đã nghĩ ra chuyện gì thế? Nhìn nét mặt bố, con cũng biết là bố vừa nghĩ ra chuyện gì rồi.

— Bố có nghĩ ra điều gì, — Lông-gren nói và bảo con gái ngồi xuống, — thì bố biết là con cũng sẽ hiểu. Chẳng có gì mà ăn nữa con ạ. Bố không xuống làm dưới tàu chạy đường dài nữa đâu, bố sẽ xin xuống làm ở tàu đưa thư chạy trên tuyến Li-xơ — Kát-xét thôi.

— Vâng, — cô gái lơ đãng nói, cố bắt vào mạch suy nghĩ của bố, nhưng rồi cô sợ hãi thấy mình không sao kìm được niềm vui. — Thế thì dở lắm. Thế thì con sẽ buồn đấy. Bố về nhanh lên nhé. — Cô gái nói vậy và một nụ cười nén được làm cho cô tươi lên. — Vâng, bố về nhanh lên, con đợi.

— A-xôn! — Lông-gren nói, hai tay áp má con gái, quay mặt con về phía mình. — Con nói thật đi, chuyện gì đã xảy ra với con vậy?

Cô gái cảm thấy cần phải xua tan mối lo của bố; cô kìm niềm hân hoan, làm ra vẻ chăm chú một cách nghiêm trang, duy ánh mắt vẫn sáng lên một sức sống mới.

— Bố lạ thật đấy, — cô nói, — hoàn toàn không có gì đâu. Con đi lượm hạt dẻ mà.

Nếu không mải suy nghĩ, chắc hẳn Lông-gren đã có thể không tin hoàn toàn vào điều đó. Hai bố con bắt đầu bàn tính tỉ mỉ. Người thủy thủ bảo con gái sắp xếp túi cho ông, kiểm kê lại các thứ cần thiết,

rồi dặn dò con vài điều:

— Chừng mười hôm nữa bố sẽ về. Con cất kỹ súng của bố, đừng bỏ nhà đi đâu. Nếu có kẻ nào định gây chuyện với con thì con hãy nói với nó rằng: ông Lông-gren sắp về. Đừng nghĩ ngợi và lo lắng gì cho bố cả. Không thể có chuyện gì xấu xảy ra đâu.

Sau đó ông ăn qua loa, hôn con gái rồi vắt túi qua vai bước ra khỏi nhà đi lên thị trấn. A-xôn nhìn theo ông cho đến khi ông đi khuất sau chỗ đường vòng. Cô gái quay vào nhà. Ở nhà còn nhiều việc phải làm, nhưng A-xôn không nhớ gì đến nữa. Cô đưa mắt nhìn quanh, hơi ngạc nhiên như cô là người *xa lạ* với căn nhà này, ngôi nhà đã gắn bó với cô từ thuở nhỏ, tưởng chừng cô vẫn luôn luôn mang nó trong lòng. Nhưng giờ đây căn nhà đó tựa như quê hương thân thiết mà sau nhiều năm sống một cuộc đời khác, cô lại về thăm. Cô tự thấy có cái gì không hay, không ổn trong cảm giác vừa rồi. Cô ngồi xuống bên chiếc bàn nơi trước đây Lông-gren vẫn thường làm đồ chơi. Cô thử gắn bánh lái vào đuôi tàu. Nhìn những con tàu đó, A-xôn bỗng thấy chúng to như thật; những gì xảy ra sáng nay lại làm cô xúc động; chiếc nhẫn vàng như to dần lên bằng cả khối mặt trời bay qua biển và đến bên chân cô.

Đứng ngồi không yên, A-xôn bước ra khỏi nhà và đi lên thị trấn Li-xơ. Cô hoàn toàn chẳng có việc gì phải làm trên đó; cô không biết đi lên đó làm gì, nhưng không đi không đành. Trên đường đi, cô gặp một người đi đường hỏi thăm về một nơi nào đó, cô chỉ dẫn tỉ mỉ cho người ấy rồi sau đấy quên luôn.

Cô đi qua suốt dọc con đường dài mà không hay biết, tựa hồ cô mang theo một con chim nào đó thu hút toàn bộ sự chăm sóc dịu dàng của cô. Ở thị trấn, tiếng ồn ào xung quanh có làm cô xao lãng đôi chút, nhưng không còn chế ngự được cô như trước đây nó đã từng dọa dẫm, lấn át, làm cho cô trở nên nhút nhát ít nói. Giờ đây cô đương đầu với nó. Cô chậm rãi đi qua một đường phố hình vành đai, bước qua những bóng cây xanh sẫm, tin tưởng và thanh thản nhìn gương mặt những người đi đường. Chân cô bước đều, lòng đầy tự tin. Những người ưa quan sát, vào ngày hôm đó, có thể vài lần trông thấy một cô gái, ánh mắt khác thường, đi lẫn giữa đám đông với vẻ

nặt trầm tư. Đến quảng trường, cô đưa tay xòe ra hứng những tia ước từ vòi phun tuôn lên. Sau đó, cô ngồi xuống nghỉ một lúc rồi uay trở về làng trên con đường xuyên qua cánh rừng. Trên đường về, ô cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm, thanh thản, bình yên, hệt như con ông về đêm, cuối cùng đã tránh được những tia nắng mặt trời chói hang để được lặng lẽ trôi trong bóng tối êm đềm. Khi về đến gần àng, cô trông thấy ông già đốt than, người đã được nghe cô nói rằng hiếc giỏ của ông sẽ nở hoa. Ông đang đứng cạnh chiếc xe ngựa cùng ai người khác, vẻ mệt mỏi, mặt mũi dính than lem luốc. A-xôn nừng rỡ.

— Chào bác Phi-líp, — cô gái nói, — bác làm gì ở đây thế?

— Cái bánh xe nó bị trật ra, bác đã chữa được rồi, bây giờ thì ngồi hút ít thuốc, tán gẫu với hai anh bạn trẻ này. Cháu đi đâu về thế?

A-xôn không trả lời.

— Bác biết không, bác Phi-líp, — cô gái nói, — cháu rất quý bác nên cháu mới nói cho một mình bác biệt điều này nhé. Cháu sắp đi khỏi đây rồi, chắc là đi luôn bác ạ. Bác đừng nói lại với ai nhé.

— *Cháu* muốn đi khỏi đây sao? Cháu định đi đâu? — ông thợ đốt than ngạc nhiên, miệng há to, vì thế mà bộ râu ông trông như dài hơn.

— Cháu cũng không biết nữa. — Cô chậm rãi đưa mắt nhìn khoảng rừng trống bên cây du, nơi chiếc xe ngựa đỗ, những đám cỏ xanh dưới ánh nắng chiều hồng nhạt, nhìn những người thợ đốt than đen sạm đang im lặng, rồi nói thêm: — Tất cả những điều này cháu đều chưa rõ. Cháu không hề biết ngày nào, giờ nào, thậm chí đi đâu cháu cũng không biết. Cháu không thể nói gì hơn. Vì vậy, để phòng nhỡ không gặp lại được bác, cháu xin chào bác trước nhé. Bác thường cho cháu đi nhờ xe.

Cô gái cầm lấy bàn tay to đen của bác Phi-líp, khẽ đung đưa. Gương mặt người thợ già thoáng hiện nụ cười. Cô gái gật đầu, quay người rồi đi. Cô mất hút nhanh đến nỗi Phi-líp và hai anh bạn trẻ không kịp quay đầu nhìn.

— Lạ thật, — người thợ đốt than nói, — thật khó mà hiểu được cô gái. Hôm nay không biết có chuyện gì đã xảy ra với cô ta.

— Chắc thế, — người thứ hai phụ họa theo, — không ra báo tin, không ra thuyết phục. Nhưng mà chẳng phải chuyện của chúng ta.

— Phải đấy, đâu phải chuyện của ta, — người thứ ba thở dài nói.

Sau đó cả ba người ngồi lên xe ngựa. Chiếc xe lăn bánh lách cách trên con đường lổn nhổn những đá, khuất dần trong đám bụi.

VII
CON TÀU «BÍ MẬT» ĐỎ THẮM

Một buổi sớm mai. Sương mờ mờ trắng đục bao phủ khắp khu rừng thấp thoáng những hình thù kỳ dị. Một người thợ săn vừa rời đống lửa của mình đi dọc theo bờ sông. Qua những hàng cây, khoảng trời trên sông lộ ra thoáng đãng. Nhưng người thợ săn cần cù không đi về phía ấy mà lần theo chân con gấu vừa đi về phía núi.

Bỗng một âm thanh bất ngờ vút qua đám cây cối, đột ngột như một cuộc rượt đuổi náo động; đó là tiếng kèn cơ-la-ri-nét cất lên. Người nhạc công bước ra boong tàu, thổi một điệu nhạc buồn buồn, lặp đi lặp lại. Tiếng kèn run rẩy nghe như giọng ai đang cố giấu nỗi niềm trắc ẩn. Tiếng kèn nghe mạnh hơn và bỗng chuyển sang âm điệu tươi vui như thoáng nở nụ cười rồi im bặt. Tiếng vọng xa xa mơ hồ lặp lại âm điệu ấy.

Người thợ săn nhận thấy dấu vết một cành cây gãy và đi về chỗ có nước. Sương vẫn chưa tan, trong sương mù ẩn hiện bóng hình một con tàu lớn đang từ từ rẽ vào cửa sông. Những lá buồm cuộn đã được mở rộng, buông diềm, căng ra, che lấp những cột buồm như những tấm lá chắn bất lực có nhiều nếp gấp to. Có tiếng người nói và tiếng bước chân đi lại. Làn gió trên bờ uể oải thổi vào những cánh buồm. Cuối cùng hơi ấm của mặt trời đã có tác dụng. Sức gió tăng lên làm tan sương mù, gió thổi căng phồng những cánh buồm đỏ thắm. Ánh hồng lung linh trên nền trắng của cột buồm và dây dợ. Tất cả đều màu trắng, trừ những cánh buồm đang căng ra là màu đỏ, màu của niềm vui sâu sắc.

Người thợ săn đứng trên bờ giụi mắt mãi cho đến khi tin rằng

mình đã không nhìn lầm. Con tàu đã khuất sau quãng sông uốn khúc mà anh ta vẫn đứng ngây ra nhìn theo. Một lúc sau, anh ta khẽ nhún vai, rồi tiếp tục lần theo vết chân gấu.

Khi con tàu «Bí mật» đang xuôi theo dòng sông, Grây tự tay mình cầm bánh lái, không để ai khác làm việc đó vì anh sợ tàu mắc phải những bãi cát ngầm. Pan-ten ngồi bên cạnh; anh vận chiếc áo dạ mới, đội chiếc mũ mới, cạo râu nhẵn nhụi, vẻ mặt đăm chiêu. Anh vẫn chẳng thấy có điều gì liên quan giữa mục đích thật sự của Grây và những cánh buồm đỏ thắm.

— Bây giờ, — Grây nói, — khi cánh buồm của tôi đang rực đỏ, gió thổi khoan thai, lòng tôi tràn ngập một niềm vui còn lớn hơn cả nỗi mừng của chú voi trông thấy người ta đem thức ăn tới, tôi mới cố gắng giải thích cho anh hiểu những ý nghĩ của tôi, như lúc còn ở Li-xơ tôi đã hứa. Anh nên lưu ý rằng tôi không hề coi anh là ngu đần hay ương ngạnh, không, anh là một thủy thủ mẫu mực. Điều đó quý lắm. Nhưng cũng như phần lớn mọi người, anh đã theo những chân lý giản đơn qua lớp kính dày đặc của cuộc đời; chúng kêu to lên mà các anh không nghe thấy. Tôi chỉ làm một việc đang tồn tại như ý niệm cổ xưa về cái đẹp hão huyền, một việc thật ra có thể thực hiện được dễ dàng như một cuộc dạo chơi ngoài thành phố. Lát nữa anh sẽ nhìn thấy một người con gái, người ấy không thể, *không* gặp gỡ bạn đời của mình *một cách nào khác* ngoài cách mà anh đang nhìn thấy.

Anh giải thích ngắn gọn cho Pan-ten nghe điều mà chúng ta đều biết rõ, rồi kết thúc bằng những lời thế này:

— Anh thấy đấy, ở đây số phận, ý chí, tính tình của con người đã gặp gỡ hòa hợp như thế nào. Tôi đang đến với người con gái chỉ chờ đợi tôi, còn tôi cũng không muốn một ai khác ngoài cô ấy, có lẽ chính vì nhờ cô ấy mà tôi đã hiểu được một chân lý giản đơn. Chân lý đó là cần phải tạo ra những điều kỳ diệu bằng chính bàn tay của mình. Nếu đối với một người nào đó, kiếm được tiền là quý nhất, thì có thể dễ dàng cho anh ta đồng tiền. Nhưng nếu khi tâm hồn con người ấp ủ hạt giống của một cái cây nồng thắm là sự diệu kỳ, thì hãy tạo cho anh ta điều đó, nếu ta có thể làm được.

Khi đó cả anh ta và cả ta cũng sẽ có một tâm hồn mới. Khi người

cai ngục *tự tay mình* thả tù nhân, khi một nhà tỉ phú tặng cho viên thư ký một tòa biệt thự, một cô đào hát và một két bạc, khi một kỵ sĩ kìm con ngựa đua của mình lại để chờ con ngựa khác không gặp may thì lúc đó mọi người đều thấy đây là chuyện tốt lành và vô cùng kỳ lạ. Nhưng còn có những điều không kém phần kỳ lạ hơn: đó là nụ cười, niềm vui, lòng độ lượng và có thể chỉ là một lời cần thiết được nói đúng lúc. Có được cái đó có nghĩa là có tất cả. Về phần tôi, thì buổi đầu tiên hôm nay A-xôn và tôi nhận ra nhau sẽ mãi mãi in trong tâm trí tôi với sắc màu của những cánh buồm đỏ thắm, những cánh buồm được tạo ra từ đáy sâu của một trái tim đã hiểu thế nào là tình yêu. Anh hiểu tôi rồi chứ?

—Vâng, thưa thuyền trưởng, tôi đã hiểu,—Pan-ten nói nhỏ, lấy chiếc khăn tay gấp cẩn thận ra lau bộ ria.—Tôi hiểu tất cả rồi. Anh đã làm tôi xúc động. Tôi đi xuống khoang xin lỗi cậu Ních đây; hôm qua tôi vừa mắng cậu ta vì cậu ấy đánh đổ xô nước. Tôi sẽ cho cậu ấy ít thuốc lá của tôi, cậu ta hết thuốc hút rồi.

Grây hơi ngạc nhiên vì kết quả thiết thực chóng vánh của những lời mình vừa nói, anh chưa kịp nói gì thêm thì Pan-ten đã nện gót xuống cầu thang. Ở đó, thoáng nghe tiếng anh thở dài. Grây ngẩng nhìn lên cao. Phía trên đầu anh, những cánh buồm đỏ thắm đang lặng lẽ đón gió, các đường chỉ bắt ánh mặt trời lung linh như khói màu hồng. Con tàu «Bí mật» đã ra đến biển, mỗi lúc một xa bờ hơn. Trong lòng anh không gợn chút hồ nghi, lo âu; tâm hồn anh lúc này thanh thản, yên bình như cánh buồm lướt tới đích diệu kỳ, tràn đầy những ý nghĩ vượt trước cả lời nói.

Gần đến trưa, từ phía chân trời hiện lên làn khói của một chiếc tàu tuần dương. Con tàu quân sự đổi hướng đi và cách chừng nửa dặm thì cho phát lệnh: «Dừng lại!»

—Các anh em,—Grây nói với thủy thủ,—họ không bắn chúng mình đâu, đừng có sợ; họ chỉ không tin vào mắt mình đó thôi.

Anh ra lệnh cho tàu ngừng chạy. Pan-ten gào lên như đang có đám cháy để cho gió không thổi căng buồm. Con tàu dừng lại. Vào lúc ấy, một chiếc xuồng máy tách ra khỏi tàu tuần dương. Ngồi trên xuồng là mấy thủy thủ cùng với một viên trung úy đeo găng tay trắng.

Viên trung úy bước lên boong tàu «Bí mật», ngạc nhiên nhìn quanh rồi cùng Grây đi vào buồng thuyền trưởng. Khoảng một giờ sau, anh ta cáo từ, xuồng xuồng ra về, vẫy vẫy tay, miệng cười tươi như vừa được thăng chức. Có lẽ lần này Grây còn gây được tác động mạnh mẽ hơn là với chàng Pan-ten chất phác, bởi vì lần này chiếc tàu tuần dương ấy đã đi chậm lại và bắn một loạt đại bác chào mừng; những đụn khói đen từ nòng súng bốc lên cao rồi tỏa dần ra trên mặt nước yên lặng. Suốt ngày hôm đó, không khí trên chiếc tàu tuần dương rộn ràng gần như vào dịp lễ. Khắp nơi trên tàu, từ phòng khách đến khoang máy, mọi người đều bàn tán về câu chuyện vừa gặp, về tình yêu. Người lính gác kho thủy lôi hỏi một thủy thủ đi ngang qua:

— Này Tôm, cậu lấy vợ thế nào?

— Tớ túm lấy cô ta khi cô ta định nhảy qua cửa sổ tránh tớ, — Tôm đáp và kiêu hãnh xoắn ria mép.

Con tàu «Bí mật» lênh đênh ngoài biển khơi một lúc, đến khoảng trưa thì đất liền đã hiện ra xa xa. Grây cầm ống nhòm nhìn về phía làng Ca-péc-na. Nếu không vướng các mái nhà, chắc anh đã nhìn thấy A-xôn đang ngồi sau khung cửa sổ đọc sách. Cô ngồi đọc sách, trên trang giấy có con cánh cam nhỏ bò đi bò lại với vẻ như đây là nhà của nó. Đã hai lần A-xôn thổi nó bay ra bệ cửa sổ, nhưng rồi nó lại bay đến như định nói điều gì. Với vẻ tin cậy, thoải mái, lần này nó đậu ngay bên ngón tay cô gái đang cầm vào mép trang sách; ở đây nó dừng lại ở chữ «nhìn kìa», nó lại sợ bị hất đi lần nữa. Và quả thật, suýt nữa thì nó khó tránh xuống đất vì A-xôn đã kêu lên: «Lại mày hả, cánh cam!..» — A-xôn vừa định hất nó xuống thì tình cờ cô ngửng đầu lên và nhìn thấy đằng sau mái nhà là mặt biển khơi xanh biếc với hình một con tàu trắng mang những cánh buồm đỏ thắm.

Cô gái rùng mình, ngả đầu ra phía sau, lặng đi. Liền đó, cô đứng bật dậy, đầu óc quay cuồng, tim dường như ngừng đập, những giọt lệ xúc động kinh hoàng trào ra trên khóe mắt. Con tàu «Bí mật» lúc này đang vượt qua doi đất nhô ra ngoài biển, áp mạn trái vào bờ. Tiếng nhạc từ trên boong tàu nhẹ nhàng lan tỏa xuống mặt biển xanh rờn. Dưới ánh hồng của cánh buồm đỏ thắm, tiếng nhạc du dương ngân nga theo điệu một bài ca quen thuộc: «Cạn chén đi, cạn chén đi

các bạn, chúng ta mừng cho tình yêu...» Bài ca bình dị, hân hoan, bộc lộ niềm xúc động mạnh mẽ.

Không nhớ rằng mình đã ra khỏi nhà thế nào, A-xôn chạy về phía biển, như được ngọn gió phóng túng nâng cô lên. Đến chỗ ngoặt cô dừng lại, gần như kiệt sức, chân khuỵu xuống, hơi thở đứt quãng, tâm trí hết sức căng thẳng. Bực mình vì sợ không tự chủ được nữa, cô giậm chân chạy tiếp. Khi thì một mái nhà, khi thì bờ rào che khuất cánh buồm đỏ thắm. Những lúc đó A-xôn sợ con tàu ấy biến mất đi như một ảo ảnh, cô cố chạy nhanh qua vật che và lại trông thấy con tàu. Cô dừng lại, thở phào nhẹ nhõm.

Vào lúc ấy, ở làng Ca-péc-na đã xảy ra cảnh tượng khác thường, mọi người kinh ngạc, tất tưởi, nhốn nháo hệt như trong làng vừa có trận động đất. Chưa bao giờ có chiếc tàu lớn như vậy đi vào bờ biển làng này. Con tàu lại mang chính cánh buồm mà lâu nay mọi người trong làng vẫn nhạo báng. Bây giờ thì những cánh buồm đỏ rực lên như một sự vật hiển nhiên, bác bỏ mọi quy luật của cuộc sống và lẽ phải. Đàn ông, đàn bà, trẻ con vội vã đổ xô ra bờ biển. Dân làng gọi nhau í ới, va phải nhau, ngã dúi dụi, hò la ầm ĩ. Một lúc sau, sát bên bờ nước đã tụ tập cả một đám đông. Và A-xôn xăm xăm chạy đến chỗ ấy.

Khi cô gái chưa đến, mọi người đua nhau nhắc đến tên cô với vẻ vừa lo âu, nôn nóng, vừa sợ hãi. Đàn ông nói nhiều hơn, cánh đàn bà chỉ xì xào bàn tán ra vẻ ghen tị. Lúc A-xôn vừa xuất hiện, mọi người đều im bặt, sợ hãi tránh cô, khiến cô chỉ còn lại một mình giữa nơi hoang vắng của bãi cát nóng bỏng. Cô bối rối, e thẹn, hạnh phúc, khuôn mặt hồng lên không kém gì cánh buồm kỳ diệu của cô, hai tay bất lực đưa về phía con tàu lớn.

Một con thuyền tách ra khỏi tàu, những người chèo thuyền trông đều vạm vỡ rám nắng. Đứng giữa thuyền là chàng trai mà giờ đây cô mơ hồ cảm thấy như đã gặp tự thuở thơ ấu. Chàng trai mỉm cười nhìn cô, nụ cười thôi thúc và làm ấm lòng người. Trăm ngàn nỗi sợ hãi chợt đến với cô. Cô sợ có chuyện nhầm lẫn hay nhỡ có điều bí ẩn cản trở. Cô chạy xuống làn nước ấm áp, sóng nhẹ vỗ đung đưa, và kêu lên:

— Em ở đây, em ở đây! Em đây!

Đúng lúc ấy, Xim-me cầm đàn khoát tay ra hiệu. Cả dàn nhạc cùng hòa theo bài ca ban nãy, nhưng lần này nghe mạnh hơn, nghiêm trang hơn. Mây bay, sóng vỗ, ánh mặt trời lấp loáng trên mặt nước, lòng tràn ngập xúc động, cô gái hầu như không còn phân biệt được cái gì đang chuyển động: bản thân mình, con tàu hay chiếc thuyền — tất cả đều quay cuồng, chao đảo.

Nhưng tiếng mái chèo khỏa nước đã ngay bên cô, cô ngẩng đầu lên. Grây cúi xuống, cô với tay bám vào người anh. A-xôn hơi lim dim mắt, rồi liền sau đó cô mở to mắt, mỉm cười nhìn gương mặt rạng rỡ của Grây, vừa thở gấp vừa nói:

— Hoàn toàn giống như em tưởng tượng.

— Em cũng thế, em của anh! — Grây nhấc bổng cô gái bị ướt đẫm lên thuyền và nói. — Thế là anh đã đến. Em có nhận ra anh không?

Cô gái khẽ gật đầu, hai bàn tay đặt vào eo lưng anh, mắt lim dim, lòng rộn ràng, náo nức. Hạnh phúc tràn ngập trái tim cô. Khi cô lại mở mắt ra thì từ con thuyền đang rập rình trên sóng đến con tàu «Bí mật» đang quay mũi lái — tất cả đều là một giấc mơ, trong đó ánh mặt trời và mặt nước quấn quít đùa giỡn bên nhau. Cô không còn nhớ mình đã được Grây dìu lên cầu thang như thế nào. Boong tàu trải thảm, ánh buồm đỏ thắm hắt xuống, trông như một góc vườn thượng uyển. Một lát sau, cô thấy mình đứng trong căn phòng thuyền trưởng trang hoàng lộng lẫy.

Từ trên boong tàu, tiếng nhạc lôi cuốn lòng người lại vang lên. A-xôn lại nhắm mắt, sợ rằng tất cả sẽ biến mất nếu cô nhìn. Grây cầm lấy tay cô gái, và cô tin cậy úp gương mặt giàn giụa nước mắt vào ngực người bạn đời đã xuất hiện một cách thần kỳ như vậy. Sững sờ xúc động bởi cái giây phút khó tả và vô cùng quý giá đã đến, cái giây phút mà không một ai có được, Grây mỉm cười gượng nhẹ nâng cằm cô gái lên. Đây là khuôn mặt mà anh đã mơ ước bao lâu. Cuối cùng, đôi mắt cô gái lại mở to. Trong ánh mắt cô có tất cả những gì tốt đẹp nhất của con người.

— Anh cho bố em cùng đi với chúng mình chứ? — cô nói.

— Phải rồi, — Grây hôn cô thắm thiết sau câu trả lời rắn chắc «phải rồi» khiến cô bật cười.

Bây giờ chúng ta hãy tránh xa họ vì biết rằng họ cần ở một mình bên nhau. Nhiều lời bằng nhiều thứ tiếng đã nói về những người yêu nhau, nhưng không bao giờ có thể truyền đạt được hết những gì họ đã nói với nhau vào buổi đầu gặp gỡ ấy.

Cùng lúc ấy, trên boong tàu, dưới chân cột buồm, bên cạnh chiếc thùng gỗ nham nhở đã vẹt cả đáy, trong chứa thứ rượu trăm năm tuyệt ngon, tất cả thủy thủ đang chờ đợi thuyền trưởng của mình. Át-vút đứng, Pan-ten thì ngồi một cách oai vệ, vẻ mặt tươi hơn hớn như vừa được tái sinh. Grây bước lên boong tàu, ra hiệu cho dàn nhạc nổi kèn trống. Anh bỏ mũ ra và là người đầu tiên cầm lấy chiếc cốc nhiều cạnh múc đầy thứ rượu nho thiêng liêng.

—Nào, các bạn...—anh uống một hơi cạn cốc rượu, đặt cốc xuống và nói.—Bây giờ thì chúng ta uống thôi, tất cả đều uống; ai không uống, người ấy là kẻ thù của tôi.

Anh không phải nhắc lại lần thứ hai câu nói ấy. Trong lúc con tàu «Bí mật» dăng hết buồm lướt nhanh ra biển khơi, để làng Ca-péc-na mãi mãi kinh hoàng lại đằng sau, các thủy thủ vẫn còn chen chúc quanh thùng rượu còn quá cái cảnh vẫn thường diễn ra trong những ngày hội lớn.

—Thế nào, cậu có thấy thích không hở Lê-chi-ca?—Grây hỏi.

—Thưa thuyền trưởng,—Lê-chi-ca vừa nói vừa tìm chữ,—tôi cũng không biết tôi có thích không, nhưng quả thật ấn tượng của tôi cần phải nghĩ kỹ mới nói được. Tổ ong và vườn hoa!

—Anh nói gì vậy?

—Thưa thuyền trưởng, tôi muốn nói rằng trong miệng tôi như có ai đặt mật ong và hoa vào. Chúc thuyền trưởng hạnh phúc. Và xin chúc mọi điều tốt lành cho cô gái của thuyền trưởng, thứ «hàng tuyệt vời» mà chúng ta đã được chở, phần thưởng cao nhất của con tàu «Bí mật» này.

Hôm sau, khi một ngày mới lại bắt đầu, con tàu đã ở cách xa làng Ca-péc-na. Nhiều thủy thủ ngủ ngay trên boong tàu sau khi uống thứ

rượu tuyệt vời của Grây. Chỉ còn người lái tàu và trực ban là tỉnh táo. Xim-me đã ngà ngà say, ngồi ôm cây đàn vi-ô-lông-xen ở đằng lái, vẻ mặt trầm ngâm. Anh nhẹ nhàng kéo mã vĩ làm ngân lên điệu nhạc diệu kỳ như không phải ở cõi trần này, và anh nghĩ về hạnh phúc...

1920 - 1921



NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG